



HỘI ĐỒNG CHỈ ĐẠO XUẤT BẢN
SÁCH XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN

HỎI - ĐÁP PHÁP LUẬT VỀ TRỢ GIÚP PHÁP LÝ



NHÀ XUẤT BẢN
CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

HỎI - ĐÁP
PHÁP LUẬT VỀ
TRỢ GIÚP PHÁP LÝ

HỘI ĐỒNG CHỈ ĐẠO XUẤT BẢN

Chủ tịch Hội đồng

PGS.TS. NGUYỄN THẾ KỶ

Phó Chủ tịch Hội đồng

TS. HOÀNG PHONG HÀ

Thành viên

TRẦN QUỐC DÂN

TS. NGUYỄN ĐỨC TÀI

TS. NGUYỄN AN TIÊM

NGUYỄN VŨ THANH HẢO

PHƯƠNG LOAN

HỎI - ĐÁP
PHÁP LUẬT VỀ TRỢ GIÚP PHÁP LÝ

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT
HÀ NỘI - 2015

CHÚ DẪN CỦA NHÀ XUẤT BẢN

Luật trợ giúp pháp lý được Quốc hội khóa XI, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 29-6-2006, có hiệu lực thi hành từ ngày 01-01-2007. Luật trợ giúp pháp lý đã thể chế hóa quan điểm, chính sách của Đảng, Nhà nước, thể hiện truyền thống đạo lý của dân tộc, trách nhiệm của Nhà nước và xã hội đối với người nghèo, người được hưởng chính sách ưu đãi về trợ giúp pháp lý; giúp những người này có điều kiện tiếp cận và sử dụng pháp luật để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình, góp phần nâng cao hiểu biết pháp luật, ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật trong Nhân dân, thực hiện dân chủ ở cơ sở. Để triển khai các quy định của Luật trợ giúp pháp lý trong thực tế đời sống, Chính phủ, các Bộ, ban ngành có liên quan đã ban hành rất nhiều nghị định, thông tư quy định cụ thể về các vấn đề như hướng dẫn thi hành một số điều của Luật trợ giúp pháp lý, hướng dẫn nghiệp vụ trợ giúp pháp lý và quản lý nhà nước về trợ giúp pháp lý, quy định quy tắc nghề nghiệp trợ giúp pháp lý, quy định các biểu mẫu dùng trong hoạt động trợ giúp pháp lý, quy định về luật sư và tư vấn pháp luật, quy định về cộng tác viên pháp lý, hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm hoạt động của cơ quan, tổ chức trợ giúp pháp lý, trợ giúp pháp lý đối với người nghèo, người thuộc dân tộc thiểu số và cựu chiến binh, v.v..

Nhằm giúp bạn đọc, nhất là cán bộ, công chức và Nhân dân cấp cơ sở: xã, phường, thị trấn nắm được những quy định của pháp luật về lĩnh vực trợ giúp pháp lý và áp dụng hiệu quả trong thực tế đời sống, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật xuất bản cuốn sách ***Hỏi - đáp pháp luật về trợ giúp pháp lý.***

Xin giới thiệu cuốn sách với bạn đọc.

Tháng 9 năm 2015

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT

I. CÁC VẤN ĐỀ CHUNG VỀ TRỢ GIÚP PHÁP LÝ

Câu hỏi 1: Trợ giúp pháp lý là gì?

Trả lời:

Theo Điều 3 Luật trợ giúp pháp lý được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 29-6-2006 (sau đây gọi là Luật trợ giúp pháp lý năm 2006), thì trợ giúp pháp lý là việc cung cấp dịch vụ pháp lý miễn phí cho người được trợ giúp pháp lý theo quy định của Luật trợ giúp pháp lý, giúp người được trợ giúp pháp lý bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình, nâng cao hiểu biết pháp luật, ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật; góp phần vào việc phổ biến, giáo dục pháp luật, bảo vệ công lý, bảo đảm công bằng xã hội, phòng ngừa, hạn chế tranh chấp và vi phạm pháp luật.

Câu hỏi 2: Tại sao phải có quy định về trợ giúp pháp lý?

Trả lời:

Một thực tế ở Việt Nam trước khi ban hành

Luật trợ giúp pháp lý là, người nghèo và đối tượng chính sách sử dụng các quy định của pháp luật để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình còn hạn chế. Trong nhiều trường hợp, những người nghèo và đối tượng chính sách không biết tự bảo vệ khi quyền lợi chính đáng của mình bị xâm hại. Bên cạnh đó, do khả năng kinh tế không chi trả được chi phí dịch vụ pháp lý nên họ cũng không thuê được những người có trình độ pháp lý nhất định bảo vệ hoặc tư vấn cho mình. Do đó, Đảng và Nhà nước thông qua việc ban hành và thi hành Luật trợ giúp pháp lý năm 2006 nhằm nâng cao và hoàn thiện hơn việc tổ chức hệ thống trợ giúp pháp lý miễn phí cho người nghèo, đối tượng chính sách để giúp họ bảo vệ quyền lợi hợp pháp của mình, nâng cao hiểu biết pháp luật, ý thức tôn trọng pháp luật và chấp hành pháp luật.

Câu hỏi 3: Hoạt động trợ giúp pháp lý phải tuân theo những nguyên tắc nào?

Trả lời:

Điều 4 Luật trợ giúp pháp lý năm 2006 quy định hoạt động trợ giúp pháp lý phải tuân thủ các nguyên tắc sau đây:

1. Không thu phí, lệ phí, thù lao từ người được trợ giúp pháp lý.
2. Trung thực, tôn trọng sự thật khách quan.
3. Sử dụng các biện pháp phù hợp với quy định của pháp luật để bảo vệ tốt nhất quyền, lợi ích hợp pháp của người được trợ giúp pháp lý.

4. Tuân thủ pháp luật và quy tắc nghề nghiệp trợ giúp pháp lý.

5. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung trợ giúp pháp lý.

Câu hỏi 4: Như thế nào là một vụ việc về trợ giúp pháp lý?

Trả lời:

Điều 5 Luật trợ giúp pháp lý năm 2006 quy định, vụ việc được coi là vụ việc trợ giúp pháp lý phải liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp của người được trợ giúp pháp lý và không thuộc lĩnh vực kinh doanh, thương mại.

Ví dụ, bà Phạm Tuyết N là người có công giúp đỡ cách mạng trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, thuộc diện được trợ giúp pháp lý miễn phí. Bà N đề nghị Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước của tỉnh nơi bà cư trú trợ giúp pháp lý cho anh L là con của bà về tranh chấp dân sự. Trường hợp này, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước của tỉnh nơi bà N cư trú có quyền từ chối trợ giúp pháp lý vì vụ việc không liên quan trực tiếp đến lợi ích hợp pháp của bà N.

Ví dụ khác, ông Nguyễn Văn H là thương binh, ông H đến Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước của tỉnh N đề nghị trợ giúp pháp lý về việc thành lập doanh nghiệp chế biến thức ăn gia súc. Đối với vụ việc này, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước của tỉnh N có quyền từ chối trợ giúp pháp lý, vì vụ

việc thuộc lĩnh vực kinh doanh, không thuộc đối tượng của trợ giúp pháp lý.

Câu hỏi 5: Trợ giúp pháp lý thuộc trách nhiệm của cơ quan, tổ chức nào?

Trả lời:

Theo Điều 6 Luật trợ giúp pháp lý năm 2006, trợ giúp pháp lý là trách nhiệm của Nhà nước và Nhà nước giữ vai trò nòng cốt trong việc thực hiện, tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý. Nhà nước có trách nhiệm khuyến khích, tạo điều kiện để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, tổ chức hành nghề luật sư và luật sư, cơ quan, tổ chức, cá nhân khác tham gia thực hiện, đóng góp, hỗ trợ hoạt động trợ giúp pháp lý.

Bên cạnh đó, Điều 7 Luật trợ giúp pháp lý năm 2006 cũng quy định các cơ quan, tổ chức trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình khuyến khích, tạo điều kiện để cán bộ, công chức, viên chức, thành viên, hội viên và cá nhân khác làm việc tại cơ quan, tổ chức mình làm cộng tác viên trợ giúp pháp lý. Các cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan, tổ chức khác có liên quan đến hoạt động trợ giúp pháp lý trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình phối hợp, tạo điều kiện, cung cấp thông tin, tài liệu cho tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý để trợ giúp pháp lý.

Liên quan đến trách nhiệm của cơ quan, tổ chức trong hoạt động trợ giúp pháp lý, Điều 4 và

Điều 5 Nghị định số 07/2007/NĐ-CP ngày 12-01-2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật trợ giúp pháp lý được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2012/NĐ-CP ngày 02-02-2012 của Chính phủ, Nghị định số 14/2013/NĐ-CP ngày 05-02-2013 của Chính phủ và Nghị định số 80/2015/NĐ-CP ngày 17-9-2015 của Chính phủ (sau đây gọi là Nghị định số 07/2007/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung) hướng dẫn thêm:

- Các cơ quan nhà nước trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình khuyến khích, tạo điều kiện về thời gian làm việc để cán bộ, công chức, viên chức tham gia làm cộng tác viên trợ giúp pháp lý; phối hợp triển khai hoạt động trợ giúp pháp lý theo đề nghị của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước thuộc Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi tắt là Trung tâm), Chi nhánh của Trung tâm; tạo điều kiện cung cấp thông tin tài liệu có liên quan đến vụ việc trợ giúp pháp lý; trả lời kiến nghị về những vấn đề liên quan đến thi hành pháp luật;

- Các cơ quan thông tin đại chúng có trách nhiệm thường xuyên thông tin về tổ chức và hoạt động trợ giúp pháp lý; tạo điều kiện hỗ trợ và phối hợp thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý của Trung tâm, Chi nhánh của Trung tâm;

- Nhà nước khuyến khích, tạo điều kiện để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên trong phạm vi hoạt động của tổ chức mình tham gia thực hiện, đóng góp, hỗ trợ hoạt động trợ giúp

pháp lý, vận động Nhân dân thực hiện pháp luật về trợ giúp pháp lý; khuyến khích các thành viên, hội viên tham gia làm cộng tác viên; tạo điều kiện, phối hợp, cộng tác và hỗ trợ Trung tâm, các Chi nhánh của Trung tâm thực hiện công tác trợ giúp pháp lý có hiệu quả.

Câu hỏi 6: Phạm vi thực hiện trợ giúp của các cơ quan, tổ chức trợ giúp pháp lý được quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 26 Luật trợ giúp pháp lý năm 2006, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thực hiện trợ giúp pháp lý trong phạm vi sau đây:

a) Người được trợ giúp pháp lý đang cư trú tại địa phương;

b) Vụ việc trợ giúp pháp lý xảy ra tại địa phương;

c) Vụ việc trợ giúp pháp lý do tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý khác chuyển đến.

Tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật tham gia trợ giúp pháp lý trong phạm vi các tổ chức này đăng ký.

Riêng với Chi nhánh Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, theo quy định tại Điều 16 Luật trợ giúp pháp lý năm 2006 và Điều 11 Nghị định số 07/2007/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung thì Chi nhánh Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước là đơn vị

phụ thuộc của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước đặt tại huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và chịu sự quản lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước. Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước. Do đó, phạm vi nhiệm vụ thực hiện trợ giúp pháp lý của Chi nhánh Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước là vụ việc của người cư trú hoặc xảy ra trong địa bàn huyện, thị xã nơi Chi nhánh đó đặt trụ sở hoặc do tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý khác chuyển đến và thường được nêu rõ trong quyết định thành lập Chi nhánh.

Câu hỏi 7: Trợ giúp pháp lý được thực hiện ở các lĩnh vực nào?

Trả lời:

Theo Điều 34 Nghị định số 07/2007/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung, các lĩnh vực trợ giúp pháp lý bao gồm:

- Pháp luật hình sự, tố tụng hình sự và thi hành án hình sự;
- Pháp luật dân sự, tố tụng dân sự và thi hành án dân sự;
- Pháp luật hôn nhân gia đình và pháp luật về trẻ em;
- Pháp luật hành chính, khiếu nại, tố cáo và tố tụng hành chính;

- Pháp luật đất đai, nhà ở, môi trường và bảo vệ người tiêu dùng;
- Pháp luật lao động, việc làm, bảo hiểm;
- Pháp luật ưu đãi người có công với cách mạng và pháp luật về chính sách ưu đãi xã hội khác;
- Các lĩnh vực pháp luật khác liên quan đến chương trình mục tiêu quốc gia xóa đói, giảm nghèo hoặc liên quan trực tiếp đến quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.

Câu hỏi 8: Ông Trần Văn X thuộc hộ gia đình chuẩn nghèo ở nông thôn. Ông X đã xô sát với anh P là hàng xóm và bị khởi tố về tội cố ý gây thương tích. Trường hợp trên, khi ông X muốn được trợ giúp pháp lý thì có thuộc lĩnh vực trợ giúp pháp lý hay không?

Trả lời:

Vụ việc ông Trần Văn X gây thương tích cho anh P đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự, thuộc lĩnh vực pháp luật hình sự và tố tụng hình sự, là lĩnh vực được trợ giúp pháp lý theo quy định của Luật trợ giúp pháp lý năm 2006 và Điều 34 Nghị định số 07/2007/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung. Trong khi đó, ông X thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý cũng theo Luật trợ giúp pháp lý. Do đó, ông X được trợ giúp pháp lý theo yêu cầu cụ thể như: tư vấn pháp luật liên quan, bào chữa cho ông trước Tòa án và một số việc khác theo quy định của pháp luật.

Câu hỏi 9: Theo bản án đã có hiệu lực pháp luật tuyên vào ngày 01-10 năm trước của Toà án nhân dân huyện V, bà Nguyễn Thanh H được trả lại căn nhà do gia đình hàng xóm thuê từ năm 1995. Tuy nhiên, gia đình hàng xóm vẫn cố tình không chịu trả nhà theo phán quyết của Toà án nhân dân tại bản án. Bà H thuộc diện được trợ giúp pháp lý. Như vậy, vụ việc của bà H thuộc lĩnh vực nào của trợ giúp pháp lý?

Trả lời:

Theo quy định của Luật thi hành án dân sự năm 2008, thì vụ việc của bà Nguyễn Thanh H thuộc vụ việc thi hành án dân sự. Do đó, theo Luật trợ giúp pháp lý năm 2006 và Điều 34 Nghị định số 07/2007/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung thì đây là lĩnh vực được trợ giúp pháp lý. Do đó, bà Nguyễn Thanh H được trợ giúp pháp lý nếu có yêu cầu.

Câu hỏi 10: Bà Nguyễn Thị T và hai con nhỏ là cháu A và cháu Q sinh sống ở xã miền núi, có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn. Chồng của bà T là người nghiện rượu, thường xuyên có hành vi lăng mạ bà T và hai con. Vậy, trường hợp bà T và hai con bà có thuộc diện trợ giúp pháp lý hay không và thuộc lĩnh vực nào của trợ giúp pháp lý?

Trả lời:

Theo Điều 2, 3 Luật phòng, chống bạo lực gia

đình năm 2007 thì các hành vi cố ý của thành viên gia đình gây tổn hại hoặc có khả năng gây tổn hại về thể chất, tinh thần, kinh tế đối với thành viên khác trong gia đình, như: bạo lực thể xác (đánh đập...), bạo lực tinh thần (chửi bới, mắng nhiếc, hạ thấp hay xúc phạm nhân phẩm...), bạo lực tình dục (cưỡng ép quan hệ tình dục ngoài ý muốn), bạo lực kinh tế (ngăn không cho làm việc, kiểm soát chặt chẽ, không cho người khác tiếp cận những nguồn thu nhập của gia đình) đều bị cấm. Các hành vi này cũng thuộc các hành vi bị cấm theo Điều 5 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Do đó, trường hợp của bà T thuộc lĩnh vực pháp luật hôn nhân và gia đình và theo quy định của Luật trợ giúp pháp lý năm 2006 và Điều 34 Nghị định số 07/2007/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung thì đây là lĩnh vực được trợ giúp pháp lý và bà T có quyền yêu cầu trợ giúp pháp lý.

Câu hỏi 11: Chị Vũ Thị S là vợ liệt sĩ, công tác tại cơ quan nhà nước huyện M, tỉnh N. Chị khởi kiện ra Tòa án nhân dân huyện M về quyết định kỷ luật buộc chị thôi việc của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M. Chị S muốn được trợ giúp pháp lý trong vụ việc của chị. Vậy, vụ việc của chị S thuộc lĩnh vực trợ giúp pháp lý nào?

Trả lời:

Trường hợp của chị Vũ Thị S là việc khởi kiện

vụ án hành chính theo quy định của Luật tố tụng hành chính năm 2010 đối với quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M buộc chị S thôi việc. Lĩnh vực yêu cầu trợ giúp pháp lý của chị S là lĩnh vực tố tụng hành chính.

Do đó, theo quy định của Luật trợ giúp pháp lý năm 2006 và Điều 34 Nghị định số 07/2007/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung, thì trường hợp của chị Vũ Thị S được trợ giúp pháp lý đối với việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của chị trong khi tham gia tố tụng để giải quyết vụ án hành chính.

Câu hỏi 12: Ông Trần H là cựu chiến binh thuộc diện được trợ giúp pháp lý. Ông yêu cầu Trung tâm trợ giúp pháp lý thuộc Sở Tư pháp tỉnh nơi ông sinh sống trợ giúp pháp lý để giải quyết trường hợp Công ty điện máy A bán cho ông chiếc máy điều hoà nhiệt độ mà không thực hiện nghĩa vụ bảo hành khi máy điều hoà đó hỏng hóc trong thời hạn bảo hành. Như vậy, trường hợp này thuộc lĩnh vực trợ giúp pháp lý nào?

Trả lời:

Yêu cầu trợ giúp của ông Trần H thuộc lĩnh vực pháp luật bảo vệ người tiêu dùng theo quy định của pháp luật về bảo vệ người tiêu dùng (Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2010, Nghị định số 99/2011/NĐ-CP ngày 27-10-2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi

hành một số điều của Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và các văn bản pháp luật liên quan khác).

Theo quy định của Luật trợ giúp pháp lý năm 2006 và Điều 34 Nghị định số 07/2007/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung thì lĩnh vực pháp luật bảo vệ người tiêu dùng là lĩnh vực được trợ giúp pháp lý. Do vậy, ông H phải được Trung tâm trợ giúp pháp lý nơi ông sinh sống trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu.

Câu hỏi 13: Anh Huỳnh Văn K là người khuyết tật, làm công nhân trong Công ty thủ công mỹ nghệ xuất khẩu. Tháng trước, anh K bất ngờ bị Giám đốc Công ty ra quyết định cho thôi việc. Anh K muốn được Chi nhánh Trung tâm trợ giúp pháp lý nơi anh làm việc trợ giúp pháp lý để bảo vệ quyền lợi của mình. Như vậy, trường hợp của anh có thuộc lĩnh vực trợ giúp pháp lý hay không?

Trả lời:

Trường hợp của anh Huỳnh Văn K liên quan đến lĩnh vực pháp luật về lao động, việc làm được quy định bởi Bộ luật lao động năm 2012 và các văn bản pháp luật hướng dẫn Bộ luật này. Đây là lĩnh vực pháp luật được trợ giúp pháp lý theo quy định của Luật trợ giúp pháp lý năm 2006 và Điều 34 Nghị định số 07/2007/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung.

Câu hỏi 14: Bà Mai Thị Q là người có công giúp đỡ cách mạng trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ và được Nhà nước tặng

Bằng “Có công với nước”. Bà Q muốn được yêu cầu trợ giúp pháp luật liên quan đến trợ cấp, phụ cấp ưu đãi đối với người có công với cách mạng mà bà được hưởng. Vậy, yêu cầu trợ giúp của bà Q có thuộc lĩnh vực trợ giúp pháp lý hay không?

Trả lời:

Yêu cầu của bà Mai Thị Q thuộc lĩnh vực pháp luật liên quan đến chính sách của Nhà nước đối với người có công với cách mạng được quy định bởi các văn bản pháp luật, như: Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng năm 2005 sửa đổi, bổ sung năm 2007, 2012, Nghị định số 101/2013/NĐ-CP ngày 04-9-2013 của Chính phủ quy định mức trợ cấp, phụ cấp ưu đãi đối với người có công với cách mạng và các văn bản pháp luật khác liên quan. Do đó, yêu cầu của bà Q thuộc lĩnh vực được trợ giúp pháp lý theo quy định của Luật trợ giúp pháp lý năm 2006 và Điều 34 Nghị định số 07/2007/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung.

Câu hỏi 15: Bà Nguyễn Thị V là vợ liệt sĩ, muốn trợ giúp pháp lý liên quan đến việc thực hiện quyền ứng cử vào Hội đồng nhân dân xã. Yêu cầu của bà V có thuộc lĩnh vực trợ giúp pháp lý hay không?

Trả lời:

Theo quy định của Hiến pháp năm 2013,

Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 thì quyền ứng cử vào cơ quan quyền lực nhà nước là một trong những quyền cơ bản của công dân. Do đó, yêu cầu của bà V thuộc lĩnh vực pháp luật liên quan trực tiếp đến quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. Đây là lĩnh vực được trợ giúp pháp lý theo quy định của Luật trợ giúp pháp lý năm 2006 và Điều 34 Nghị định số 07/2007/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung.

Câu hỏi 16: Trợ giúp pháp lý có các hình thức nào?

Trả lời:

Điều 27 Luật trợ giúp pháp lý năm 2006 quy định các hình thức trợ giúp pháp lý bao gồm:

- Tư vấn pháp luật;
- Tham gia tố tụng;
- Đại diện ngoài tố tụng;
- Các hình thức trợ giúp pháp lý khác.

Câu hỏi 17: Trợ giúp pháp lý bằng hình thức tư vấn pháp luật được quy định như thế nào?

Trả lời:

Điều 28 Luật trợ giúp pháp lý năm 2006 quy định Trợ giúp viên pháp lý, cộng tác viên, luật sư, tư vấn viên pháp luật thực hiện tư vấn pháp luật cho người được trợ giúp pháp lý bằng việc hướng

dẫn, giải đáp, đưa ra ý kiến, cung cấp thông tin pháp luật, giúp soạn thảo văn bản liên quan đến vụ việc trợ giúp pháp lý.

Câu hỏi 18: Trợ giúp pháp lý bằng hình thức tham gia tố tụng được quy định như thế nào?

Trả lời:

Điều 29 Luật trợ giúp pháp lý năm 2006 quy định Trợ giúp viên pháp lý, luật sư tham gia tố tụng hình sự để bào chữa cho người được trợ giúp pháp lý là người bị tạm giữ, bị can, bị cáo hoặc để bảo vệ quyền lợi của người được trợ giúp pháp lý là người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án hình sự.

Bên cạnh đó, Trợ giúp viên pháp lý, luật sư tham gia tố tụng dân sự, tố tụng hành chính để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người được trợ giúp pháp lý trong vụ việc dân sự, vụ án hành chính.

Câu hỏi 19: Trợ giúp pháp lý bằng hình thức đại diện ngoài tố tụng là như thế nào?

Trả lời:

Điều 30 Luật trợ giúp pháp lý năm 2006 quy định Trợ giúp viên pháp lý, luật sư thực hiện đại diện ngoài tố tụng cho người được trợ giúp pháp lý

khi họ không thể tự bảo vệ được quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

Việc đại diện ngoài tố tụng được thực hiện trong phạm vi yêu cầu của người được trợ giúp pháp lý.

Câu hỏi 20: Trợ giúp pháp lý bằng các hình thức trợ giúp pháp lý khác là như thế nào?

Trả lời:

Điều 31 Luật trợ giúp pháp lý năm 2006 quy định Trợ giúp viên pháp lý, luật sư thực hiện các hình thức trợ giúp pháp lý khác cho người được trợ giúp pháp lý bằng việc giúp đỡ họ hoà giải, thực hiện những công việc liên quan đến thủ tục hành chính, khiếu nại và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

Câu hỏi 21: Hoà giải trong trợ giúp pháp lý được quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo Điều 40 Nghị định số 07/2007/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung thì khi có yêu cầu hoặc được sự đồng ý của một hoặc các bên, tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý cử người thực hiện trợ giúp pháp lý làm trung gian để phân tích các tình tiết của vụ việc, giải thích quy định của pháp luật, hướng dẫn để các bên tự thương lượng, thống nhất hướng giải quyết vụ việc mà không phải đưa vụ việc ra Tòa án hoặc cơ quan có thẩm quyền, tự

nguyên rút đơn kiện, tự giải quyết các tranh chấp và tự nguyện chấp hành kết quả giải quyết vụ việc.

Việc hoà giải cũng được tiến hành trong trường hợp cần thiết để giữ gìn đoàn kết cộng đồng, duy trì trật tự an toàn xã hội, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên, trừ trường hợp pháp luật quy định không được hoà giải.

Việc hoà giải phải được lập thành biên bản. Biên bản hoà giải phải thể hiện đầy đủ kết quả của quá trình hoà giải, ý kiến của người thực hiện trợ giúp pháp lý và của các bên về nội dung vụ việc, có chữ ký của các bên tham gia để họ tự nguyện thi hành kết quả hoà giải. Biên bản hoà giải phải được lưu giữ trong hồ sơ vụ việc trợ giúp pháp lý.

Câu hỏi 22: Trợ giúp pháp lý được thực hiện lưu động trong trường hợp nào?

Trả lời:

Theo Điều 35 Nghị định số 07/2007/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung thì trợ giúp pháp lý lưu động được thực hiện căn cứ vào nhu cầu hoặc tại những địa điểm xa Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Kế hoạch trợ giúp pháp lý lưu động được Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, Chi nhánh Trung

tâm trợ giúp pháp lý nhà nước xây dựng căn cứ vào kết quả khảo sát nhu cầu trợ giúp pháp lý của người được trợ giúp pháp lý hoặc yêu cầu của nhiệm vụ chính trị - xã hội ở địa phương theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc theo yêu cầu của cơ sở.

Trung tâm hoặc Chi nhánh tổ chức các đợt trợ giúp pháp lý lưu động. Khi thực hiện trợ giúp pháp lý lưu động, Trung tâm, Chi nhánh được đề nghị các cơ quan, ban, ngành có liên quan ở địa phương phối hợp cử người đại diện tham gia. Người tham gia trợ giúp pháp lý lưu động được hưởng chế độ, chính sách theo quy định đối với cán bộ, công chức, viên chức đi công tác.

Các cơ quan, tổ chức và Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi cho Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, Chi nhánh Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước trong việc tổ chức các đợt trợ giúp pháp lý lưu động và huy động cộng tác viên tham gia trợ giúp pháp lý.

Việc tổ chức trợ giúp pháp lý lưu động phải được thông báo trước bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân nơi dự kiến tổ chức. Sau mỗi đợt trợ giúp pháp lý lưu động, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, Chi nhánh Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước lập biên bản và thông báo kết quả trợ giúp pháp lý lưu động cho Ủy ban nhân dân nơi

đã tổ chức trợ giúp pháp lý lưu động, các cơ quan, ban, ngành có liên quan.

Biên bản trợ giúp pháp lý lưu động ghi rõ những vấn đề đã được giải quyết, những vấn đề cần phải giải quyết thuộc phạm vi trách nhiệm, quyền hạn của từng cơ quan, ban, ngành, của Ủy ban nhân dân, những vụ việc sẽ được đưa về Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, Chi nhánh Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước để tiếp tục thực hiện và những đề xuất, kiến nghị về việc thi hành pháp luật ở địa phương. Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, Chi nhánh Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước có trách nhiệm báo cáo kết quả với Giám đốc Sở Tư pháp và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi tiến hành trợ giúp pháp lý lưu động, trường hợp đặc biệt, có những vấn đề bức xúc thì báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc thực hiện pháp luật ở cơ sở và kiến nghị các biện pháp nâng cao hiệu quả của hoạt động công vụ ở địa phương.

Câu hỏi 23: Trong trợ giúp pháp lý, nếu phát hiện pháp luật chưa phù hợp với thực tiễn thì tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý có được kiến nghị thi hành pháp luật hay không?

Trả lời:

Theo khoản 4 Điều 41 Nghị định số 07/2007/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung, khi giải quyết vụ việc, tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý phát hiện văn bản quy

phạm pháp luật có mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không còn phù hợp với thực tiễn thì kiến nghị với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật đó. Trong kiến nghị cần nêu rõ quy định cần sửa đổi, bổ sung, được đề xuất phương án sửa đổi, bổ sung và các giải pháp để bảo đảm thực hiện pháp luật có hiệu quả.

Câu hỏi 24: Tổ chức, cá nhân trợ giúp pháp lý được làm gì khi phát hiện vụ việc của người được trợ giúp pháp lý đã quá thời hạn giải quyết quy định mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền không giải quyết vụ việc hoặc không tiếp nhận giải quyết vụ việc?

Trả lời:

Theo khoản 1, 2 Điều 41 Nghị định số 07/2007/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung thì khi có đủ căn cứ cho rằng đã quá thời hạn quy định mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền không giải quyết vụ việc hoặc không tiếp nhận giải quyết vụ việc, gây thiệt hại cho người được trợ giúp pháp lý thì tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét giải quyết vụ việc để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người được trợ giúp pháp lý. Khi kiến nghị, tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý phải nêu rõ nội dung vụ việc, căn cứ pháp luật được áp dụng, hướng giải

quyết vụ việc và chịu trách nhiệm về tính đúng đắn của kiến nghị.

Cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết vụ việc khi nhận được văn bản kiến nghị của tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý có trách nhiệm xem xét, giải quyết và trả lời bằng văn bản trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày nhận được kiến nghị; trong trường hợp có lý do chính đáng thì thời hạn trên có thể kéo dài, nhưng không quá bốn mươi lăm ngày, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trong trường hợp quá thời hạn nêu trên mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền không giải quyết vụ việc hoặc không trả lời thì tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý được kiến nghị với cơ quan nhà nước cấp trên trực tiếp của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để giải quyết theo quy định của pháp luật. Cơ quan nhà nước cấp trên trực tiếp có trách nhiệm chỉ đạo, xử lý vụ việc có kiến nghị trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày nhận được kiến nghị và thông báo bằng văn bản cho tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý về kết quả giải quyết vụ việc.

Câu hỏi 25: Tổ chức, cá nhân trợ giúp pháp lý phải tuân thủ tiêu chuẩn nghề nghiệp nào?

Trả lời:

Theo các điều 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15 Quy tắc nghề nghiệp trợ giúp pháp lý ban hành

kèm theo Quyết định số 09/2008/QĐ-BTP ngày 08-12-2008 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành Quy tắc nghề nghiệp trợ giúp pháp lý, các tổ chức, cá nhân trợ giúp pháp lý phải tuân thủ tiêu chuẩn nghề nghiệp sau đây:

- Giữ gìn và không ngừng nâng cao uy tín nghề nghiệp;

- Trung thực, khách quan;

- Tuân thủ và tôn trọng pháp luật;

- Bảo vệ tốt nhất quyền và lợi ích hợp pháp của người được trợ giúp pháp lý;

- Bảo đảm bí mật thông tin về vụ việc trợ giúp pháp lý;

- Tác phong, thái độ và hành vi ứng xử đúng mực;

- Không phân biệt đối xử với người được trợ giúp pháp lý vì bất kỳ lý do về dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, trình độ học vấn, địa vị xã hội, giới tính, độ tuổi, thể chất hoặc vụ việc trợ giúp pháp lý;

- Tôn trọng, hợp tác và giúp đỡ đồng nghiệp;

- Tôn trọng, phối hợp với các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong việc làm rõ sự thật khách quan của vụ án;

- Cộng tác, phối hợp chặt chẽ với cơ quan thông tin đại chúng;

- Cộng tác, hỗ trợ chính quyền cơ sở;

- Phối hợp, cộng tác với các cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Câu hỏi 26: Tại sao phải bảo đảm nguyên tắc bình đẳng giới trong trợ giúp pháp lý?

Trả lời:

Theo Điều 3 Thông tư số 11/2014/TT-BTP ngày 17-4-2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về bảo đảm bình đẳng giới trong trợ giúp pháp lý (Thông tư số 11/2014/TT-BTP) thì mục tiêu của việc này là:

- Bảo đảm cơ hội bình đẳng giữa nam và nữ trong tiếp cận hoạt động trợ giúp pháp lý để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, nâng cao hiểu biết pháp luật, ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật;

- Xóa bỏ phân biệt đối xử về giới, tiến tới bình đẳng thực chất giữa nam và nữ trong trợ giúp pháp lý;

- Thiết lập, củng cố quan hệ hợp tác, hỗ trợ giữa nam và nữ trong thực hiện quyền được trợ giúp pháp lý và trong giám sát việc thực hiện bảo đảm bình đẳng giới trong trợ giúp pháp lý.

Bên cạnh đó, Điều 4 Thông tư số 11/2014/TT-BTP ngày 17-4-2014 quy định nguyên tắc bảo đảm bình đẳng giới trong hoạt động trợ giúp pháp lý được thực hiện như sau:

- Tuân thủ nguyên tắc hoạt động trợ giúp pháp lý và các nguyên tắc cơ bản về bình đẳng giới;

- Không định kiến giới, không cản trở hoặc ảnh hưởng đến cơ hội tiếp cận bình đẳng trong

hoạt động trợ giúp pháp lý của nam và nữ trên thực tế;

- Mọi hành vi phân biệt đối xử về giới trong trợ giúp pháp lý khi phát hiện phải được ngăn chặn kịp thời, xử lý nghiêm minh, công khai và đúng pháp luật;

- Các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới trong trợ giúp pháp lý không bị coi là phân biệt đối xử về giới.

Câu hỏi 27: Bình đẳng giới trong hoạt động trợ giúp pháp lý được thực hiện như thế nào?

Trả lời:

Theo Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11 và Điều 12 Thông tư số 11/2014/TT-BTP, việc bảo đảm bình đẳng giới trong hoạt động trợ giúp pháp lý là:

a) Xác định, phân tích vấn đề giới:

Khi xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch trợ giúp pháp lý hàng năm hoặc triển khai hoạt động trợ giúp pháp lý, tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý có trách nhiệm xác định, phân tích vấn đề giới và đề ra các biện pháp bảo đảm bình đẳng giới trong trợ giúp pháp lý.

Nội dung xác định, phân tích vấn đề giới trong trợ giúp pháp lý bao gồm:

- Phân tích cơ cấu nam, nữ trong đội ngũ người thực hiện trợ giúp pháp lý và chất lượng nguồn nhân lực thực hiện trợ giúp pháp lý;

- Phân tích cơ cấu nam, nữ trong tổng số vụ việc, tổng số người được trợ giúp pháp lý và trong các vụ việc quy định tại Điều 12 Thông tư này;

- Phân tích khả năng dẫn đến bất bình đẳng giới, sự phân biệt đối xử về giới trong trợ giúp pháp lý hoặc những hoạt động cản trở việc thực hiện quyền được trợ giúp pháp lý của nam và nữ (nếu có);

- Xác định vấn đề giới, nguyên nhân dẫn đến bất bình đẳng giới, sự phân biệt đối xử về giới trong trợ giúp pháp lý hoặc những hoạt động cản trở việc thực hiện quyền được trợ giúp pháp lý của nam và nữ.

b) Xây dựng và thực hiện kế hoạch bảo đảm bình đẳng giới trong trợ giúp pháp lý:

- Căn cứ kết quả xác định, phân tích vấn đề giới theo quy định tại Điều 8 Thông tư này, tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý xây dựng và thực hiện Kế hoạch bảo đảm bình đẳng giới trong trợ giúp pháp lý thông qua việc lồng ghép trong Kế hoạch công tác trợ giúp pháp lý hàng năm và các chương trình, kế hoạch khác.

- Nội dung lồng ghép giới trong xây dựng và thực hiện Kế hoạch bao gồm:

+ Công tác thông tin, truyền thông về quyền của người được trợ giúp pháp lý liên quan đến bình đẳng giới; về phòng, chống bạo lực gia đình; về phòng, chống nạn mua bán người; phòng, chống xâm hại tình dục;

+ Xây dựng cơ cấu tổ chức và đội ngũ người thực hiện trợ giúp pháp lý phù hợp với quy định tại Điều 6 Thông tư này;

+ Tổ chức tập huấn nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thực hiện trợ giúp pháp lý của tổ chức mình;

+ Thu hút sự tham gia của cả nam và nữ trong việc xây dựng Kế hoạch trợ giúp pháp lý và trong việc theo dõi, đánh giá, giám sát, kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch đó;

+ Xây dựng và nhân rộng các mô hình điểm bảo đảm bình đẳng giới trong trợ giúp pháp lý phù hợp với đặc điểm của tổ chức mình;

+ Xác định trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan; sự phối hợp giữa cơ quan, tổ chức, cá nhân trong tổ chức thực hiện và nguồn lực bảo đảm thực hiện Kế hoạch sau khi được phê duyệt.

c) Bảo đảm sự tham gia bình đẳng của người thực hiện trợ giúp pháp lý trong hoạt động trợ giúp pháp lý:

- Tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý phân công người thực hiện trợ giúp pháp lý thực hiện vụ việc quy định tại Điều 12 Thông tư này phù hợp với nhu cầu của người được trợ giúp pháp lý và khả năng của tổ chức mình;

- Tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý công khai danh sách người thực hiện trợ giúp pháp lý của tổ chức mình để người được trợ giúp pháp lý

thực hiện quyền lựa chọn, thay đổi người thực hiện trợ giúp pháp lý. Danh sách người thực hiện trợ giúp pháp lý phải thể hiện rõ giới tính, lĩnh vực chuyên môn và kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực chuyên môn được giao;

- Người thực hiện trợ giúp pháp lý là phụ nữ đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi được bố trí thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý phù hợp với khả năng và điều kiện của họ. Tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý có trách nhiệm hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho họ trong quá trình thực hiện hoạt động trợ giúp pháp lý.

d) Bảo đảm sự tham gia bình đẳng của người được trợ giúp pháp lý trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ:

- Khi thực hiện các hoạt động trợ giúp pháp lý, tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý và người thực hiện trợ giúp pháp lý có trách nhiệm:

+ Phối hợp chặt chẽ với cơ quan thông tin, truyền thông, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị, xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, chính quyền cơ sở để truyền thông, phổ biến pháp luật về bình đẳng giới và các thông tin chung liên quan đến vụ việc trợ giúp pháp lý theo nội dung Mục d Câu này;

+ Tạo điều kiện cho người được trợ giúp pháp lý tiếp cận và thực hiện quyền, nghĩa vụ của họ theo quy định của pháp luật mà không bị phân biệt đối xử về giới;

+ Không tạo áp lực hoặc sử dụng điểm yếu về giới tính của người được trợ giúp pháp lý để buộc họ phải quyết định ngay lập tức hướng giải quyết vụ việc;

+ Thông tin về quyền, lợi ích hợp pháp của người được trợ giúp pháp lý, quyền được bảo vệ, được đối xử công bằng và tôn trọng các quyền, nghĩa vụ khác khi người được trợ giúp pháp lý có yêu cầu.

- Tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý lựa chọn thời gian, phương thức trợ giúp pháp lý phù hợp với đặc điểm giới tính, tâm lý, phong tục tập quán của địa phương để nam và nữ được tiếp cận bình đẳng với hoạt động trợ giúp pháp lý, tham gia và thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

đ) Thực hiện các biện pháp bảo vệ và hỗ trợ cho người được trợ giúp pháp lý là người mẹ, trẻ em gái, nạn nhân bạo lực gia đình, nạn nhân bị mua bán, nạn nhân bị xâm hại tình dục:

- Khi người được trợ giúp pháp lý là người mẹ, trẻ em gái, nạn nhân bạo lực gia đình, nạn nhân bị mua bán, nạn nhân bị xâm hại tình dục có yêu cầu được trợ giúp pháp lý thì tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý, người thực hiện trợ giúp pháp lý tiến hành các công việc sau đây:

+ Nếu người được trợ giúp pháp lý yêu cầu được tiếp riêng, không muốn người thứ ba cùng nghe họ trình bày, thì người thực hiện trợ giúp

pháp lý có trách nhiệm bố trí địa điểm tiếp phù hợp, tạo điều kiện để họ trình bày, cung cấp thông tin, tài liệu về vụ việc;

+ Thông tin về quyền được pháp luật bảo vệ, không phán xét, đổ lỗi, gây áp lực, gây sợ hãi hoặc làm tổn thương về mặt tâm lý cho người được trợ giúp pháp lý;

+ Động viên, giải thích để người được trợ giúp pháp lý cung cấp thông tin về vụ việc, nhằm bảo vệ tốt nhất quyền và lợi ích hợp pháp của họ;

+ Tư vấn pháp luật, giải thích quyền, nghĩa vụ, bảo đảm bí mật thông tin về vụ việc trợ giúp pháp lý theo quy định của pháp luật; hướng dẫn người được trợ giúp pháp lý tiếp cận với các cơ sở trợ giúp, hỗ trợ nạn nhân; hướng dẫn hoặc đề nghị áp dụng các biện pháp bảo vệ và hỗ trợ nạn nhân theo quy định của pháp luật;

+ Trường hợp người được trợ giúp pháp lý có nhu cầu tư vấn pháp luật để phòng ngừa bị mua bán trở lại hoặc trợ giúp pháp lý để làm thủ tục đăng ký hộ khẩu, hộ tịch, nhận chế độ hỗ trợ, yêu cầu bồi thường thiệt hại, tham gia tố tụng và các thủ tục pháp lý khác có liên quan đến vụ việc mua bán người, thì cử người thực hiện trợ giúp pháp lý giúp đỡ họ;

+ Đề xuất cơ quan có thẩm quyền áp dụng các biện pháp bảo vệ an toàn cho người được trợ giúp pháp lý và người thân thích của họ; hướng

dẫn người được trợ giúp pháp lý đề nghị hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền áp dụng hoặc hủy bỏ các biện pháp bảo vệ, thương lượng, hòa giải, nhằm bảo vệ tốt nhất quyền và lợi ích hợp pháp của họ;

+ Hỗ trợ, giúp người được trợ giúp pháp lý ổn định tâm lý; trường hợp cần thiết thì yêu cầu Tòa án cử người hỗ trợ tại Tòa để giúp nạn nhân chứng thực lời khai, tránh việc liên hệ giữa nạn nhân với người có hành vi vi phạm trong trường hợp nạn nhân bị kích động hoặc bị đe dọa đến danh dự và tính mạng của họ.

- Người thực hiện trợ giúp pháp lý có trách nhiệm cung cấp địa chỉ, thông tin về sự hỗ trợ từ cơ quan công an, chính quyền cơ sở, các tổ chức hội, đoàn thể, các cơ sở trợ giúp, hỗ trợ nạn nhân và dịch vụ xã hội khác cho người được trợ giúp pháp lý khi cần thiết.

- Khi phát hiện người được trợ giúp pháp lý là nạn nhân của bạo lực gia đình, nạn nhân bị mua bán, nạn nhân bị xâm hại tình dục, tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý thông tin, phối hợp với cơ sở trợ giúp, hỗ trợ nạn nhân để thực hiện biện pháp hỗ trợ, bảo vệ và trợ giúp theo quy định của pháp luật.

- Trong quá trình thực hiện trợ giúp pháp lý cho nạn nhân bạo lực gia đình, nạn nhân bị mua bán, nạn nhân bị xâm hại tình dục, nếu

phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật, thì tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý chuyển vụ việc sang cơ quan có thẩm quyền để xử lý hoặc đề nghị cơ quan công an có biện pháp hỗ trợ, bảo đảm an toàn cho nạn nhân.

II. CÁC TỔ CHỨC THỰC HIỆN, THAM GIA TRỢ GIÚP PHÁP LÝ

Câu hỏi 28: Những tổ chức nào được thực hiện hoặc tham gia trợ giúp pháp lý?

Trả lời:

Theo Điều 13, Điều 14, Điều 15 và Điều 16 Luật trợ giúp pháp lý năm 2006, các tổ chức được thực hiện trợ giúp pháp lý, bao gồm:

- Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước thuộc Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Chi nhánh Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước;
- Tổ chức hành nghề luật sư (Văn phòng luật sư, Công ty luật);
- Tổ chức tư vấn pháp luật thuộc tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp (sau đây gọi chung là tổ chức tư vấn pháp luật).

Câu hỏi 29: Bình đẳng giới trong các tổ chức trợ giúp pháp lý được thực hiện như thế nào?

Trả lời:

Theo Điều 6 và Điều 7 Thông tư số 11/2014/TT-BTP

việc thực hiện bình đẳng giới trong các tổ chức trợ giúp pháp lý được thực hiện như sau:

a) Về cơ cấu tổ chức và đội ngũ người thực hiện trợ giúp pháp lý:

- Tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý phân công đơn vị hoặc cán bộ làm đầu mối tham mưu thực hiện bảo đảm bình đẳng giới trong trợ giúp pháp lý;

- Tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý thường xuyên rà soát, đánh giá thực trạng và đề xuất cơ quan có thẩm quyền các giải pháp kiện toàn tổ chức bộ máy, xây dựng đội ngũ người thực hiện trợ giúp pháp lý của tổ chức mình, bảo đảm về cơ cấu giới tính giữa nam và nữ trong các chức danh lãnh đạo, quản lý (Giám đốc, Phó Giám đốc, Trưởng, Phó Phòng, Ban chuyên môn, Chi nhánh), trong đội ngũ người thực hiện trợ giúp pháp lý (Trợ giúp viên pháp lý, Cộng tác viên trợ giúp pháp lý, Luật sư, Tư vấn viên pháp luật) và người lao động khác.

- Việc xây dựng, phát triển đội ngũ cộng tác viên phải bảo đảm cơ cấu giới tính giữa nam và nữ theo địa bàn, lĩnh vực, hình thức trợ giúp pháp lý, phù hợp với quy định của pháp luật và điều kiện thực tiễn ở địa phương. Khuyến khích và tạo điều kiện để phụ nữ là người dân tộc thiểu số, người có kiến thức, kỹ năng về giới, bình đẳng giới, về phòng, chống bạo lực gia đình, về phòng, chống mua bán người, xâm hại tình dục tham gia làm cộng tác viên.

b) Về bảo đảm bình đẳng giới trong nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thực hiện trợ giúp pháp lý:

- Hàng năm, tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý lồng ghép việc tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật về bình đẳng giới, về phòng, chống bạo lực gia đình, về phòng, chống mua bán người, xâm hại tình dục trong hoạt động bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ cho những người thực hiện trợ giúp pháp lý;

- Tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý bảo đảm sự tham gia bình đẳng của nam và nữ trong hoạt động bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ trợ giúp pháp lý; ưu tiên cử người thực hiện trợ giúp pháp lý tham gia bồi dưỡng, tập huấn về bình đẳng giới, về phòng, chống bạo lực gia đình, về phòng, chống mua bán người, xâm hại tình dục. Trong trường hợp nữ giới có điều kiện, tiêu chuẩn ngang bằng như nam giới mà tỷ lệ nữ đang thấp thì ưu tiên chọn nữ giới;

- Tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý tạo điều kiện về thời gian, bố trí công việc phù hợp để người thực hiện trợ giúp pháp lý là phụ nữ đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi tham gia hoạt động bồi dưỡng, tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và kỹ năng trợ giúp pháp lý.

Câu hỏi 30: Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước do cơ quan nhà nước có thẩm quyền nào thành lập?

Trả lời:

Theo Điều 14 Luật trợ giúp pháp lý năm 2006 và Điều 7, Điều 9, Điều 20 Nghị định số 07/2007/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung thì:

Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước thuộc Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước) do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định thành lập.

Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước là đơn vị có tư cách pháp nhân theo quy định của pháp luật, có trụ sở, con dấu và tài khoản riêng.

Biên chế và kinh phí hoạt động của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định.

Trung tâm có Giám đốc, Phó Giám đốc, Trợ giúp viên pháp lý và viên chức khác. Giám đốc, Phó Giám đốc Trung tâm phải là Trợ giúp viên pháp lý.

Giám đốc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức.

Phó giám đốc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước do Giám đốc Sở Tư pháp bổ nhiệm theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm.

Trợ giúp viên pháp lý do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp.

Câu hỏi 31: Trong hoạt động trợ giúp pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước có các quyền và nghĩa vụ gì?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 15 Luật trợ giúp pháp lý năm 2006, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước có các quyền và nghĩa vụ sau:

- Thực hiện trợ giúp pháp lý;
- Đề nghị cơ quan, tổ chức hữu quan phối hợp, cung cấp thông tin, tài liệu về vụ việc trợ giúp pháp lý;
- Bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra trong khi thực hiện trợ giúp pháp lý;
- Thực hiện chế độ báo cáo, thống kê về trợ giúp pháp lý;
- Giải quyết khiếu nại đối với các hành vi của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, Trợ giúp viên pháp lý, cộng tác viên, gồm: (i) Từ chối thụ lý vụ việc trợ giúp pháp lý; (ii) Không thực hiện trợ giúp pháp lý; (iii) Thay đổi người thực hiện trợ giúp pháp lý (Giám đốc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước có trách nhiệm giải quyết khiếu nại đối với các hành vi này trong thời hạn ba ngày

làm việc, kể từ ngày nhận được khiếu nại, trường hợp không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Giám đốc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, người khiếu nại có quyền khiếu nại lên Giám đốc Sở Tư pháp và trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được khiếu nại, Giám đốc Sở Tư pháp có trách nhiệm giải quyết khiếu nại).

- Giải quyết tranh chấp trong trợ giúp pháp lý;
- Kiến nghị về những vấn đề liên quan đến thi hành pháp luật.

Câu hỏi 32: Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước có nghĩa vụ gì trong việc báo cáo thống kê trợ giúp pháp lý?

Trả lời:

Theo Điều 1 và Điều 2 Phụ lục II Thông tư số 20/2013/TT-BTP ngày 03-12-2013 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số nội dung về hoạt động thống kê của ngành Tư pháp (Thông tư số 20/2013/TT-BTP), Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước có nghĩa vụ 06 tháng/hàng năm báo cáo thống kê về số lượt người được trợ giúp pháp lý theo Mẫu 24a/BTP/TGPL, báo cáo về số vụ việc trợ giúp pháp lý theo Mẫu 25a/BTP/TGPL và báo cáo số kiến nghị trong hoạt động trợ giúp theo Mẫu 26a/BTP/TGPL của Thông tư này gửi Sở Tư pháp.

Biểu số: 24a/BTP/TGPL

Ban hành theo Thông tư số 20/2013/TT-

BTP ngày 03-12-2013

Ngày nhân báo cáo (BC):

BC 6 tháng: ngày 08 tháng 5 hằng năm

BC năm lần 1: ngày 08 tháng 11 hằng

năm.

BC năm chính thức: ngày 20 tháng 01

năm sau.

**SỐ LƯỢT NGƯỜI
ĐƯỢC TRỢ GIÚP PHÁP LÝ
(6 tháng/năm)**

Kỳ báo cáo:.....

(Từ ngày.....tháng.....năm.....
đến ngày.....tháng.....năm.....)

Đơn vị báo cáo:

Trung tâm TGPL nhà nước tỉnh/thành phố...

Đơn vị nhận báo cáo: Sở

Tư pháp...

Đơn vị tính: Lượt người

[illegible]

Phân theo lĩnh vực pháp luật, hình thức trợ giúp pháp lý		Tổng số	Chia theo giới tính		Chia theo đối tượng được trợ giúp pháp lý								
			Nữ	Nam	Người nghèo	Người có công với cách mạng	Người già cô đơn không nơi nương tựa	Người khuyết tật	Trẻ em không nơi nương tựa	Người dân tộc thiểu số	Nạn nhân theo quy định của pháp luật phòng, chống mua bán người	Người bị nhiễm HIV	Khác
A		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1	Pháp luật hình sự, tố tụng hình sự và thi hành án hình sự												
2	Pháp luật dân sự, tố tụng dân sự và thi hành án dân sự												
3	Pháp luật hôn nhân gia đình và pháp luật về trẻ em												
4	Pháp luật hành chính, khiếu nại, tố cáo và tố tụng hành chính												

[illegible]

Phân theo lĩnh vực pháp luật, hình thức trợ giúp pháp lý		Tổng số	Chia theo giới tính		Chia theo đối tượng được trợ giúp pháp lý								
			Nữ	Nam	Người nghèo	Người có công với cách mạng	Người già cô đơn không nơi nương tựa	Người khuyết tật	Trẻ em không nơi nương tựa	Người dân tộc thiểu số	Nạn nhân theo quy định của pháp luật phòng, chống mua bán người	Người bị nhiễm HIV	Khác
A		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
2	Tham gia tố tụng												
2.1	Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp												
2.2	Bào chữa												
3	Đại diện ngoài tố tụng												
4	Hoà giải trong trợ giúp pháp lý												
5	Hình thức trợ giúp pháp lý khác												

* Ghi chú: Tổng số ước tính 02 tháng cuối trong kỳ báo cáo (đối với báo cáo 6 tháng và báo cáo năm lần 1) Cột 1.....

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Ngày..... tháng..... năm.....
GIÁM ĐỐC
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)

Biểu số: 25a/BTP/TGPL
Ban hành theo Thông tư số 20/2013/TT-BTP
ngày 03-12-2013
Ngày nhận báo cáo (BC):
BC 6 tháng: ngày 08 tháng 5 hàng năm
BC năm lần 1: ngày 08 tháng 11 hàng năm.
BC năm chính thức: ngày 20 tháng 01 năm sau.

**SỐ VỤ VIỆC
TRỢ GIÚP PHÁP LÝ
(6 tháng/năm)**
Kỳ báo cáo:.....
(Từ ngày..... tháng..... năm.....
đến ngày..... tháng..... năm.....)

Đơn vị báo cáo:
Trung tâm trợ giúp pháp lý
nhà nước tỉnh/thành phố...

Đơn vị nhận báo cáo: Sở
Tư pháp...

Đơn vị tính: Vụ việc

Phân theo lĩnh vực trợ giúp pháp lý, hình thức trợ giúp pháp lý, địa điểm trợ giúp pháp lý		Tổng số vụ việc tiếp nhận	Số vụ việc trợ giúp pháp lý						Kết quả trợ giúp pháp lý			
			Phân theo hình thức thụ lý vụ việc trợ giúp pháp lý		Phân theo người thực hiện							
			Kỳ trước chuyển qua	Phát sinh trong kỳ	Trợ giúp viên pháp lý	Cộng tác viên là luật sư	Người của tổ chức đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý		Cộng tác viên khác	Đã hoàn thành	Chuyển đi nơi khác	Chuyển sang kỳ sau
A		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
	Tổng số						-	-				
I	Phân theo lĩnh vực trợ giúp pháp lý						-	-				

Phân theo lĩnh vực trợ giúp pháp lý, hình thức trợ giúp pháp lý, địa điểm trợ giúp pháp lý		Tổng số vụ việc tiếp nhận	Số vụ việc trợ giúp pháp lý							Kết quả trợ giúp pháp lý		
			Phân theo hình thức thụ lý vụ việc trợ giúp pháp lý		Phân theo người thực hiện							
Kỳ trước chuyển qua	Phát sinh trong kỳ	Trợ giúp viên pháp lý	Cộng tác viên là luật sư	Người của tổ chức đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý		Cộng tác viên khác	Đã hoàn thành	Chuyển đi nơi khác	Chuyển sang kỳ sau			
A		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Pháp luật hình sự, tố tụng hình sự và thi hành án hình sự						-	-				
2	Pháp luật dân sự, tố tụng dân sự và thi hành án dân sự						-	-				
3	Pháp luật hôn nhân gia đình và pháp luật trẻ em						-	-				
4	Pháp luật hành chính, khiếu nại và tố tụng hành chính						-	-				

Phân theo lĩnh vực trợ giúp pháp lý, hình thức trợ giúp pháp lý, địa điểm trợ giúp pháp lý		Tổng số vụ việc tiếp nhận	Số vụ việc trợ giúp pháp lý							Kết quả trợ giúp pháp lý		
			Phân theo hình thức thụ lý vụ việc trợ giúp pháp lý		Phân theo người thực hiện							
			Kỳ trước chuyển qua	Phát sinh trong kỳ	Trợ giúp viên pháp lý	Cộng tác viên là luật sư	Người của tổ chức đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý		Cộng tác viên khác	Đã hoàn thành	Chuyển đi nơi khác	Chuyển sang kỳ sau
A		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
5	Pháp luật đất đai, nhà ở, môi trường và bảo vệ người tiêu dùng						-	-				
6	Pháp luật lao động, việc làm, bảo hiểm						-	-				
7	Pháp luật ưu đãi người có công với cách mạng và pháp luật về chính sách ưu đãi						-	-				
8	Các lĩnh vực pháp luật khác						-	-				

Phân theo lĩnh vực trợ giúp pháp lý, hình thức trợ giúp pháp lý, địa điểm trợ giúp pháp lý		Tổng số vụ việc tiếp nhận	Số vụ việc trợ giúp pháp lý							Kết quả trợ giúp pháp lý		
			Phân theo hình thức thụ lý vụ việc trợ giúp pháp lý		Phân theo người thực hiện							
Kỳ trước chuyển qua	Phát sinh trong kỳ	Trợ giúp viên pháp lý	Cộng tác viên là luật sư	Người của tổ chức đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý		Cộng tác viên khác	Đã hoàn thành	Chuyển đi nơi khác	Chuyển sang kỳ sau			
A		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
II	Phân theo hình thức trợ giúp pháp lý						-	-				
1	Tư vấn						-	-				
2	Tham gia tố tụng						-	-				
2.1	Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp						-	-				
2.2	Bào chữa						-	-				
3	Đại diện ngoài tố tụng						-	-				
4	Hòa giải trong trợ giúp pháp lý						-	-				

Phân theo lĩnh vực trợ giúp pháp lý, hình thức trợ giúp pháp lý, địa điểm trợ giúp pháp lý		Tổng số vụ việc tiếp nhận	Số vụ việc trợ giúp pháp lý							Kết quả trợ giúp pháp lý		
			Phân theo hình thức thụ lý vụ việc trợ giúp pháp lý		Phân theo người thực hiện							
			Kỳ trước chuyển qua	Phát sinh trong kỳ	Trợ giúp viên pháp lý	Cộng tác viên là luật sư	Người của tổ chức đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý		Cộng tác viên khác	Đã hoàn thành	Chuyển đi nơi khác	Chuyển sang kỳ sau
A		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
5	Hình thức trợ giúp pháp lý khác						-	-				
III	Phân theo địa điểm trợ giúp pháp lý						-	-				
1	Tại trụ sở của tổ chức trợ giúp pháp lý						-	-				
1.1	Trụ sở của Trung tâm						-	-				
1.2	Trụ sở của Chi nhánh						-	-				
1.3	Trụ sở của tổ chức đăng ký tham gia	-	-	-	-	-	-	-		-	-	-

Phân theo lĩnh vực trợ giúp pháp lý, hình thức trợ giúp pháp lý, địa điểm trợ giúp pháp lý		Tổng số vụ việc tiếp nhận	Số vụ việc trợ giúp pháp lý						Kết quả trợ giúp pháp lý			
			Phân theo hình thức thụ lý vụ việc trợ giúp pháp lý		Phân theo người thực hiện							
									Kỳ trước chuyển qua	Phát sinh trong kỳ	Trợ giúp viên pháp lý	Cộng tác viên là luật sư
								Luật sư	Tư vấn viên pháp luật		Đã hoàn thành	Chuyển đi nơi khác
A		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
2	Trợ giúp pháp lý lưu động/khác						-	-				

* Ghi chú: Tổng số ước tính 02 tháng cuối trong kỳ báo cáo (đối với báo cáo 6 tháng và báo cáo năm lần 1):

Cột 1..... Cột 9:.....

Người lập biểu

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)

Ngày..... tháng..... năm.....

GIÁM ĐỐC

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)

Biểu số: 26a/BTP/TGPL
Ban hành theo Thông tư số 20/2013/TT-BTP
ngày 03-12-2013
Ngày nhận báo cáo (BC):
BC 6 tháng: ngày 08 tháng 5 hằng năm
BC năm lần 1: ngày 08 tháng 11 hằng năm.
BC năm chính thức: ngày 20 tháng 01 năm sau.

**SỐ KIẾN NGHỊ TRONG HOẠT ĐỘNG
TRỢ GIÚP PHÁP LÝ**
(6 tháng/năm)
Kỳ báo cáo:.....
(Từ ngày..... tháng..... năm.....
đến ngày..... tháng..... năm.....)

Đơn vị báo cáo:
Trung tâm trợ giúp pháp lý
nhà nước tỉnh/thành phố...
Tổ chức đăng ký tham gia
trợ giúp pháp lý:.....
Đơn vị nhận báo cáo: Sở
Tư pháp...

Đơn vị tính: Kiến nghị

Chia theo lĩnh vực trợ giúp pháp lý		Tổng số	Kiến nghị về thi hành pháp luật					Kiến nghị sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật
			Tổng số	Chia ra				
				Giải quyết vụ việc		Thực thi công vụ		
				Tổng số	Trong đó đã được trả lời	Tổng số	Trong đó đã được trả lời	
A		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	Tổng số							
1	Pháp luật hình sự, tố tụng hình sự và thi hành án hình sự							
	Trung tâm trợ giúp pháp lý thực hiện							
	Tổ chức đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý thực hiện							

Chia theo lĩnh vực trợ giúp pháp lý		Tổng số	Kiến nghị về thi hành pháp luật					Kiến nghị sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật
			Tổng số	Chia ra				
				Giải quyết vụ việc		Thực thi công vụ		
				Tổng số	Trong đó đã được trả lời	Tổng số	Trong đó đã được trả lời	
A		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2	Pháp luật dân sự, tố tụng dân sự và thi hành án dân sự							
	Trung tâm trợ giúp pháp lý thực hiện							
	Tổ chức đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý thực hiện							
3	Pháp luật hôn nhân gia đình và pháp luật về trẻ em							
	Trung tâm trợ giúp pháp lý thực hiện							
	Tổ chức đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý thực hiện							
4	Pháp luật hành chính, khiếu nại, tố cáo và tố tụng hành chính							
	Trung tâm trợ giúp pháp lý thực hiện							
	Tổ chức đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý thực hiện							

Chia theo lĩnh vực trợ giúp pháp lý		Tổng số	Kiến nghị về thi hành pháp luật				Kiến nghị sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật	
			Tổng số	Chia ra				
				Giải quyết vụ việc		Thực thi công vụ		
				Tổng số	Trong đó đã được trả lời	Tổng số		Trong đó đã được trả lời
A		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
5	Pháp luật đất đai, nhà ở, môi trường và bảo vệ người tiêu dùng							
	Trung tâm trợ giúp pháp lý thực hiện							
	Tổ chức đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý thực hiện							
6	Pháp luật lao động, việc làm, bảo hiểm							
	Trung tâm trợ giúp pháp lý thực hiện							
	Tổ chức đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý thực hiện							
7	Pháp luật ưu đãi người có công với cách mạng và pháp luật về chính sách ưu đãi							
	Trung tâm trợ giúp pháp lý thực hiện							
	Tổ chức đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý thực hiện							

Chia theo lĩnh vực trợ giúp pháp lý		Tổng số	Kiến nghị về thi hành pháp luật					Kiến nghị sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật
			Tổng số	Chia ra				
				Giải quyết vụ việc		Thực thi công vụ		
				Tổng số	Trong đó đã được trả lời	Tổng số	Trong đó đã được trả lời	
A		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
8	Các lĩnh vực pháp luật khác							
	Trung tâm trợ giúp pháp lý thực hiện							
	Tổ chức đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý thực hiện							

* Ghi chú: Tổng số ước tính 02 tháng cuối trong kỳ báo cáo (đối với báo cáo 6 tháng và báo cáo năm lần 1) Cột 1.....

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Ngày..... tháng..... năm.....

GIÁM ĐỐC
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)

Câu hỏi 33: Chi nhánh Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước được thành lập khi nào?

Trả lời:

Điều 16 Luật trợ giúp pháp lý năm 2006 quy định căn cứ vào nhu cầu và điều kiện thực tế của địa phương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định thành lập Chi nhánh Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp.

Chi nhánh Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước là đơn vị phụ thuộc của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước. Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước. Trưởng Chi nhánh Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước là Trợ giúp viên pháp lý và do Giám đốc Sở Tư pháp bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức.

Câu hỏi 34: Chi nhánh Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước được thành lập ở cấp địa giới hành chính nào?

Trả lời:

Khoản 1 Điều 11 Nghị định số 07/2007/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung quy định Chi nhánh Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước là đơn vị phụ thuộc của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước đặt tại huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và chịu sự quản lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước. Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước chịu

trách nhiệm về toàn bộ hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước. Chi nhánh Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước có con dấu để giao dịch, sử dụng cho hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ trợ giúp pháp lý.

Câu hỏi 35: Chi nhánh Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước có những quyền hạn và nhiệm vụ gì trong việc trợ giúp pháp lý?

Trả lời:

Theo quy định của Điều 27, Điều 31 Luật trợ giúp pháp lý năm 2006 và khoản 3 Điều 11 Nghị định số 07/2007/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung thì Chi nhánh Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước có nhiệm vụ thực hiện trợ giúp pháp lý theo các hình thức tư vấn pháp luật, tham gia tố tụng, đại diện tố tụng và các hình thức trợ giúp pháp lý khác (giúp đỡ hoà giải, thực hiện những công việc liên quan đến thủ tục hành chính, khiếu nại...). Bên cạnh đó, Chi nhánh Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước cũng có các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành và theo phân công của Giám đốc Trung tâm.

Câu hỏi 36: Trong trợ giúp pháp lý bằng hình thức tham gia tố tụng, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, Chi nhánh Trung

tâm trợ giúp pháp lý nhà nước có các quyền và nghĩa vụ gì?

Trả lời:

Theo Điều 38 Nghị định số 07/2007/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung thì theo yêu cầu của người được trợ giúp pháp lý hoặc người đại diện hợp pháp của họ, Giám đốc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước hoặc Trưởng Chi nhánh Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước ra quyết định cử Trợ giúp viên pháp lý hoặc luật sư là cộng tác viên tham gia tố tụng theo quy định về tham gia tố tụng và quy định về hoạt động tham gia tố tụng quy định tại Điều 29 và 39 Luật trợ giúp pháp lý năm 2006.

Trong thời hạn không quá ba ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định cử người tham gia tố tụng, Giám đốc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, Trưởng Chi nhánh Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước phải gửi quyết định đến cơ quan tiến hành tố tụng, người được trợ giúp pháp lý, người thực hiện trợ giúp pháp lý.

Giám đốc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, Trưởng Chi nhánh Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc cử người tham gia tố tụng, bảo đảm tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về trợ giúp pháp lý.

Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, Chi nhánh Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước có

trách nhiệm phối hợp với các cơ quan tiến hành tố tụng để theo dõi, quản lý quá trình thực hiện trợ giúp pháp lý trong tố tụng của Trợ giúp viên pháp lý hoặc luật sư là cộng tác viên do Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, Chi nhánh Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước cử, bảo đảm hoạt động của họ có chất lượng, hiệu quả, tuân thủ đầy đủ các nguyên tắc hoạt động trợ giúp pháp lý và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Trong trường hợp phải thay đổi người thực hiện trợ giúp pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước hoặc Chi nhánh Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước có trách nhiệm cử người đủ tiêu chuẩn để tiếp tục thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý.

Câu hỏi 37: Trong trợ giúp pháp lý bằng hình thức đại diện ngoài tố tụng, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, Chi nhánh Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước có các quyền và nghĩa vụ gì?

Theo Điều 39 Nghị định số 07/2007/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung thì theo yêu cầu của người được trợ giúp pháp lý hoặc người đại diện hợp pháp của họ, Giám đốc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, Trưởng Chi nhánh Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước ra quyết định cử Trợ giúp viên pháp lý hoặc luật sư là cộng tác viên thực hiện đại diện ngoài tố tụng theo quy định về đại diện ngoài tố

tụng và quy định về hoạt động đại diện ngoài tố tụng quy định tại Điều 30 và Điều 40 Luật trợ giúp pháp lý năm 2006.

Trong thời hạn không quá ba ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định cử người thực hiện đại diện ngoài tố tụng, Giám đốc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, Trưởng Chi nhánh Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước phải gửi quyết định cho người được trợ giúp pháp lý, người thực hiện trợ giúp pháp lý và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến vụ việc yêu cầu đại diện.

Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến vụ việc đại diện có trách nhiệm phối hợp, tạo điều kiện và cộng tác với người được cử đại diện để họ thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Giám đốc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, Trưởng Chi nhánh Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc cử người thực hiện đại diện ngoài tố tụng, bảo đảm tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về trợ giúp pháp lý.

Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, Chi nhánh Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến vụ việc đại diện để theo dõi, quản lý quá trình thực hiện trợ giúp pháp lý của Trợ giúp viên pháp lý hoặc luật sư là cộng tác viên do mình cử, bảo đảm hoạt động của họ có

chất lượng, hiệu quả, tuân thủ đầy đủ các nguyên tắc hoạt động trợ giúp pháp lý và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Trong trường hợp phải thay đổi người thực hiện trợ giúp pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước hoặc Chi nhánh Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước có trách nhiệm cử người đủ tiêu chuẩn để tiếp tục thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý.

Câu hỏi 38: Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, Chi nhánh Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước cần lưu ý gì khi trợ giúp pháp lý cho người dân tộc thiểu số?

Trả lời:

Theo Điều 11 Thông tư liên tịch số 01/2012/TTLT-BTP-UBDT ngày 17-01-2012 của Bộ Tư pháp và Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện trợ giúp pháp lý đối với người dân tộc thiểu số, thì ngoài trách nhiệm chung về trợ giúp pháp lý, khi trợ giúp pháp lý cho người dân tộc thiểu số, Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước và chi nhánh Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước có thêm trách nhiệm sau:

a) Thuê người phiên dịch để thực hiện trợ giúp pháp lý đối với người dân tộc thiểu số trong trường hợp người đó yêu cầu hoặc không nói được tiếng Việt.

b) Cung cấp cho Cơ quan công tác dân tộc ở địa phương:

- Bảng thông tin về trợ giúp pháp lý (người được trợ giúp pháp lý; quyền và nghĩa vụ của người được trợ giúp pháp lý; thủ tục yêu cầu trợ giúp pháp lý; địa chỉ, điện thoại liên hệ của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, Chi nhánh của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước).

- Hộp tin trợ giúp pháp lý, Mẫu đơn đề nghị trợ giúp pháp lý, tờ gấp pháp luật và các tài liệu pháp luật có liên quan về trợ giúp pháp lý và phổ biến các quy định về trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu.

c) Thông báo danh sách người thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước và Chi nhánh Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước trong phạm vi địa phương kèm theo địa chỉ liên lạc, số điện thoại để Cơ quan công tác dân tộc ở địa phương có thể liên hệ trong trường hợp cần thiết.

d) Thông tin đầy đủ các quy định của pháp luật về trợ giúp pháp lý trong trường hợp có sửa đổi, bổ sung cho Cơ quan công tác dân tộc ở địa phương.

Câu hỏi 39: Văn phòng luật sư và công ty luật khi tham gia trợ giúp pháp lý có phải đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền hay không?

Trả lời:

Điều 17 và Điều 18 Luật trợ giúp pháp lý

năm 2006 quy định: các văn phòng luật sư và công ty luật muốn tham gia trợ giúp pháp lý cần phải đăng ký bằng văn bản về phạm vi, hình thức, lĩnh vực trợ giúp pháp lý với Sở Tư pháp nơi đã cấp giấy đăng ký hoạt động cho văn phòng luật sư và công ty luật đó.

Câu hỏi 40: Hồ sơ đăng ký trợ giúp pháp lý của văn phòng luật sư và công ty luật gồm những giấy tờ gì?

Theo Điều 15 Nghị định số 07/2007/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung văn phòng luật sư, công ty luật tham gia trợ giúp pháp lý phải đăng ký với Sở Tư pháp nơi đã cấp giấy đăng ký hoạt động. Hồ sơ đăng ký bao gồm: đơn đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý; danh sách luật sư, tư vấn viên pháp luật; bản sao giấy đăng ký hoạt động.

Câu hỏi 41: Giấy đăng ký, thay đổi hoạt động trợ giúp pháp lý của tổ chức hành nghề luật sư là văn phòng luật sư và công ty luật có mẫu hay không, nếu có thì được quy định tại văn bản pháp luật nào?

Trả lời:

Giấy đăng ký, thay đổi trợ giúp pháp lý của văn phòng luật sư, công ty luật phải tuân theo mẫu; mẫu đơn đăng ký tham gia, thay đổi hoạt động trợ giúp pháp lý được quy định tại Quyết định số 03/2007/QĐ-BTP ngày 01-6-2007 của

Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành một số
biểu mẫu dùng trong hoạt động trợ giúp pháp lý.
Cụ thể các mẫu này như sau:

Mẫu TP-TGPL-3A

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ THAM GIA TRỢ GIÚP PHÁP LÝ

Kính gửi: Sở Tư pháp tỉnh (thành phố)....

1. Tổ chức đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý
(TGPL) (tên gọi đầy đủ ghi bằng chữ in hoa):

.....
Tên giao dịch hoặc tên viết tắt (nếu có):.....

.....
Địa chỉ trụ sở chính:.....

.....
Điện thoại:..... Fax:..... Email:.....

2. Quyết định thành lập số:..... do.....
..... cấp ngày:

3. Giấy chứng nhận hoạt động số:..... do.....
..... cấp ngày:

4. Đại diện là ông (bà) (ghi rõ họ tên bằng chữ
in hoa):.....

Chức danh:.....
Điện thoại:..... Fax:..... Email:.....

5. Đăng ký tham gia TGPL với nội dung như sau:

5.1. Về người được TGPL:.....

.....

5.2. Về hình thức TGPL:.....

.....

5.3. Về lĩnh vực TGPL:.....

.....

5.4. Về phạm vi TGPL:.....

.....

Gửi kèm theo đơn: Danh sách luật sư, tư vấn viên pháp luật tham gia trợ giúp pháp lý; bản sao giấy đăng ký hoạt động.

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH NGƯỜI THAM GIA
TRỢ GIÚP PHÁP LÝ**

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức danh luật sư hoặc tư vấn viên pháp luật
1			
2			
3			
4			
5			
6			
7			
8			
9			
10			
...			

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI NỘI DUNG ĐĂNG KÝ
THAM GIA TRỢ GIÚP PHÁP LÝ**

Kính gửi: Sở Tư pháp tỉnh (thành phố).....

**1. Tổ chức đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý
(TGPL) (tên gọi đầy đủ ghi bằng chữ in hoa):**

.....

Tên giao dịch hoặc tên viết tắt (nếu có):.....

.....

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Điện thoại:..... Fax:..... Email:.....

2. Giấy đăng ký tham gia TGPL số:..... do.....

..... cấp ngày:

**3. Đại diện là ông (bà) (ghi rõ họ tên bằng chữ
in hoa):**

Chức danh:.....

Điện thoại:..... Fax:..... Email:.....

4. Đã đăng ký tham gia TGPL như sau:

4.1. Về người được TGPL:.....

.....

4.2. Về hình thức TGPL:.....

.....

4.3. Về lĩnh vực TGPL:.....

.....

4.4. Về phạm vi TGPL:.....

.....

5. Nay đăng ký tham gia TGPL với nội dung mới như sau:

5.1. Về người được TGPL:.....

.....

5.2. Về hình thức TGPL:.....

.....

5.3. Về lĩnh vực TGPL:.....

.....

5.4. Về phạm vi TGPL:.....

.....

Gửi kèm theo đơn Giấy đăng ký tham gia TGPL.

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu TP-TGPL-3C

ỦY BAN NHÂN DÂN...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỞ TƯ PHÁP

Số: /

GIẤY ĐĂNG KÝ THAM GIA TRỢ GIÚP PHÁP LÝ

1. Tên tổ chức đăng ký (chữ in hoa) và tên viết tắt (nếu có):

2. Địa chỉ:

Điện thoại:..... Fax:..... Email:.....

3. Đại diện là:

Họ và tên (chữ in hoa):

Chức danh:.....

Điện thoại:..... Fax:..... Email:.....

4. Tham gia TGPL với nội dung:

4.1. Người được TGPL:.....

4.2. Hình thức TGPL:.....

4.3. Lĩnh vực TGPL:.....

4.4. Phạm vi TGPL:.....

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

GIÁM ĐỐC

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Câu hỏi 42: Trong hoạt động trợ giúp pháp lý, văn phòng luật sư và công ty luật có các quyền và nghĩa vụ gì?

Trả lời:

Theo Điều 18 Luật trợ giúp pháp lý năm 2006 và Điều 18 Nghị định số 07/2007/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung khi tham gia trợ giúp pháp lý, văn phòng luật sư và công ty luật có các quyền và nghĩa vụ sau:

- Được thực hiện trợ giúp pháp lý trong phạm vi giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý; phối hợp với Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước hoặc Chi nhánh Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước để thực hiện có hiệu quả vụ việc trợ giúp pháp lý;

- Được đề nghị cơ quan, tổ chức hữu quan cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến vụ việc trợ giúp pháp lý để phục vụ thực hiện trợ giúp pháp lý;

- Được giới thiệu người có yêu cầu trợ giúp pháp lý đến Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước hoặc Chi nhánh Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước để được trợ giúp pháp lý; từ chối hoặc không tiếp tục thực hiện trợ giúp pháp lý trong những trường hợp quy định tại Điều 45 Luật trợ giúp pháp lý;

- Được Nhà nước hỗ trợ bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ và kỹ năng trợ giúp pháp lý cho đội ngũ người tham gia trợ giúp pháp lý;

- Được kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm

quyền về những vấn đề liên quan đến thi hành pháp luật phát sinh trong quá trình thực hiện trợ giúp pháp lý;

- Giải quyết tranh chấp trong trợ giúp pháp lý theo quy định của Luật trợ giúp pháp lý và quy định khác của pháp luật có liên quan;

- Được biểu dương, khen thưởng khi có thành tích trong hoạt động trợ giúp pháp lý hoặc có đóng góp, hỗ trợ tích cực cho việc mở rộng và phát triển công tác trợ giúp pháp lý ở địa phương;

- Bảo đảm tuân thủ các nguyên tắc hoạt động trợ giúp pháp lý và các quy định của pháp luật về trợ giúp pháp lý khi người của tổ chức mình tham gia trợ giúp pháp lý;

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thực hiện trợ giúp pháp lý của luật sư, tư vấn viên pháp luật thuộc quyền quản lý của mình và chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra trong quá trình thực hiện trợ giúp pháp lý cho người được trợ giúp pháp lý;

- Chịu sự quản lý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; thực hiện chế độ báo cáo, thống kê về trợ giúp pháp lý cho Sở Tư pháp nơi đăng ký.

Câu hỏi 43: Văn phòng luật sư và công ty luật có nghĩa vụ gì trong việc báo cáo thống kê trợ giúp pháp lý?

Trả lời:

Văn phòng luật sư và công ty luật cũng phải có

nghĩa vụ gửi Sở Tư pháp nơi đăng ký báo cáo thống kê trợ giúp pháp lý 06 tháng/hàng năm về số lượt người được trợ giúp pháp lý theo Mẫu 24b/BTP/TGPL, báo cáo về số vụ việc trợ giúp pháp lý theo Mẫu 25b/BTP/TGPL và báo cáo số kiến nghị trong hoạt động trợ giúp theo Mẫu 26a/BTP/TGPL của Thông tư số 20/2013/TT-BTP.

Biểu số: 24b/BTP/TGPL

Ban hành theo Thông tư số 20/2013/TT-BTP
ngày 03-12-2013

Ngày nhận báo cáo (BC):

BC 6 tháng: ngày 08 tháng 5 hằng năm

BC năm lần 1: ngày 08 tháng 11 hằng
năm.

BC năm chính thức: ngày 20 tháng 01
năm sau.

**SỐ LƯỢT NGƯỜI
ĐƯỢC TRỢ GIÚP PHÁP LÝ
(6 tháng/năm)**

Kỳ báo cáo:.....

(Từ ngày..... tháng..... năm.....
đến ngày..... tháng..... năm.....)

Đơn vị báo cáo:

Tổ chức đăng ký tham
gia trợ giúp pháp lý...

Đơn vị nhận báo cáo: Sở

Tư pháp...

Đơn vị tính: Lượt người

Phân theo lĩnh vực pháp luật, hình thức trợ giúp pháp lý		Tổng số	Chia theo giới tính		Chia theo đối tượng được trợ giúp pháp lý								
			Nữ	Nam	Người nghèo	Người có công với cách mạng	Người già cô đơn không nơi nương tựa	Người khuyết tật	Trẻ em không nơi nương tựa	Người dân tộc thiểu số	Nạn nhân theo quy định của pháp luật phòng, chống mua bán người	Người bị nhiễm HIV	Khác
A		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
	Tổng số												
I	Phân theo lĩnh vực pháp luật												

[illegible]

[illegible]

Phân theo lĩnh vực pháp luật, hình thức trợ giúp pháp lý		Tổng số	Chia theo giới tính		Chia theo đối tượng được trợ giúp pháp lý								
			Nữ	Nam	Người nghèo	Người có công với cách mạng	Người già cô đơn không nơi nương tựa	Người khuyết tật	Trẻ em không nơi nương tựa	Người dân tộc thiểu số	Nạn nhân theo quy định của pháp luật phòng, chống mua bán người	Người bị nhiễm HIV	Khác
A		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
2	Tham gia tố tụng												
2.1	Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp												
2.2	Bào chữa												
3	Đại diện ngoài tố tụng												
4	Hoà giải trong trợ giúp pháp lý												
5	Hình thức trợ giúp pháp lý khác												

* Ghi chú: Tổng số ước tính 02 tháng cuối trong kỳ báo cáo (đối với báo cáo 6 tháng và báo cáo năm lần 1) Cột 1.....

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Ngày..... tháng..... năm.....
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)

Biểu số: 25b/BTP/TGPL
Ban hành theo Thông tư số 20/2013/TT-BTP
ngày 03-12-2013
Ngày nhận báo cáo (BC):
BC 6 tháng: ngày 08 tháng 5 hằng năm
BC năm lần 1: ngày 08 tháng 11 hằng năm.
BC năm chính thức: ngày 20 tháng 01 năm sau.

**SỐ VỤ VIỆC
TRỢ GIÚP PHÁP LÝ**
(6 tháng/năm)
Kỳ báo cáo:.....
(Từ ngày.....tháng.....năm.....
đến ngày.....tháng.....năm.....)

Đơn vị báo cáo:
Tổ chức đăng ký tham gia
trợ giúp pháp lý...

Đơn vị nhận báo cáo: Sở
Tư pháp...

Đơn vị tính: Vụ việc

Phân theo lĩnh vực trợ giúp pháp lý, hình thức trợ giúp pháp lý, địa điểm trợ giúp pháp lý		Tổng số vụ việc tiếp nhận	Số vụ việc trợ giúp pháp lý						Kết quả trợ giúp pháp lý			
			Phân theo hình thức thụ lý vụ việc trợ giúp pháp lý		Phân theo người thực hiện							
			Kỳ trước chuyển qua	Phát sinh trong kỳ	Trợ giúp viên pháp lý	Cộng tác viên là luật sư	Người của tổ chức đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý		Cộng tác viên khác	Đã hoàn thành	Chuyển đi nơi khác	Chuyển sang kỳ sau
A		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
	Tổng số						-	-				
I	Phân theo lĩnh vực trợ giúp pháp lý						-	-				

Phân theo lĩnh vực trợ giúp pháp lý, hình thức trợ giúp pháp lý, địa điểm trợ giúp pháp lý		Tổng số vụ việc tiếp nhận	Số vụ việc trợ giúp pháp lý							Kết quả trợ giúp pháp lý		
			Phân theo hình thức thụ lý vụ việc trợ giúp pháp lý		Phân theo người thực hiện							
			Kỳ trước chuyển qua	Phát sinh trong kỳ	Trợ giúp viên pháp lý	Cộng tác viên là luật sư	Người của tổ chức đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý		Cộng tác viên khác	Đã hoàn thành	Chuyển đi nơi khác	Chuyển sang kỳ sau
A		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Pháp luật hình sự, tố tụng hình sự và thi hành án hình sự						-	-				
2	Pháp luật dân sự, tố tụng dân sự và thi hành án dân sự						-	-				
3	Pháp luật hôn nhân gia đình và pháp luật trẻ em						-	-				
4	Pháp luật hành chính, khiếu nại và tố tụng hành chính						-	-				

Phân theo lĩnh vực trợ giúp pháp lý, hình thức trợ giúp pháp lý, địa điểm trợ giúp pháp lý		Tổng số vụ việc tiếp nhận	Số vụ việc trợ giúp pháp lý							Kết quả trợ giúp pháp lý		
			Phân theo hình thức thụ lý vụ việc trợ giúp pháp lý		Phân theo người thực hiện							
										Kỳ trước chuyển qua	Phát sinh trong kỳ	Trợ giúp viên pháp lý
			Luật sư	Tư vấn viên pháp luật								
A		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
5	Pháp luật đất đai, nhà ở, môi trường và bảo vệ người tiêu dùng						-	-				
6	Pháp luật lao động, việc làm, bảo hiểm						-	-				
7	Pháp luật ưu đãi người có công với cách mạng và pháp luật về chính sách ưu đãi						-	-				
8	Các lĩnh vực pháp luật khác						-	-				

Phân theo lĩnh vực trợ giúp pháp lý, hình thức trợ giúp pháp lý, địa điểm trợ giúp pháp lý		Tổng số vụ việc tiếp nhận	Số vụ việc trợ giúp pháp lý							Kết quả trợ giúp pháp lý		
			Phân theo hình thức thụ lý vụ việc trợ giúp pháp lý		Phân theo người thực hiện							
			Kỳ trước chuyển qua	Phát sinh trong kỳ	Trợ giúp viên pháp lý	Cộng tác viên là luật sư	Người của tổ chức đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý		Cộng tác viên khác			
							Luật sư	Tư vấn viên pháp luật				
A		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
II	Phân theo hình thức trợ giúp pháp lý						-	-				
1	Tư vấn						-	-				
2	Tham gia tố tụng						-	-				
2.1	Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp						-	-				
2.2	Bào chữa						-	-				
3	Đại diện ngoài tố tụng						-	-				
4	Hòa giải trong trợ giúp pháp lý						-	-				

Phân theo lĩnh vực trợ giúp pháp lý, hình thức trợ giúp pháp lý, địa điểm trợ giúp pháp lý		Tổng số vụ việc tiếp nhận	Số vụ việc trợ giúp pháp lý						Kết quả trợ giúp pháp lý			
			Phân theo hình thức thụ lý vụ việc trợ giúp pháp lý		Phân theo người thực hiện							
					Kỳ trước chuyển qua	Phát sinh trong kỳ	Trợ giúp viên pháp lý	Cộng tác viên là luật sư	Người của tổ chức đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý		Cộng tác viên khác	
			Luật sư	Tư vấn viên pháp luật								
A		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
5	Hình thức trợ giúp pháp lý khác						-	-				
III	Phân theo địa điểm trợ giúp pháp lý						-	-				
1	Tại trụ sở của tổ chức trợ giúp pháp lý						-	-				
1.1	Trụ sở của Trung tâm						-	-				
1.2	Trụ sở của Chi nhánh						-	-				
1.3	Trụ sở của tổ chức đăng ký tham gia	-	-	-	-	-	-	-		-	-	-

Phân theo lĩnh vực trợ giúp pháp lý, hình thức trợ giúp pháp lý, địa điểm trợ giúp pháp lý		Tổng số vụ việc tiếp nhận	Số vụ việc trợ giúp pháp lý							Kết quả trợ giúp pháp lý		
			Phân theo hình thức thụ lý vụ việc trợ giúp pháp lý		Phân theo người thực hiện							
					Kỳ trước chuyển qua	Phát sinh trong kỳ	Trợ giúp viên pháp lý	Cộng tác viên là luật sư	Người của tổ chức đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý		Cộng tác viên khác	Đã hoàn thành
A		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
2	Trợ giúp pháp lý lưu động/khác						-	-				

* Ghi chú: Tổng số ước tính 02 tháng cuối trong kỳ báo cáo (đối với báo cáo 6 tháng và báo cáo năm lần 1):

Cột 1..... Cột 9:.....

Người lập biểu
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)

Ngày..... tháng..... năm.....
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)

Biểu số: 26a/BTP/TGPL
Ban hành theo Thông tư số 20/2013/TT-BTP
ngày 03-12-2013
Ngày nhận báo cáo (BC):
BC 6 tháng: ngày 08 tháng 5 hằng năm
BC năm lần 1: ngày 08 tháng 11 hằng năm.
BC năm chính thức: ngày 20 tháng 01 năm sau.

**SỐ KIẾN NGHỊ TRONG HOẠT ĐỘNG
TRỢ GIÚP PHÁP LÝ**
(6 tháng/1 năm)
Kỳ báo cáo:.....
(Từ ngày.....tháng.....năm.....
đến ngày.....tháng.....năm.....)

Đơn vị báo cáo:
Trung tâm trợ giúp pháp lý
nhà nước tỉnh/thành phố...
Tổ chức đăng ký tham gia
trợ giúp pháp lý:.....
Đơn vị nhận báo cáo:
Sở Tư pháp...

Đơn vị tính: Kiến nghị

Chia theo lĩnh vực trợ giúp pháp lý		Tổng số	Kiến nghị về thi hành pháp luật					Kiến nghị sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật
			Tổng số	Chia ra				
				Giải quyết vụ việc		Thực thi công vụ		
				Tổng số	Trong đó đã được trả lời	Tổng số	Trong đó đã được trả lời	
A		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	Tổng số							
1	Pháp luật hình sự, tố tụng hình sự và thi hành án hình sự							
	Trung tâm trợ giúp pháp lý thực hiện							
	Tổ chức đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý thực hiện							

Chia theo lĩnh vực trợ giúp pháp lý		Tổng số	Kiến nghị về thi hành pháp luật					Kiến nghị sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật
			Tổng số	Chia ra				
				Giải quyết vụ việc		Thực thi công vụ		
				Tổng số	Trong đó đã được trả lời	Tổng số	Trong đó đã được trả lời	
A		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2	Pháp luật dân sự, tố tụng dân sự và thi hành án dân sự							
	Trung tâm trợ giúp pháp lý thực hiện							
	Tổ chức đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý thực hiện							
3	Pháp luật hôn nhân gia đình và pháp luật về trẻ em							
	Trung tâm trợ giúp pháp lý thực hiện							
	Tổ chức đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý thực hiện							
4	Pháp luật hành chính, khiếu nại, tố cáo và tố tụng hành chính							
	Trung tâm trợ giúp pháp lý thực hiện							
	Tổ chức đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý thực hiện							

Chia theo lĩnh vực trợ giúp pháp lý		Tổng số	Kiến nghị về thi hành pháp luật					Kiến nghị sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật
			Tổng số	Chia ra				
				Giải quyết vụ việc		Thực thi công vụ		
				Tổng số	Trong đó đã được trả lời	Tổng số	Trong đó đã được trả lời	
A		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
5	Pháp luật đất đai, nhà ở, môi trường và bảo vệ người tiêu dùng							
	Trung tâm trợ giúp pháp lý thực hiện							
	Tổ chức đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý thực hiện							
6	Pháp luật lao động, việc làm, bảo hiểm							
	Trung tâm trợ giúp pháp lý thực hiện							
	Tổ chức đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý thực hiện							
7	Pháp luật ưu đãi người có công với cách mạng và pháp luật về chính sách ưu đãi							
	Trung tâm trợ giúp pháp lý thực hiện							
	Tổ chức đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý thực hiện							

Chia theo lĩnh vực trợ giúp pháp lý		Tổng số	Kiến nghị về thi hành pháp luật					Kiến nghị sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật
			Tổng số	Chia ra				
				Giải quyết vụ việc		Thực thi công vụ		
				Tổng số	Trong đó đã được trả lời	Tổng số	Trong đó đã được trả lời	
A		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
8	Các lĩnh vực pháp luật khác							
	Trung tâm trợ giúp pháp lý thực hiện							
	Tổ chức đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý thực hiện							

* Ghi chú: Tổng số ước tính 02 tháng cuối trong kỳ báo cáo (đối với báo cáo 6 tháng và báo cáo năm lần 1) Cột 1.....

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Ngày..... tháng..... năm.....
GIÁM ĐỐC
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)

Câu hỏi 44: Văn phòng luật sư và công ty luật từ chối hoặc không tiếp tục trợ giúp pháp lý trong trường hợp nào?

Trả lời:

- Theo Điều 45 Luật trợ giúp pháp lý năm 2006, tổ chức trợ giúp pháp lý được từ chối hoặc không được tiếp tục thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý khi vụ việc đó thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Người có yêu cầu trợ giúp pháp lý không thuộc đối tượng quy định tại Điều 10 của Luật trợ giúp pháp lý năm 2006;

b) Người được trợ giúp pháp lý cố tình cung cấp thông tin, tài liệu sai sự thật về vụ việc;

c) Người được trợ giúp pháp lý vi phạm nghiêm trọng nội quy hoặc có hành vi làm mất trật tự nơi thực hiện trợ giúp pháp lý; xâm phạm danh dự, nhân phẩm của người thực hiện trợ giúp pháp lý;

d) Người được trợ giúp pháp lý rút yêu cầu trợ giúp pháp lý;

đ) Vụ việc đang được một tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý khác trợ giúp;

e) Vụ việc trợ giúp pháp lý không liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp của người được trợ giúp pháp lý hoặc thuộc lĩnh vực kinh doanh, thương mại hoặc người được trợ giúp pháp lý không đang cư trú tại địa phương; vụ việc trợ giúp pháp lý xảy ra tại địa phương khác; vụ việc trợ giúp pháp lý

được chuyển đến nhưng không thuộc trường hợp do tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý khác chuyển đến theo thẩm quyền hoặc vụ việc không trong phạm vi đăng ký trợ giúp pháp lý của tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật trong trường hợp tổ chức này nhận được yêu cầu trợ giúp pháp lý.

g) Vụ việc trợ giúp pháp lý thuộc trường hợp chuyển vụ việc trợ giúp pháp lý.

- Cũng theo Điều 45 Luật trợ giúp pháp lý năm 2006, người thực hiện trợ giúp pháp lý *phải từ chối hoặc không được tiếp tục thực hiện* vụ việc trợ giúp pháp lý khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Đã hoặc đang thực hiện trợ giúp pháp lý cho người được trợ giúp pháp lý là một bên có quyền lợi đối lập nhau trong cùng một vụ việc, trừ trường hợp hoà giải, giải đáp pháp luật;

b) Có quyền, lợi ích hợp pháp hoặc có người thân thích liên quan đến vụ việc trợ giúp pháp lý;

c) Người thực hiện trợ giúp pháp lý đã từng là người giải quyết vụ việc đó;

d) Có căn cứ khác cho rằng người thực hiện trợ giúp pháp lý có thể không khách quan trong thực hiện trợ giúp pháp lý.

- Trong trường hợp người thực hiện trợ giúp pháp lý phải từ chối hoặc không được tiếp tục thực hiện trợ giúp pháp lý theo quy định nêu trên, tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý cử người khác

thực hiện trợ giúp pháp lý hoặc người thực hiện trợ giúp pháp lý hướng dẫn, giới thiệu người được trợ giúp pháp lý đến người thực hiện trợ giúp pháp lý khác để được trợ giúp pháp lý.

- Trường hợp từ chối hoặc không tiếp tục thực hiện trợ giúp pháp lý, tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý, người thực hiện trợ giúp pháp lý phải thông báo rõ lý do bằng văn bản cho người được trợ giúp pháp lý.

Câu hỏi 45: Văn phòng luật sư CBA (đăng ký hoạt động trợ giúp pháp lý tại Sở Tư pháp tỉnh BD) đang trợ giúp pháp lý cho anh Huỳnh Hoàng QA về vụ việc ly hôn với vợ là chị Nguyễn Thị VA. Trong quá trình trợ giúp, khi được Văn phòng luật sư CBA yêu cầu cung cấp giấy tờ sở hữu căn nhà cấp bốn mà anh chị đang ở, anh QA đã cung cấp giấy chứng nhận sở hữu giả mang tên một mình anh là chủ sở hữu. Qua xem xét, luật sư trợ giúp pháp lý của Văn phòng luật sư CBA phát hiện ra sự việc đó. Vậy, trường hợp này, Văn phòng luật sư CBA có quyền từ chối tiếp tục trợ giúp pháp lý cho anh QA hay không?

Trả lời:

Theo điểm b khoản 1 Điều 45 Luật trợ giúp pháp lý năm 2006, tổ chức trợ giúp pháp lý (bao gồm cả văn phòng luật sư) được từ chối hoặc không tiếp tục thực hiện khi người được trợ giúp

pháp lý cố tình cung cấp thông tin, tài liệu sai sự thật về vụ việc.

Trong trường hợp nêu trên, anh QA đã cố ý cung cấp giấy tờ giả mạo. Do đó, Văn phòng luật sư CBA có thể không tiếp tục thực hiện việc trợ giúp pháp lý cho anh QA.

Câu hỏi 46: Văn phòng luật sư và công ty luật bị chấm dứt tham gia trợ giúp pháp lý trong trường hợp nào?

Trả lời:

Theo Điều 19 Luật trợ giúp pháp lý năm 2006, văn phòng luật sư và công ty luật có thể bị chấm dứt tham gia trợ giúp pháp lý trong các trường hợp sau:

- Tự chấm dứt tham gia trợ giúp pháp lý;
- Không được tiếp tục tham gia trợ giúp pháp lý trong trường hợp có hành vi vi phạm quy định của Luật trợ giúp pháp lý năm 2006 gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính mà còn vi phạm;
- Chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật;

Khi chấm dứt tham gia trợ giúp pháp lý, văn phòng luật sư và công ty luật phải thông báo cho Sở Tư pháp nơi đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý; chuyển hồ sơ vụ việc trợ giúp pháp lý đang trợ giúp đến Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước ở

địa phương nơi đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan.

Câu hỏi 47: Mẫu đơn chấm dứt tham gia trợ giúp pháp lý của văn phòng luật sư và công ty luật được quy định như thế nào?

Trả lời:

Văn phòng luật sư và công ty luật muốn chấm dứt tham gia trợ giúp pháp lý cần phải có đơn.

Mẫu đơn chấm dứt hoạt động trợ giúp pháp lý theo Mẫu TP-TGPL-3D được quy định tại Quyết định số 03/2007/QĐ-BTP ngày 01-6-2007 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành một số biểu mẫu dùng trong hoạt động trợ giúp pháp lý.

Mẫu TP-TGPL-3D

Tên tổ chức.....

Số:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO

Chấm dứt tham gia trợ giúp pháp lý

Kính gửi: Sở Tư pháp tỉnh (thành phố).....

1. Tổ chức đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý (TGPL) (tên gọi đầy đủ ghi bằng chữ in hoa):

.....

2. Địa chỉ trụ sở chính:.....

.....

Điện thoại:..... Fax:..... Email:.....

3. Giấy đăng ký tham gia TGPL số:..... do.....

..... cấp ngày:

4. Đại diện là ông (bà) (ghi rõ họ tên bằng chữ in hoa):

Chức danh:.....

Điện thoại:..... Fax:..... Email:.....

5. Thông báo chấm dứt tham gia TGPL như sau:

Lý do chấm dứt:.....

.....

Chấm dứt tham gia TGPL kể từ ngày:.....

..... (tên tổ chức đăng ký tham

gia TGPL) cam đoan thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ khi chấm dứt tham gia hoạt động TGPL theo quy định của pháp luật.

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC THAM GIA TGPL

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Câu hỏi 48: Sau khi chấm dứt hoạt động trợ giúp pháp lý, văn phòng luật sư, công ty luật có bị thu hồi giấy đăng ký trợ giúp pháp lý hay không?

Theo Điều 17 Nghị định số 07/2007/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung, giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý bị thu hồi khi văn phòng luật sư, công ty luật vi phạm quy định của Luật trợ giúp pháp lý năm 2006 gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính mà còn vi phạm.

Việc thu hồi giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý do Giám đốc Sở Tư pháp quyết định và được thông báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương để nhân dân biết.

Khi bị thu hồi giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý, văn phòng luật sư, công ty luật không được tiếp tục thực hiện trợ giúp pháp lý và không được cấp lại giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý. Các vụ việc trợ giúp pháp lý đang thực hiện phải được chuyển giao cho Trung tâm ở địa phương nơi đã đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý.

Câu hỏi 49: Các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp nào được trợ giúp pháp lý?

Trả lời:

Các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp bao gồm: Mặt trận Tổ quốc, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh, Hội Luật gia, Hội Nhà báo, các tổ chức chính trị - xã hội và tổ chức xã hội - nghề nghiệp khác có các Trung tâm tư vấn pháp luật được thành lập theo quy định của Nghị định số 77/2008/NĐ-CP ngày 16-7-2008 của Chính phủ về tư vấn pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2012/NĐ-CP ngày 02-02-2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về đăng ký giao dịch bảo đảm, trợ giúp pháp lý, luật sư, tư vấn pháp luật (say đây gọi là Nghị định số 77/2008/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung), Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14-10-2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật luật sư thì có thể đăng ký việc trợ giúp pháp lý với Sở Tư pháp nơi đã cấp giấy đăng ký hoạt động cho trung tâm tư vấn pháp luật đó.

Theo Điều 12 Nghị định số 77/2008/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội -

nghề nghiệp cấp trung ương, cấp ngành được thành lập Trung tâm tư vấn pháp luật trong phạm vi cả nước và tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp cấp tỉnh, cấp huyện được thành lập Trung tâm tư vấn pháp luật trong phạm vi địa phương mình.

Câu hỏi 50: Các Trung tâm tư vấn pháp luật của tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp có nghĩa vụ gì trong việc báo cáo thống kê trợ giúp pháp lý?

Trả lời:

Tương tự như văn phòng luật sư và công ty luật, các Trung tâm tư vấn pháp luật của tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp định kỳ 06 tháng/hàng năm phải gửi Sở Tư pháp sở tại báo cáo thống kê trợ giúp pháp lý theo quy định tại Thông tư số 20/2013/TT-BTP.

Câu hỏi 51: Mẫu giấy đăng ký, thay đổi, chấm dứt hoạt động trợ giúp pháp lý của tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp được quy định tại văn bản pháp luật nào?

Trả lời:

Theo Điều 15 Nghị định số 07/2007/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung, việc đăng ký trợ giúp pháp lý của

Trung tâm tư vấn pháp luật phải bằng hình thức gửi đơn kèm theo danh sách luật sư, tư vấn viên pháp luật; bản sao giấy đăng ký hoạt động. Mẫu đơn đăng ký tham gia, thay đổi, chấm dứt hoạt động trợ giúp pháp lý được quy định tại Quyết định số 03/2007/QĐ-BTP ngày 01-6-2007 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành một số biểu mẫu dùng trong hoạt động trợ giúp pháp lý.

Các mẫu đăng ký, thay đổi, chấm dứt hoạt động trợ giúp pháp lý của tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp giống như với các mẫu dành cho tổ chức hành nghề luật sư là văn phòng luật và công ty luật.

Câu hỏi 52: Các Trung tâm tư vấn pháp luật của tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp bị chấm dứt trợ giúp pháp lý khi nào?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 19 Luật trợ giúp pháp lý năm 2006, thì tổ chức tư vấn pháp luật của các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp chấm dứt tham gia trợ giúp pháp lý trong các trường hợp sau đây:

- Tự chấm dứt tham gia trợ giúp pháp lý;
- Không được tiếp tục tham gia trợ giúp pháp lý trong trường hợp có hành vi vi phạm quy định

của Luật trợ giúp pháp lý năm 2006 gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính mà còn vi phạm;

- Chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật;

Khi chấm dứt tham gia trợ giúp pháp lý, tổ chức tư vấn pháp luật phải thông báo cho Sở Tư pháp nơi đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý; chuyển hồ sơ vụ việc trợ giúp pháp lý đang trợ giúp đến Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước ở địa phương nơi đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan.

Câu hỏi 53: Sau khi chấm dứt hoạt động trợ giúp pháp lý, Trung tâm tư vấn pháp luật của các tổ chức tư vấn pháp luật là tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp có bị thu hồi Giấy đăng ký trợ giúp pháp lý hay không?

Tương tự như đối với tổ chức hành nghề luật sư là văn phòng luật sư, công ty luật, theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 07/2007/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung, giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý bị thu hồi khi Trung tâm tư vấn pháp luật của các tổ chức tư vấn pháp luật là tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp vi phạm quy định của Luật trợ giúp pháp lý năm 2006 gây hậu quả

ng nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính mà còn vi phạm.

Sở Tư pháp xem xét, ra quyết định thu hồi giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý nếu tổ chức tham gia có hành vi vi phạm thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 48 Luật trợ giúp pháp lý năm 2006. Trung tâm tư vấn pháp luật phải chấm dứt tham gia thực hiện trợ giúp pháp lý, kể từ ngày bị thu hồi giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý.

Câu hỏi 54: Cấp xã, phường, thị trấn được tổ chức hình thức cộng đồng nào để hỗ trợ những vướng mắc liên quan đến pháp luật?

Trả lời:

Theo Điều 36 Nghị định số 07/2007/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung, thì Câu lạc bộ trợ giúp pháp lý là một hình thức hoạt động trợ giúp pháp lý cộng đồng, tạo điều kiện cho người được trợ giúp pháp lý, người thuộc hộ cận nghèo và người dân có vướng mắc pháp luật ở địa phương tham gia sinh hoạt. Thông qua tư vấn pháp luật, Câu lạc bộ giúp người được trợ giúp pháp lý nâng cao nhận thức pháp luật để thực hiện pháp luật, tự mình giải quyết vướng mắc pháp luật, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

Câu lạc bộ trợ giúp pháp lý chịu sự quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân cấp xã. Chi phí sinh hoạt Câu lạc bộ trợ giúp pháp lý bao gồm chi phí

cho việc sao chụp tài liệu và một số khoản chi hợp lý khác do Trung tâm chịu trách nhiệm, Ủy ban nhân dân cấp xã tạo điều kiện, hỗ trợ về địa điểm và nước uống.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thành lập và phê duyệt Điều lệ của Câu lạc bộ trợ giúp pháp lý trên cơ sở Điều lệ mẫu về Câu lạc bộ trợ giúp pháp lý do Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành.

Câu hỏi 55: Các khoản chi cụ thể nào của Câu lạc bộ trợ giúp pháp lý được Nhà nước hỗ trợ?

Trả lời:

Theo điểm b khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 209/2012/TTLT-BTC-BTP ngày 30-11-2012 của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp hướng dẫn việc lập, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm hoạt động của cơ quan, tổ chức trợ giúp pháp lý nhà nước, thì các khoản chi hỗ trợ sinh hoạt Câu lạc bộ trợ giúp pháp lý gồm:

- Chi làm băng rôn, khẩu hiệu, panô, áp phích, cung cấp thông tin pháp luật, tờ gấp, sách bỏ túi, cẩm nang pháp luật và các ấn phẩm tài liệu pháp luật khác; chi sao chụp tài liệu liên quan đến vụ việc trợ giúp pháp lý và để phục vụ sinh hoạt của Câu lạc bộ trợ giúp pháp lý;
- Chi công tác phí cho các cộng tác viên, cán bộ tham gia trợ giúp pháp lý khi tham gia sinh hoạt

chuyên đề với Câu lạc bộ, chi bồi dưỡng báo cáo viên, cộng tác viên hướng dẫn sinh hoạt câu lạc bộ trợ giúp pháp lý; chi thuê người dẫn đường, phiên dịch tiếng dân tộc (nếu có) phục vụ sinh hoạt của Câu lạc bộ trợ giúp pháp lý.

Địa điểm sinh hoạt Câu lạc bộ, nước uống do Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn tạo điều kiện hỗ trợ.

Câu hỏi 56: Sinh hoạt chuyên đề pháp luật của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước và Chi nhánh Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước là như thế nào?

Trả lời:

Theo Điều 37 Nghị định số 07/2007/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung thì sinh hoạt chuyên đề pháp luật là việc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước và Chi nhánh Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tổ chức nói chuyện, trao đổi theo chủ đề về các vấn đề pháp luật có liên quan trực tiếp đến các quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân tại cơ sở mà người dân thường có nhiều vướng mắc và được nhiều người quan tâm.

Sinh hoạt chuyên đề pháp luật được tổ chức kết hợp trong các đợt trợ giúp pháp lý lưu động, sinh hoạt Câu lạc bộ trợ giúp pháp lý hoặc được tổ chức độc lập theo yêu cầu của địa phương tại những địa bàn dân cư.

Người thực hiện trợ giúp pháp lý do Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước hoặc Chi nhánh của

Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước cử tham gia sinh hoạt chuyên đề pháp luật được hưởng chế độ, chính sách theo quy định đối với cán bộ, công chức đi công tác.

Cơ quan, tổ chức và chính quyền địa phương có trách nhiệm phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi cho Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước hoặc Chi nhánh của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tổ chức sinh hoạt chuyên đề pháp luật.

Câu hỏi 57: Cơ quan công tác dân tộc ở địa phương có trách nhiệm gì trong việc trợ giúp pháp lý đối với những người thuộc dân tộc thiểu số?

Trả lời:

Theo Điều 12 Thông tư liên tịch số 01/2012/TTLT-BTP-UBDT ngày 17-01-2012 của Bộ Tư pháp, Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện trợ giúp pháp lý đối với người dân tộc thiểu số, thì Cơ quan công tác dân tộc ở địa phương trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình nếu phát hiện người dân tộc thiểu số thuộc diện được trợ giúp pháp lý và có nhu cầu trợ giúp pháp lý thì hướng dẫn họ hoặc người đại diện hợp pháp về các thủ tục yêu cầu trợ giúp pháp lý, địa chỉ của tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý và danh sách người thực hiện trợ giúp pháp lý ở địa phương để được hưởng trợ giúp pháp lý.

Trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình, nếu Cơ quan công tác dân tộc ở địa phương phát hiện người thực hiện trợ giúp pháp lý có hành vi vi phạm pháp luật thì cơ quan, người có thẩm quyền trong Cơ quan công tác dân tộc ở địa phương kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật và thông báo cho Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, Chi nhánh Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước và các tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý khác biết.

Cơ quan công tác dân tộc ở địa phương được yêu cầu phối hợp có trách nhiệm:

- Niêm yết công khai Bảng thông tin về trợ giúp pháp lý tại địa điểm tiếp dân ở trụ sở cơ quan mình;

- Đặt Hộp tin trợ giúp pháp lý để cấp phát miễn phí tờ gấp pháp luật, mẫu đơn yêu cầu trợ giúp pháp lý và các tài liệu pháp luật có liên quan về trợ giúp pháp lý tại các địa điểm tiếp dân của cơ quan mình để người có thể tiếp cận khi cần;

- Chủ động yêu cầu Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, Chi nhánh Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước để phối hợp thực hiện các hoạt động truyền thông và hướng dẫn về trợ giúp pháp lý.

Câu hỏi 58: Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam có trách nhiệm gì trong việc giúp cựu chiến binh thực hiện quyền được trợ giúp pháp lý?

Trả lời:

Theo quy định điểm a mục 2 Phần III Thông tư

liên tịch số 02/2008/TTLT-BTP-TWHCCBVN ngày 09-6-2008 của Bộ Tư pháp, Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam hướng dẫn phối hợp xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý đối với cựu chiến binh, thì Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý thuộc Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam thực hiện trợ giúp pháp lý đối với cựu chiến binh được Hội Cựu chiến binh cấp tỉnh giới thiệu trong các trường hợp sau:

- Các vụ việc khiếu nại của cựu chiến binh đã được các Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, Chi nhánh của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước ở địa phương trợ giúp pháp lý nhưng vẫn còn tiếp tục khiếu nại;

- Các vụ việc liên quan đến cựu chiến binh đã có quyết định giải quyết cuối cùng của cơ quan có thẩm quyền nhưng vẫn còn khiếu nại;

- Cựu chiến binh có yêu cầu được giúp đỡ pháp luật nhưng không thuộc đối tượng quy định tại mục 1 Phần III Thông tư này;

- Việc trợ giúp pháp lý đối với cựu chiến binh của tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý thuộc Hội Cựu chiến binh Việt Nam thực hiện theo quy định của pháp luật.

b) Chỉ đạo Hội Cựu chiến binh tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương giới thiệu người đủ tiêu

chuẩn tham gia làm cộng tác viên trợ giúp pháp lý; phối hợp với Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, Chi nhánh của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước trong quá trình triển khai thực hiện trợ giúp pháp lý đối với cựu chiến binh ở địa phương;

c) Tổ chức sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm về thực hiện trợ giúp pháp lý để nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác trợ giúp pháp lý đối với cựu chiến binh.

Câu hỏi 59: Hội Cựu chiến binh địa phương có trách nhiệm gì trong việc giúp cựu chiến binh thực hiện quyền được trợ giúp pháp lý?

Trả lời:

Theo quy định điểm b mục 2 phần III Thông tư liên tịch số 02/2008/TTLT-BTP-TWHCCBVN ngày 09-6-2008 của Bộ Tư pháp, Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam hướng dẫn phối hợp xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý đối với cựu chiến binh, thì Hội Cựu chiến binh địa phương có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn cựu chiến binh thuộc đối tượng được trợ giúp pháp lý quy định tại mục 1 Phần III Thông tư này đến Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, Chi nhánh của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước đề nghị được trợ giúp pháp lý theo quy định của pháp luật.

Trường hợp cựu chiến binh không thuộc diện được trợ giúp pháp lý tại các Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước và các Chi nhánh của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước thì Hội Cựu chiến binh tỉnh, thành phố giới thiệu về tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý thuộc Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam để giúp đỡ pháp luật;

b) Giới thiệu cựu chiến binh đủ tiêu chuẩn tham gia làm cộng tác viên trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước;

c) Phối hợp với Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, Chi nhánh của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, chính quyền và các đoàn thể ở địa phương thực hiện việc hòa giải trong nhân dân và khiếu kiện có liên quan đến cựu chiến binh hoặc cựu chiến binh có yêu cầu để góp phần bảo đảm đoàn kết, duy trì trật tự an toàn xã hội, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên;

d) Phối hợp với Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, Chi nhánh của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước khảo sát về nhu cầu trợ giúp pháp lý đối với cựu chiến binh và tham gia thực hiện trợ giúp pháp lý lưu động trên địa bàn theo đề nghị của Trung tâm hoặc Chi nhánh của Trung tâm.

III. NHỮNG NGƯỜI THỰC HIỆN TRỢ GIÚP PHÁP LÝ

Câu hỏi 60: Những người nào là người thực hiện trợ giúp pháp lý?

Trả lời:

Theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 20 Luật trợ giúp pháp lý năm 2006, những người trợ giúp pháp lý gồm:

- Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước hoặc của Chi nhánh Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước;
- Cộng tác viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước hoặc của Chi nhánh Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước;
- Luật sư của các văn phòng luật sư, công ty luật đã đăng ký hoạt động trợ giúp pháp lý theo quy định của pháp luật;
- Tư vấn viên pháp luật làm việc trong tổ chức tư vấn pháp luật của các tổ chức chính trị - xã hội đã đăng ký hoạt động trợ giúp pháp lý theo quy định của pháp luật.

Câu hỏi 61: Những người nào không được tham gia trợ giúp pháp lý?

Trả lời:

Theo quy định tại khoản 3 Điều 20 Luật trợ giúp pháp lý năm 2006, những người thuộc một trong các trường hợp sau đây thì không được tham gia trợ giúp pháp lý:

- Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đã bị kết án mà chưa được xoá án tích hoặc đã bị kết án về tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng;

- Đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh, cơ sở giáo dục hoặc quản chế hành chính;

- Mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;

- Bị xử lý kỷ luật bằng hình thức buộc thôi việc mà chưa hết thời hạn ba năm, kể từ ngày quyết định buộc thôi việc có hiệu lực;

- Đang bị tước quyền sử dụng Chứng chỉ hành nghề luật sư; bị thu hồi Giấy chứng nhận tư vấn viên pháp luật.

Câu hỏi 62: Những người nào là trợ giúp viên pháp lý?

Trả lời:

Theo khoản 2 Điều 21 Luật trợ giúp pháp lý năm 2006, Trợ giúp viên pháp lý là viên chức nhà

nước, làm việc tại Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cấp thẻ Trợ giúp viên pháp lý theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp.

Câu hỏi 63: Trợ giúp viên pháp lý cần có tiêu chuẩn gì?

Trả lời:

Khoản 1 Điều 21 Luật trợ giúp pháp lý năm 2006 quy định tiêu chuẩn của Trợ giúp viên pháp lý là:

- Là công dân Việt Nam thường trú tại Việt Nam;
- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; có phẩm chất đạo đức tốt;
- Có bằng cử nhân luật;
- Có Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ trợ giúp pháp lý;
- Có thời gian làm công tác pháp luật từ hai năm trở lên;
- Có sức khỏe bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Câu hỏi 64: Trợ giúp viên pháp lý có quyền và nghĩa vụ gì liên quan đến hoạt động trợ giúp pháp lý?

Trả lời:

Theo Điều 25 Luật trợ giúp pháp lý năm 2006 và Điều 24 Nghị định số 07/2007/NĐ-CP sửa đổi,

bổ sung thì khi thực hiện trợ giúp pháp lý, Trợ giúp viên pháp lý có các quyền và nghĩa vụ sau:

- Thực hiện trợ giúp pháp lý;
- Từ chối hoặc không tiếp tục thực hiện trợ giúp pháp lý trong các trường hợp quy định tại khoản 1 và 2 Điều 45 Luật trợ giúp pháp lý năm 2006 và theo quy định của pháp luật về tố tụng;
- Được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và kỹ năng trợ giúp pháp lý;
- Tuân thủ nguyên tắc hoạt động trợ giúp pháp lý;
- Tuân thủ nội quy nơi thực hiện trợ giúp pháp lý;
- Kịp thời báo cáo với tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý những vấn đề phát sinh làm ảnh hưởng đến kết quả thực hiện trợ giúp pháp lý.

Bên cạnh đó, Trợ giúp viên pháp lý thực hiện trợ giúp pháp lý theo phân công của Giám đốc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, của Trưởng Chi nhánh Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước. Trợ giúp viên pháp lý chịu trách nhiệm trước Giám đốc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước và trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Trong trường hợp làm việc tại Chi nhánh Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước thì còn phải chịu trách nhiệm trước Trưởng Chi nhánh Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước.

Ngoài ra, trong trường hợp Trợ giúp viên pháp lý thực hiện trợ giúp pháp lý mà gây thiệt hại thì

Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước nơi người đó công tác phải có trách nhiệm bồi thường. Trợ giúp viên pháp lý đã gây thiệt hại có trách nhiệm bồi hoàn cho Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức.

Câu hỏi 65: Những ai được làm cộng tác viên trợ giúp pháp lý?

Trả lời:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 22 Luật trợ giúp pháp lý năm 2006, Giám đốc Sở Tư pháp xem xét, công nhận và cấp thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý cho các trường hợp tự nguyện tham gia trợ giúp pháp lý sau đây:

- a) Luật sư, Tư vấn viên pháp luật;
- b) Công dân Việt Nam thường trú tại Việt Nam có các điều kiện:
 - Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
 - Có bằng cử nhân luật hoặc có bằng đại học khác làm việc trong các ngành, nghề có liên quan đến quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân (đối với những người thường trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số và miền núi thì chỉ cần có bằng trung cấp luật hoặc có thời gian làm công tác pháp luật từ ba năm trở lên hoặc có kiến thức pháp luật và có uy tín trong cộng đồng);
 - Có phẩm chất đạo đức tốt, có sức khỏe bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ được giao;

- Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án mà chưa được xoá án tích hoặc đã bị kết án về tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng hoặc đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh, cơ sở giáo dục hoặc quản chế hành chính;

- Không bị xử lý kỷ luật bằng hình thức buộc thôi việc mà chưa hết thời hạn ba năm, kể từ ngày quyết định buộc thôi việc có hiệu lực;

Ngoài ra, đối với luật sư, tư vấn viên pháp luật thì không đang bị tước quyền sử dụng Chứng chỉ hành nghề luật sư; bị thu hồi Giấy chứng nhận tư vấn viên pháp luật.

Câu hỏi 66: Ông C không có bằng cấp chuyên môn về pháp luật, nhưng đã làm công chức Tư pháp xã V, huyện H, tỉnh miền núi SL được 3 năm. Ông C muốn đăng ký làm cộng tác viên trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước thuộc Sở Tư pháp tỉnh SL. Vậy, ông C có đủ tiêu chuẩn để làm cộng tác viên trợ giúp pháp lý hay không?

Trả lời:

Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 07/2012/TT-BTP ngày 30-7-2012 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn về cộng tác viên trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước quy định người có thời gian làm công tác pháp luật là người đã hoặc

đang làm công tác liên quan đến pháp luật trong các cơ quan thuộc ngành Tư pháp, Kiểm sát, Tòa án, Thanh tra, hệ thống các Cơ quan điều tra hoặc tổ chức pháp chế các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, đơn vị lực lượng vũ trang; cơ quan, tổ chức khác có liên quan đến pháp luật; người đã hoặc đang là công chức tư pháp hộ tịch xã, phường, thị trấn, Hội thẩm nhân dân, Bào chữa viên nhân dân, luật gia.

Theo Thông tư nêu trên, ông C tuy không có bằng cấp về pháp luật nhưng ông đã làm công tác pháp luật (công chức tư pháp xã) được 03 năm ở xã miền núi. Do đó, theo quy định tại khoản 1 Điều 22 Luật trợ giúp pháp lý năm 2006, ông C có đủ điều kiện làm cộng tác viên trợ giúp pháp lý.

Câu hỏi 67: Ông P là Trưởng bản M, xã KT, huyện BD, tỉnh miền núi K. Ông P muốn đăng ký làm cộng tác viên trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước thuộc Sở Tư pháp tỉnh K. Vậy, ông P có đủ tiêu chuẩn để làm cộng tác viên trợ giúp pháp lý hay không?

Trả lời:

Khoản 1 Điều 22 Luật trợ giúp pháp lý năm 2006 quy định người có kiến thức pháp luật và có uy tín trong cộng đồng, thường trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số và miền núi mặc dù không có bằng cấp về

pháp luật vẫn có thể làm cộng tác viên trợ giúp pháp lý.

Liên quan đến người có kiến thức pháp luật và có uy tín trong cộng đồng, khoản 3 Điều 4 Thông tư số 07/2012/TT-BTP ngày 30-7-2012 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn về cộng tác viên trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước giải thích người có kiến thức pháp luật và có uy tín trong cộng đồng là người đã hoặc đang là tổ viên tổ hoà giải, thành viên Ban Chủ nhiệm Câu lạc bộ trợ giúp pháp lý, già làng, trưởng bản, trưởng thôn, trưởng ấp, đại diện tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp ở cơ sở.

Chiếu theo các quy định trên, ông P đủ điều kiện để làm cộng tác viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh K.

Câu hỏi 68: Hồ sơ tự nguyện làm cộng tác viên trợ giúp pháp lý được gửi đến cơ quan, tổ chức nào?

Trả lời:

Theo Điều 27 Nghị định số 07/2007/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung thì người có đủ tiêu chuẩn quy định làm cộng tác viên trợ giúp pháp lý, nếu tự nguyện làm cộng tác viên thì phải gửi hồ sơ đến Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước ở địa phương nơi mình cư trú hoặc công tác để được xem xét, công nhận là cộng tác viên trợ giúp pháp lý.

Câu hỏi 69: Hồ sơ tự nguyện làm cộng tác viên gồm những giấy tờ gì?

Trả lời:

Theo Điều 27 Nghị định số 07/2007/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung hồ sơ đề nghị làm cộng tác viên bao gồm:

- a) Đơn đề nghị làm cộng tác viên theo mẫu;
- b) Bản sao bằng cử nhân luật; bằng đại học khác hoặc bằng trung cấp luật;
- c) Sơ yếu lý lịch cá nhân có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi cư trú hoặc của cơ quan nơi người đề nghị làm cộng tác viên làm việc làm hai ảnh màu chân dung cỡ 2 cm x 3 cm.

Trong trường hợp người đề nghị làm cộng tác viên thường trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số và miền núi mà có thời gian công tác pháp luật từ 03 năm trở lên hoặc có kiến thức pháp luật và có uy tín trong cộng đồng thì trong hồ sơ đề nghị làm cộng tác viên ngoài các giấy tờ tài liệu quy định tại điểm a, c nêu trên cần có giấy xác nhận thời gian công tác pháp luật của cơ quan, tổ chức nơi người đó đã hoặc đang công tác hoặc xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã về kiến thức pháp luật và uy tín trong cộng đồng của người đề nghị.

Trong thời hạn bốn ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Giám đốc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước kiểm tra tính đầy đủ và đúng đắn của hồ sơ, nếu hồ sơ hợp lệ thì trình Giám đốc

Sở Tư pháp xem xét, công nhận và cấp thẻ cộng tác viên. Trong trường hợp hồ sơ không hợp lệ thì trả lại hồ sơ cho người đề nghị làm cộng tác viên và thông báo rõ lý do bằng văn bản.

Trong thời hạn ba ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Giám đốc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước trình, Giám đốc Sở Tư pháp xem xét, ký quyết định công nhận và cấp thẻ cộng tác viên. Trong trường hợp từ chối phải thông báo rõ lý do bằng văn bản cho người đề nghị làm cộng tác viên. Người bị từ chối có quyền khiếu nại đối với việc từ chối công nhận và cấp thẻ cộng tác viên. Việc giải quyết khiếu nại được thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại.

Câu hỏi 70: Ông Nguyễn Văn T đang làm Thẩm phán Tòa án nhân dân huyện K. Ông T muốn đăng ký với Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước thuộc Sở Tư pháp tỉnh để làm cộng tác viên. Vậy, ông T có đủ tiêu chuẩn để chấp nhận là cộng tác viên hay không?

Trả lời:

Theo khoản 2 Điều 4 Thông tư số 07/2012/TT-BTP ngày 30-7-2012 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn về cộng tác viên trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, thì người đã hoặc đang làm công tác liên quan đến pháp luật trong các cơ quan thuộc ngành Tòa án có thể đăng ký làm cộng tác viên trợ giúp pháp lý.

Như vậy, ông Nguyễn Văn T đủ tiêu chuẩn để chấp nhận làm cộng tác viên trợ giúp pháp lý.

Câu hỏi 71: Ông Nguyễn L trước đây là công chứng viên. Ba năm trước ông L vi phạm pháp luật trong hoạt động công chứng và bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước với mức án là 2 năm 9 tháng tù giam. Do cải tạo tốt ông L được giảm thời gian chấp hành án phạt tù và được ra tù tháng 01 năm ngoái. Nay, ông L muốn đăng ký với Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh để làm cộng tác viên. Vậy, ông L có đủ tiêu chuẩn để được chấp nhận là cộng tác viên trợ giúp pháp lý hay không?

Trả lời:

Ông Nguyễn L trước đây phạm tội theo quy định tại Điều 144 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), có mức án là 2 năm 9 tháng. Do đó, theo quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự này, ông L không phạm tội mới trong thời hạn 03 năm kể từ khi chấp hành xong bản án thì mới được xoá án tích.

Như vậy, ông L chưa đủ thời hạn để xoá án tích và theo quy định tại khoản 1 Điều 22 Luật trợ giúp pháp lý năm 2006 thì ông L không được chấp nhận là cộng tác viên trợ giúp pháp lý.

Câu hỏi 72: Quan hệ cộng tác giữa Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước và cộng tác viên dựa trên cơ sở pháp lý nào?

Trả lời:

Theo Điều 8, Điều 9 và Điều 10 Thông tư số 07/2012/TT-BTP ngày 30-7-2012 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn về cộng tác viên trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước thì hợp đồng cộng tác thực hiện trợ giúp pháp lý là cơ sở để xác định trách nhiệm và quyền hạn của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước và cộng tác viên trong quan hệ cộng tác. Hợp đồng cộng tác có hiệu lực kể từ thời điểm hai bên cùng ký vào hợp đồng, trừ trường hợp trong hợp đồng có thỏa thuận khác. Cộng tác viên được thực hiện trợ giúp pháp lý từ thời điểm hợp đồng cộng tác có hiệu lực.

Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày được cấp thẻ cộng tác viên, cộng tác viên đến Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước hoặc Chi nhánh Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước để ký kết hợp đồng cộng tác. Hợp đồng cộng tác phải xác định rõ đối tượng, phạm vi, hình thức, phương thức, lĩnh vực trợ giúp pháp lý, thời hạn cộng tác mà cộng tác viên sẽ thực hiện, quyền và nghĩa vụ của cộng tác viên, vấn đề chấm dứt hợp đồng và cơ chế giải quyết tranh chấp trong quá trình thực hiện hợp đồng cộng tác phù hợp với quy định của pháp luật

về trợ giúp pháp lý và pháp luật khác có liên quan (Mẫu số 04-TGPL-CTV ban hành kèm theo Thông tư này).

Giám đốc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước ký hợp đồng cộng tác với cộng tác viên thực hiện trợ giúp pháp lý tại Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước. Giám đốc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước ký hoặc ủy quyền bằng văn bản cho Trưởng Chi nhánh Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước thừa ủy quyền ký hợp đồng cộng tác với cộng tác viên thực hiện trợ giúp pháp lý tại Chi nhánh. Trưởng Chi nhánh Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước chịu trách nhiệm trước Giám đốc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước về việc ký hợp đồng cộng tác với cộng tác viên. Hợp đồng cộng tác do Giám đốc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước ký được lập thành 02 bản; hợp đồng cộng tác do Trưởng Chi nhánh Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước ký được lập thành 03 bản, mỗi bên giữ 01 bản, 01 bản lưu tại Trung tâm.

Cộng tác viên được đề nghị Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước thay đổi, bổ sung nội dung hợp đồng cộng tác. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của cộng tác viên, nếu đồng ý với đề nghị của cộng tác viên, Giám đốc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước hoặc Trưởng Chi nhánh Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước được Giám đốc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước ủy quyền và cộng tác viên tiến

hành ký kết văn bản sửa đổi hợp đồng cộng tác thực hiện trợ giúp pháp lý.

Trường hợp Giám đốc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước hoặc Trưởng Chi nhánh Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước không đồng ý với đề nghị thay đổi, bổ sung nội dung hợp đồng cộng tác của cộng tác viên thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị. Trong trường hợp này, cộng tác viên tiếp tục thực hiện trợ giúp pháp lý theo hợp đồng cộng tác đã ký hoặc thông báo cho Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước bằng văn bản về việc chấm dứt hợp đồng cộng tác. Trong thời hạn 04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo chấm dứt hợp đồng cộng tác, cộng tác viên tiến hành bàn giao các hồ sơ vụ việc trợ giúp pháp lý đang đảm nhận và tiến hành thanh lý hợp đồng cộng tác với Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước.

Ngoài ra, hợp đồng cộng tác bị chấm dứt trong các trường hợp sau đây:

- Cộng tác viên đề nghị Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước chấm dứt hợp đồng cộng tác bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do chấm dứt hợp đồng cộng tác;
- Cộng tác viên có hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị định số 07/2007/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung về sử dụng thẻ cộng tác viên;

- Cộng tác viên thuộc một trong các trường hợp bị thu hồi thẻ cộng tác viên theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Nghị định số 07/2007/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung.

Trong thời hạn 04 ngày làm việc, kể từ ngày chấm dứt hợp đồng cộng tác, các bên trong hợp đồng cộng tác có trách nhiệm tiến hành thanh lý hợp đồng cộng tác. Cộng tác viên có trách nhiệm nộp lại thẻ cộng tác viên và bàn giao toàn bộ các hồ sơ vụ việc trợ giúp pháp lý đang thực hiện cho Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, Chi nhánh Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước. Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước có trách nhiệm thanh toán tiền bồi dưỡng, các chi phí hợp lý cho cộng tác viên đối với vụ việc trợ giúp pháp lý mà cộng tác viên đã thực hiện theo quy định của pháp luật.

Cộng tác viên đã chấm dứt hợp đồng cộng tác vẫn phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về những vụ việc đã thực hiện trong quá trình là cộng tác viên.

Câu hỏi 73: Cộng tác viên có quyền và nghĩa vụ gì trong hoạt động trợ giúp pháp lý?

Trả lời:

Theo Điều 32 Nghị định số 07/2007/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung và được hướng dẫn cụ thể tại Điều 11, Điều 12 Thông tư số 07/2012/TT-BTP ngày 30-7-2012 của Bộ Tư pháp hướng dẫn về cộng tác

viên trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, thì cộng tác viên trợ giúp pháp lý có quyền và nghĩa vụ sau đây:

1. Quyền của cộng tác viên trợ giúp pháp lý:

a) Được cấp thẻ cộng tác viên và sử dụng thẻ cộng tác viên theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 07/2007/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung;

b) Được phân công thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý phù hợp với đối tượng, phạm vi, hình thức, phương thức và lĩnh vực trợ giúp pháp lý thể hiện trong hợp đồng cộng tác ký kết với Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước;

c) Được yêu cầu các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp thông tin, tài liệu để thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý;

d) Được từ chối hoặc không tiếp tục thực hiện trợ giúp pháp lý trong trường hợp người có yêu cầu trợ giúp pháp lý không thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý; người được trợ giúp pháp lý cố tình cung cấp thông tin, tài liệu sai sự thật về vụ việc; người được trợ giúp pháp lý vi phạm nghiêm trọng nội quy hoặc có hành vi làm mất trật tự nơi thực hiện trợ giúp pháp lý; xâm phạm danh dự, nhân phẩm của người thực hiện trợ giúp pháp lý; người được trợ giúp pháp lý rút yêu cầu trợ giúp pháp lý; vụ việc đang được một tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý khác trợ giúp; vụ việc trợ giúp pháp lý không thuộc loại vụ việc thuộc phạm vi trợ giúp

pháp lý; vụ việc trợ giúp pháp lý thuộc trường hợp chuyển vụ việc trợ giúp pháp lý theo quy định của pháp luật về trợ giúp pháp lý;

đ) Được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và kỹ năng trợ giúp pháp lý;

e) Được hưởng chế độ bồi dưỡng và các chi phí hành chính hợp lý khác theo quy định của pháp luật;

g) Được đề xuất, kiến nghị về việc mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước và Chi nhánh Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước;

h) Được biểu dương, khen thưởng theo quy định của pháp luật khi có thành tích trong công tác trợ giúp pháp lý;

i) Khiếu nại về việc cấp, thu hồi thẻ cộng tác viên, việc thực hiện chế độ, chính sách và các quyết định hành chính, hành vi hành chính khác trong lĩnh vực trợ giúp pháp lý.

2. Nghĩa vụ của cộng tác viên trợ giúp pháp lý:

a) Thực hiện trợ giúp pháp lý theo đúng các quy định của pháp luật về trợ giúp pháp lý và hợp đồng cộng tác được ký kết với Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước;

b) Sử dụng và bảo quản thẻ cộng tác viên khi thực hiện trợ giúp pháp lý theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 07/2007/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung; nộp lại thẻ cộng tác viên khi bị thu hồi;

c) Tuân thủ nguyên tắc hoạt động trợ giúp pháp lý; tuân thủ nội quy, quy chế của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, Chi nhánh Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước;

d) Phải từ chối hoặc không được tiếp tục thực hiện trợ giúp pháp lý trong các trường hợp: đã hoặc đang thực hiện trợ giúp pháp lý cho người được trợ giúp pháp lý là một bên có quyền lợi đối lập nhau trong cùng một vụ việc trừ trường hợp hòa giải, giải đáp pháp luật; có quyền, lợi ích hợp pháp hoặc có người thân thích liên quan đến vụ việc trợ giúp pháp lý; người thực hiện trợ giúp pháp lý đã từng là người giải quyết vụ việc đó; có căn cứ khác cho rằng người thực hiện trợ giúp pháp lý có thể không khách quan trong thực hiện trợ giúp pháp lý.

đ) Chịu trách nhiệm trước Giám đốc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước hoặc Trưởng Chi nhánh Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước và trước pháp luật về hoạt động trợ giúp pháp lý; thực hiện việc hoàn trả cho Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước chi phí bồi thường thiệt hại trong trường hợp trợ giúp pháp lý sai gây thiệt hại cho người được trợ giúp pháp lý;

e) Báo cáo định kỳ và đột xuất theo yêu cầu của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, Chi nhánh Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước; kịp thời báo cáo với Giám đốc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, Trưởng Chi nhánh Trung tâm

trợ giúp pháp lý nhà nước những vấn đề phát sinh làm ảnh hưởng đến kết quả thực hiện trợ giúp pháp lý và đề xuất biện pháp giải quyết;

g) Thông báo cho Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước về việc thay đổi nơi cư trú, nơi công tác.

Câu hỏi 74: Ông Hoàng Xuân Q là cộng tác viên trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh HD. Vậy, ông Q được hưởng chế độ bồi dưỡng như thế nào trong việc thực hiện trợ giúp pháp lý?

Trả lời:

Theo Điều 33 Nghị định số 07/2007/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung, cộng tác viên được hưởng chế độ bồi dưỡng theo vụ việc trợ giúp pháp lý đã thực hiện căn cứ vào số giờ tư vấn pháp luật và các hình thức trợ giúp pháp lý khác. Chế độ bồi dưỡng theo buổi làm việc (1/2 ngày làm việc) được áp dụng đối với các vụ việc trợ giúp pháp lý do cộng tác viên thực hiện bằng hình thức tham gia tố tụng, đại diện ngoài tố tụng.

Mức bồi dưỡng theo vụ việc trợ giúp pháp lý cho cộng tác viên, luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý theo yêu cầu của Nhà nước được xây dựng căn cứ vào chất lượng nội dung trợ giúp pháp lý, thời gian thực hiện trợ giúp pháp lý, tính chất phức tạp của vụ việc trợ giúp pháp lý, hình thức thể hiện kết quả trợ giúp pháp lý, hình thức trợ giúp pháp lý.

Trong trường hợp thực hiện trợ giúp pháp lý bằng hình thức tham gia tố tụng thì mức bồi

đưỡng được trả cho luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý theo yêu cầu của Nhà nước là 500.000 đồng/01 buổi làm việc hoặc khoán chi theo vụ việc với mức tối thiểu bằng 03 tháng lương cơ sở và mức tối đa là 10 tháng lương cơ sở (tùy tính chất, nội dung vụ việc). Bộ Tư pháp quy định cụ thể về tính chất, nội dung vụ việc, cách tính buổi, tính thời gian để làm căn cứ khoán chi hoặc chi trả mức bồi dưỡng cho luật sư theo buổi hoặc theo thời gian làm việc.

Thời gian thực hiện trợ giúp pháp lý bao gồm thời gian nghiên cứu hồ sơ vụ việc và chuẩn bị tài liệu phục vụ cho việc thực hiện trợ giúp pháp lý, thời gian gặp gỡ, tiếp xúc với người được trợ giúp pháp lý hoặc thân nhân của họ, thời gian xác minh vụ việc trợ giúp pháp lý, thời gian làm việc tại các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến vụ việc trợ giúp pháp lý. Căn cứ để xác định thời gian làm việc của cộng tác viên, luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý theo yêu cầu của Nhà nước là thời gian làm việc có xác nhận của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Theo điểm 1 khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 209/2012/TTLT-BTC-BTP ngày 30-11-2012 của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp hướng dẫn việc lập, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm hoạt động của cơ quan, tổ chức trợ giúp pháp lý nhà nước thì các khoản chi cho cộng tác viên trợ giúp pháp lý bao gồm:

- Chi bồi dưỡng đối với cộng tác viên thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý;
- Chi phí hành chính khi cộng tác viên thực hiện trợ giúp pháp lý;
- Chi phí văn phòng phẩm, sao chụp tài liệu, chi phí liên lạc với người được trợ giúp pháp lý hoặc thân nhân của họ phục vụ trực tiếp cho việc thực hiện trợ giúp pháp lý;
- Chi công tác phí trong trường hợp cộng tác viên đi công tác phục vụ cho việc giải quyết vụ việc trợ giúp pháp lý.

Ngoài khoản bồi dưỡng và chi phí do Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước hoặc Chi nhánh Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước thanh toán theo quy định, cộng tác viên không được yêu cầu chi thêm bất cứ khoản tiền nào từ người được trợ giúp pháp lý hoặc thân nhân của họ.

Theo Điều 4 Thông tư liên tịch số 209/2012/TTLT-BTC-BTP nêu trên, chi công tác phí trong nước của cộng tác viên theo Thông tư số 97/2010/TT-BTC ngày 06-7-2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức hội nghị đối với cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.

Mức chi thực hiện trợ giúp pháp lý của cộng tác viên theo Phụ lục Thông tư liên tịch số 209/2012/TTLT-BTC-BTP ngày 30-11-2012 của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp như sau:

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đồng)
1.	Mức chi bồi dưỡng cho cộng tác viên (Bộ Tư pháp có văn bản quy định cụ thể về thời gian làm việc của cộng tác viên để được thanh toán chế độ bồi dưỡng (thời gian tham gia tố tụng, thời gian tham gia đại diện ngoài tố tụng, thời gian tham gia tư vấn pháp luật); hồ sơ đề nghị thanh toán chế độ bồi dưỡng vụ việc trợ giúp pháp lý)		
1.1.	Tham gia tố tụng		
	- Cộng tác viên là luật sư tham gia tố tụng với tư cách là người bào chữa, người đại diện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người được trợ giúp pháp lý	Ngày (2 buổi)	Áp dụng theo mức chi thù lao cho luật sư chỉ định quy định tại thông tư của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp hướng dẫn về thù lao và thanh toán chi phí cho luật sư chỉ định
	- Trong trường hợp cộng tác viên đến tham dự phiên tòa nhưng phiên tòa hoãn xử mà cộng tác viên không được báo trước và không phải do yêu cầu của cộng tác viên	Buổi	Được thanh toán bằng 01 buổi làm việc

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đồng)
1.2	Đại diện ngoài tổ tụng	Ngày (2 buổi)	Áp dụng mức chi bằng 80% mức chi tham gia tố tụng
1.3	Tư vấn pháp luật bằng miệng	Giờ	30 - 50 (tùy theo tính chất phức tạp của vụ việc)
1.4	Tư vấn pháp luật bằng văn bản	Văn bản	50 - 100 (tùy theo tính chất phức tạp của vụ việc)
1.5	Hòa giải	Vụ việc	Thực hiện theo Thông tư liên tịch số 73/2010/TTLT-BTC-BTP ngày 14-5-2010 của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp hướng dẫn việc lập, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật
2.	Chi bồi dưỡng báo cáo viên, cộng tác viên hướng dẫn sinh hoạt chuyên đề pháp luật, Câu lạc bộ trợ giúp pháp lý	Người/buổi (Một ngày: 2 buổi)	Thực hiện theo Thông tư liên tịch số 73/2010/TTLT-BTC-BTP ngày 14-5-2010 của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đồng)
3.	Chi phiên dịch tiếng dân tộc thiểu số, người dẫn đường		Chỉ áp dụng đối với trợ giúp pháp lý lưu động, sinh hoạt Câu lạc bộ, sinh hoạt chuyên đề pháp luật tại vùng núi cao, vùng sâu cần có người địa phương dẫn đường, phiên dịch cho cán bộ thực hiện trợ giúp pháp lý
3.1	Chi phiên dịch tiếng dân tộc thiểu số kèm người dẫn đường (đối với trường hợp phải thuê ngoài)	Người/ ngày	Thực hiện theo Thông tư liên tịch số 73/2010/TTLT-BTC-BTP ngày 14-5-2010 của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp
3.2	Chi thuê người dẫn đường (không phải phiên dịch)	Người/ ngày	Thực hiện theo Thông tư liên tịch số 73/2010/TTLT-BTC-BTP ngày 14-5-2010 của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp
4.	Chi xây dựng và duy trì sinh hoạt Câu lạc bộ trợ giúp pháp lý		

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đồng)
4.1	Chi tiền ăn cho thành viên tham gia hội nghị ra mắt Câu lạc bộ	Người/ngày (không quá 01 ngày/hội nghị)	Tối đa 30
4.2	Chi mua sắm trang thiết bị (loa, âm ly, tivi) phục vụ tuyên truyền và sinh hoạt	Bộ/CLB	Có hóa đơn hợp lệ, được cấp có thẩm quyền phê duyệt và bố trí dự toán
4.3.	Chi nước uống cho người tham dự sinh hoạt câu lạc bộ	Người/buổi	Tối đa 10
6.	Chi kiểm tra, đánh giá chất lượng vụ việc		
6.1.	Chi soạn thảo, viết báo cáo đánh giá kết luận chất lượng vụ việc	Báo cáo	200 - 400
6.2.	Chi lấy ý kiến tư vấn chuyên gia bằng văn bản đối với vụ việc phức tạp, kiểm tra, đánh giá vụ việc phức tạp	Vụ việc	300
7.	Đối với trợ giúp viên pháp lý, khi tham gia tố tụng, thực hiện đại diện ngoài tố tụng, hoà giải trong trợ giúp pháp lý		Theo quy định tại Nghị định số 07/2007/NĐ-CP. Thủ tục thanh toán được thực hiện tương tự như đối với cộng tác viên

Câu hỏi 75: Cộng tác viên được cấp lại và thu hồi thẻ cộng tác viên trong những trường hợp nào?

Trả lời:

Theo khoản 1 Điều 7 Thông tư số 07/2012/TT-BTP ngày 30-7-2012 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn về cộng tác viên trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, trong trường hợp thẻ cộng tác viên bị mất, bị hỏng không sử dụng được, cộng tác viên làm đơn đề nghị Giám đốc Sở Tư pháp cấp lại thẻ, kèm theo hai ảnh màu chân dung cỡ 02 cm x 03 cm gửi Giám đốc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước. Đơn đề nghị cấp lại thẻ phải ghi rõ việc thẻ bị mất, bị hỏng không sử dụng được. Trong trường hợp thẻ bị hư hỏng phải gửi đơn kèm theo thẻ bị hư hỏng. Trong thời hạn 04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị cấp lại thẻ, Giám đốc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước kiểm tra danh sách cộng tác viên theo số thẻ đã cấp cho cộng tác viên và đề nghị Giám đốc Sở Tư pháp quyết định cấp lại thẻ cộng tác viên cho người đề nghị. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Giám đốc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước trình, Giám đốc Sở Tư pháp xem xét, ký quyết định công nhận và cấp thẻ cộng tác viên. Thẻ cộng tác viên được cấp lại được giữ nguyên số và ký hiệu của thẻ được cấp lần đầu nhưng thời gian cấp ghi trên thẻ là ngày được cấp lại.

Bên cạnh đó, khoản 2 Điều 7 Thông tư số 07/2012/TT-BTP ngày 30-7-2012 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn về cộng tác viên trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước quy định trường hợp cộng tác viên thay đổi nơi cư trú hoặc nơi công tác từ tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương này sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác thì đến Trung tâm trợ giúp pháp lý nơi đã tham gia làm cộng tác viên thanh lý hợp đồng cộng tác và nộp lại thẻ cộng tác viên đã được cấp. Nếu có nguyện vọng làm cộng tác viên thì đến Trung tâm trợ giúp pháp lý nơi cư trú hoặc công tác mới làm thủ tục công nhận và cấp thẻ cộng tác viên theo quy định tại Điều 5 Thông tư này. Đồng thời, khi cộng tác viên thuộc một trong các trường hợp: (i) Cộng tác viên không thực hiện trợ giúp pháp lý trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày được cấp thẻ cộng tác viên, trừ trường hợp có lý do chính đáng; (ii) Cộng tác viên có một trong các hành vi bị cấm theo quy định tại Điều 9 Luật trợ giúp pháp lý năm 2006; (iii) Cộng tác viên thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 20 Luật trợ giúp pháp lý năm 2006, thì trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị thu hồi thẻ cộng tác viên của Giám đốc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, Giám đốc Sở Tư pháp ra quyết định thu hồi thẻ cộng tác viên. Quyết định thu hồi thẻ được gửi cho cộng tác viên. Thẻ cộng tác viên của người bị thu hồi hết giá trị sử dụng kể từ thời điểm

quyết định thu hồi thẻ cộng tác viên có hiệu lực pháp luật.

Người bị thu hồi thẻ cộng tác viên được quyền khiếu nại đối với quyết định thu hồi thẻ của Giám đốc Sở Tư pháp. Việc khiếu nại và giải quyết khiếu nại được thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại.

Câu hỏi 76: Hành vi dẫn đến việc bị thu hồi thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý theo Điều 9 Luật trợ giúp pháp lý năm 2006 là những hành vi nào?

Trả lời:

Các hành vi bị cấm, nếu vi phạm có thể bị thu hồi thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý theo Điều 9 Luật trợ giúp pháp lý năm 2006 bao gồm:

a) Xâm phạm danh dự, nhân phẩm, quyền và lợi ích hợp pháp của người được trợ giúp pháp lý; phân biệt đối xử người được trợ giúp pháp lý;

b) Nhận, đòi hỏi bất kỳ một khoản tiền, lợi ích nào khác từ người được trợ giúp pháp lý; sách nhiễu người được trợ giúp pháp lý;

c) Tiết lộ thông tin, bí mật về vụ việc trợ giúp pháp lý, về người được trợ giúp pháp lý, trừ trường hợp người được trợ giúp pháp lý đồng ý bằng văn bản hoặc pháp luật có quy định khác;

d) Từ chối hoặc không tiếp tục thực hiện trợ giúp pháp lý, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 45 của Luật trợ giúp pháp lý năm 2006 và theo quy định của pháp luật về tố tụng;

đ) Lợi dụng hoạt động trợ giúp pháp lý để trục lợi;

e) Lợi dụng hoạt động trợ giúp pháp lý gây mất trật tự, an toàn xã hội, ảnh hưởng xấu đến đạo đức, thuần phong mỹ tục của dân tộc, xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân;

g) Xúi giục người được trợ giúp pháp lý khai, cung cấp thông tin, tài liệu sai sự thật, khiêu nạt, tố cáo, khởi kiện trái pháp luật;

h) Xâm phạm danh dự, nhân phẩm của người thực hiện trợ giúp pháp lý;

i) Cố tình cung cấp thông tin, tài liệu sai sự thật về vụ việc trợ giúp pháp lý;

k) Cản trở hoạt động trợ giúp pháp lý; gây rối, làm mất trật tự nơi thực hiện trợ giúp pháp lý.

Câu hỏi 77: Hành vi dẫn đến việc bị thu hồi thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý theo khoản 3 Điều 20 Luật trợ giúp pháp lý năm 2006 là những hành vi nào?

Trả lời:

Cộng tác viên cũng bị thu hồi thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý theo khoản 3 Điều 20 Luật trợ giúp pháp lý năm 2006 trong các trường hợp sau đây:

a) Bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

b) Bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh, cơ sở giáo dục hoặc quản chế hành chính;

c) Mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;

d) Bị xử lý kỷ luật bằng hình thức buộc thôi việc.

Câu hỏi 78: Luật sư phải có điều kiện gì mới được tham gia trợ giúp pháp lý?

Trả lời:

Theo Điều 23 Luật trợ giúp pháp lý năm 2006, luật sư có thể tham gia trợ giúp pháp lý thông qua tổ chức hành nghề luật sư, như văn phòng luật sư, công ty luật đã đăng ký thực hiện trợ giúp pháp lý tại Sở Tư pháp nơi đã cấp giấy phép hành nghề luật sư cho văn phòng luật sư, công ty luật đó hoặc tham gia trợ giúp pháp lý với tư cách cộng tác viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước.

Câu hỏi 79: Khi tham gia trợ giúp pháp lý, luật sư có quyền, nghĩa vụ gì?

Trả lời:

Theo Điều 31 Luật luật sư năm 2006 sửa đổi, bổ sung năm 2012, khi thực hiện trợ giúp pháp lý, luật sư phải tận tâm với người được trợ giúp như đối với khách hàng trong những vụ, việc có thù lao và không nhận, đòi hỏi bất kỳ một khoản tiền, lợi ích khác khi thực hiện trợ giúp pháp lý cho các khách hàng thuộc đối tượng được hưởng trợ giúp pháp lý theo quy định của pháp luật.

Bên cạnh đó, luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý theo Điều lệ của Liên đoàn luật sư Việt Nam.

Câu hỏi 80: Ông Đ thuộc đối tượng được trợ giúp pháp lý. Ông đang có vụ việc tranh chấp dân sự về mảnh đất ở mà mẹ ông để lại. Ông có ý định nhờ luật sư là cộng tác viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước nơi ông sinh sống trợ giúp miễn phí. Tuy nhiên, ông băn khoăn không biết họ sẽ giúp ông như thế nào và làm những công việc gì để giúp ông về mặt pháp lý?

Trả lời:

Theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 và Bộ luật tố tụng dân sự năm 2004 sửa đổi, bổ sung năm 2011, vụ việc tranh chấp của ông Đ là tranh chấp dân sự. Trong các vụ án dân sự thường có hai giai đoạn: giai đoạn tiền tố tụng và giai đoạn tham gia tố tụng. Luật sư sẽ giúp người dân được trợ giúp theo từng giai đoạn phù hợp với quy định của Luật trợ giúp pháp lý năm 2006, Nghị định số 07/2007/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung. Theo đó:

Trong giai đoạn tiền tố tụng: Khi nhận được yêu cầu trợ giúp pháp lý, luật sư sẽ phải gặp gỡ, trao đổi với ông Đ về nội dung vụ việc tranh chấp; hướng dẫn ông Đ chuẩn bị hồ sơ khởi kiện, soạn thảo, nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền giải quyết; hướng dẫn ông Đ thực hiện nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng án phí; trong trường hợp ông Đ có nguyện vọng xin miễn, giảm tiền án phí thì phải hướng dẫn ông Đ soạn đơn xin miễn, giảm tiền án phí.

Trong giai đoạn tố tụng: Luật sư sẽ hướng dẫn ông Đ thu thập chứng cứ; giao nộp chứng cứ cho Tòa án nhân dân và đề nghị Tòa án nhân dân thu thập chứng cứ (luật sư cũng có thể tự đi xác minh, thu thập chứng cứ để phục vụ cho công việc của mình); hướng dẫn cho ông Đ với các đương sự khác hòa giải tự nguyện (nếu có thể). Đồng thời, luật sư tiến hành nghiên cứu hồ sơ để trên cơ sở đó có hướng giải quyết phù hợp và chuẩn bị bản luận cứ bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho ông Đ tại phiên tòa.

Khi đã có bản án của Tòa án nhân dân đối với vụ việc của ông Đ, luật sư sẽ hướng dẫn cho ông Đ làm thủ tục kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, khi bản án đã có hiệu lực pháp luật thì luật sư còn phải hướng dẫn ông Đ về thủ tục thi hành án và các vấn đề khác có liên quan.

Câu hỏi 81: Luật sư bị chấm dứt hoạt động trợ giúp pháp lý khi nào?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 20 Luật trợ giúp pháp lý năm 2006, luật sư tham gia trợ giúp với tư cách là luật sư của công ty luật, văn phòng luật đã đăng ký trợ giúp pháp lý theo quy định hoặc tham gia với tư cách là cộng tác viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước. Do đó, luật sư chấm dứt hoạt động theo các trường hợp công ty luật, văn phòng luật chấm dứt hoạt động trợ giúp pháp lý hoặc bản thân luật sư đó vi phạm pháp luật dẫn tới bị thu hồi thẻ luật sư hoặc thu hồi thẻ cộng tác viên.

IV. NHỮNG NGƯỜI ĐƯỢC TRỢ GIÚP PHÁP LÝ

Câu hỏi 82: Những người nào thuộc đối tượng được trợ giúp pháp lý?

Trả lời:

Theo Điều 10 Luật trợ giúp pháp lý năm 2006, Điều 2 Nghị định số 07/2007/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung thì những người được trợ giúp pháp lý bao gồm:

a) Người thuộc chuẩn nghèo theo quy định của pháp luật;

b) Người có công với cách mạng bao gồm:

- Người hoạt động cách mạng trước Tổng khởi nghĩa 19 tháng 8 năm 1945;

- Bà mẹ Việt Nam anh hùng;

- Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng Lao động;

- Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;

- Bệnh binh;

- Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học;

- Người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày;

- Người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế;
- Người có công giúp đỡ cách mạng;
- Cha đẻ, mẹ đẻ, vợ, chồng của liệt sĩ; con của liệt sĩ; người có công nuôi dưỡng liệt sĩ.

c) Người già từ đủ 60 tuổi trở lên, sống cô đơn, không có nơi nương tựa.

d) Người khuyết tật được trợ giúp pháp lý là người bị khiếm khuyết một hoặc nhiều bộ phận cơ thể hoặc bị suy giảm chức năng được biểu hiện dưới dạng tật khiến cho lao động, sinh hoạt, học tập gặp khó khăn; người bị nhiễm chất độc hóa học, bị nhiễm HIV mà không có nơi nương tựa.

đ) Trẻ em dưới 16 tuổi không nơi nương tựa.

e) Người dân tộc thiểu số thường xuyên sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật.

g) Các đối tượng khác được trợ giúp pháp lý theo quy định tại điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

h) Nạn nhân theo quy định của pháp luật phòng, chống mua bán người.

Câu hỏi 83: Ông H đang cư trú tại tỉnh TB, hằng tháng gia đình ông thu nhập bình quân là 390.000 đồng/01 người/01 tháng. Ông H đang có vụ việc tranh chấp dân sự cần trợ giúp pháp lý. Vậy, trường hợp ông H có thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý hay không?

Trả lời:

Theo khoản 1 Điều 10 Luật trợ giúp pháp lý

năm 2006 và khoản 1 Điều 2 Nghị định số 07/2007/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung thì những người thuộc chuẩn nghèo theo quy định của pháp luật được trợ giúp pháp lý.

Đối với việc quy định hộ chuẩn nghèo, Điều 1 Quyết định số 09/2011/QĐ-TTg ngày 30-01-2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo áp dụng cho giai đoạn 2011 - 2015 quy định hộ nghèo ở nông thôn là hộ có mức thu nhập bình quân từ 400.000 đồng/người/tháng (từ 4.800.000 đồng/người/năm) trở xuống.

Gia đình ông H có thu nhập bình quân là 390.000 đồng/01 người/01 tháng, do đó, nằm trong diện hộ chuẩn nghèo ở nông thôn, nên được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu đối với các cơ quan, tổ chức có chức năng trợ giúp pháp lý.

Câu hỏi 84: Ông G đang cư trú tại thành phố HN, hằng tháng gia đình ông thu nhập bình quân là 495.000 đồng/01 người/01 tháng. Ông G đã nộp tiền mua nhà ở dành cho người có thu nhập thấp theo thỏa thuận tại hợp đồng với Công ty xây dựng nhà ở BQ và theo đó ngày 01-01-2014 ông G được giao nhà. Tuy nhiên, đến nay đã quá thời hạn giao nhà mà ông G vẫn chưa được Công ty BQ giao nhà. Ông G muốn được Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước thuộc Sở Tư pháp

thành phố HN trợ giúp pháp lý để ông khởi kiện Công ty BQ. Vậy, trường hợp ông G có thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý hay không?

Trả lời:

Theo khoản 1 Điều 10 Luật trợ giúp pháp lý năm 2006 và khoản 1 Điều 2 Nghị định số 07/2007/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung thì ông G được trợ giúp pháp lý nếu thuộc diện người nghèo theo chuẩn nghèo mà pháp luật quy định.

Khoản 2 Điều 1 Quyết định số 09/2011/QĐ-TTg ngày 30-01-2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo áp dụng cho giai đoạn 2011 - 2015 quy định hộ nghèo ở thành thị là hộ có mức thu nhập bình quân từ 500.000 đồng/người/tháng (từ 6.000.000 đồng/người/năm) trở xuống. Gia đình ông G có thu nhập bình quân là 495.000 đồng/01 người/01 tháng, do đó, nằm trong diện hộ chuẩn nghèo ở thành thị, nên ông G được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu đối với các cơ quan, tổ chức có chức năng trợ giúp pháp lý.

Câu hỏi 85: Cựu chiến binh được hưởng trợ giúp pháp lý theo quy định của pháp luật về trợ giúp pháp lý gồm những ai?

Trả lời:

Theo quy định điểm 1 Phần III Thông tư liên tịch số 02/2008/TTLT-BTP-TWHCCBVN ngày 09-6-2008 của Bộ Tư pháp, Trung ương Hội Cựu

chiến binh Việt Nam hướng dẫn phối hợp xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý đối với cựu chiến binh, thì cựu chiến binh được hưởng dịch vụ trợ giúp pháp lý theo quy định của pháp luật về trợ giúp pháp lý bao gồm:

- Cựu chiến binh thuộc chuẩn nghèo theo quy định của pháp luật;

- Cựu chiến binh hoạt động cách mạng trước Tổng khởi nghĩa 19 tháng 8 năm 1945;

- Cựu chiến binh là Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng Lao động;

- Cựu chiến binh là thương binh;

- Cựu chiến binh là bệnh binh;

- Cựu chiến binh bị nhiễm chất độc hóa học;

- Cựu chiến binh hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày;

- Cựu chiến binh tham gia kháng chiến chống ngoại xâm giải phóng dân tộc và làm nghĩa vụ quốc tế từ ngày 30 tháng 4 năm 1975 trở về trước;

- Cựu chiến binh là cha, mẹ, vợ, chồng, con của liệt sĩ;

- Cựu chiến binh từ đủ 60 tuổi trở lên sống độc thân hoặc không có nơi nương tựa;

- Cựu chiến binh bị khiếm khuyết một hay nhiều bộ phận cơ thể hoặc chức năng biểu hiện dưới những dạng tật khác nhau, làm suy giảm khả năng hoạt động, khiến cho lao động, sinh hoạt, học tập gặp nhiều khó khăn, bị nhiễm HIV

hoặc bị các bệnh khác làm mất năng lực hành vi dân sự mà không có nơi nương tựa;

- Cựu chiến binh là người dân tộc thiểu số thường xuyên sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật.

Câu hỏi 86: Ông Q 60 tuổi, là cựu chiến binh sống độc thân. Ông Q đang muốn khiếu nại quyết định giao quyền sử dụng đất ở của Ủy ban nhân dân huyện K đối với ông. Vậy, trường hợp ông Q có thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý hay không?

Trả lời:

Ông Q là cựu chiến binh 60 tuổi sống độc thân, nên thuộc diện được trợ giúp pháp lý theo quy định tại điểm 1 Phần III Thông tư liên tịch số 02/2008/TTLT-BTP-TWHCCBVN ngày 09-6-2008 của Bộ Tư pháp, Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam hướng dẫn phối hợp xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý đối với cựu chiến binh.

Bên cạnh đó, theo Điều 5 Thông tư liên tịch số 10/2011/TTLT-BTP-TTCT ngày 06-6-2011 của Bộ Tư pháp, Thanh tra Chính phủ về việc hướng dẫn thực hiện trợ giúp pháp lý trong việc khiếu nại quyết định hành chính, hành vi hành chính, thì khi giúp đỡ người khiếu nại về pháp luật,

người thực hiện trợ giúp pháp lý có các nhiệm vụ sau đây:

a) Hướng dẫn ông Q viết đơn khiếu nại; trong trường hợp ông Q khiếu nại không thể tự thực hiện và có yêu cầu thì giúp đỡ ông Q liên hệ với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc khiếu nại để thu thập thông tin, tài liệu và những bằng chứng về nội dung khiếu nại; đưa ra bằng chứng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Q;

b) Hướng dẫn ông Q đến đúng cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết để thực hiện khiếu nại và chấp hành các thủ tục về khiếu nại;

c) Giải đáp về các quy định của pháp luật có liên quan đến việc thực hiện quyền khiếu nại, thời hiệu khiếu nại, thời hạn giải quyết khiếu nại; thẩm quyền giải quyết khiếu nại, nội dung khiếu nại, yêu cầu của ông Q;

d) Hướng dẫn để thực hiện các quyền của ông Q theo quy định của pháp luật để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Q;

đ) Tham gia cùng ông Q gặp gỡ, đối thoại với người giải quyết khiếu nại trong các trường hợp cần thiết;

e) Trong các trường hợp không có căn cứ hoặc đã chấm dứt các điều kiện do pháp luật quy định thì hướng dẫn cho ông Q rút đơn, chấm dứt khiếu nại trong quá trình giải quyết khiếu nại hoặc tham gia các hoạt động khắc phục hoặc ở giai đoạn khác trong quá trình giải quyết khiếu nại;

g) Hướng dẫn ông Q về việc chấp hành quyết định giải quyết khiếu nại đã có hiệu lực pháp luật;

h) Trong quá trình tham gia giải quyết khiếu nại của ông Q, nếu phát hiện người giải quyết khiếu nại có hành vi vi phạm pháp luật hoặc gây phiền hà, cản trở người thực hiện trợ giúp pháp lý thì người thực hiện trợ giúp pháp lý có quyền khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật khiếu nại, tố cáo, đồng thời báo cáo về Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, Chi nhánh Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước và các tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý khác.

Câu hỏi 87: Ông B dân tộc Tày, sinh sống thường xuyên tại bản M là địa bàn thuộc xã đặc biệt khó khăn và có chứng nhận tạm trú tại bản M. Tháng 01-2012, ông đi chợ huyện, bị xe máy do anh A điều khiển đâm phải, gây thương tích tổn hại 10% sức khỏe. Ông B khởi kiện anh A tại Tòa án huyện nơi ông B sinh sống và ông B muốn nhờ Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước thuộc Sở Tư pháp tỉnh trợ giúp pháp lý về việc tham gia tố tụng.

Vậy, trong trường hợp nêu trên, ông B có được chấp nhận trợ giúp pháp lý hay không?

Trả lời:

Theo điểm a khoản 1 Điều 2 Thông tư số 01/2012/TTLT-BTP-UBDT ngày 17-01-2012 của

Bộ Tư pháp, Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện trợ giúp pháp lý đối với người dân tộc thiểu số, người dân tộc thiểu số được hưởng trợ giúp pháp lý là người thường xuyên sinh sống (đã đăng ký thường trú, đã đăng ký tạm trú hoặc có xác nhận của Công an xã, phường, thị trấn) ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (xã, phường, thị trấn thuộc vùng khó khăn và xã, thôn, bản có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn) theo quy định của pháp luật.

Như vậy, đối chiếu với quy định trên, trường hợp của ông B thuộc diện được trợ giúp pháp lý.

Mặt khác, nếu ông B không nói được tiếng Việt thì theo Điều 3 của Thông tư liên tịch nêu trên, ông B được trợ giúp pháp lý bằng tiếng của dân tộc mình.

Câu hỏi 88: Những đối tượng nào được hưởng chính sách trợ giúp pháp lý cho người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số tại các xã nghèo giai đoạn 2013 - 2020?

Trả lời:

Theo Điều 2 Quyết định số 59/2012/QĐ-TTg ngày 24-12-2012 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách trợ giúp pháp lý cho người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số tại các xã nghèo giai đoạn 2013 - 2020, thì những người được hưởng chính sách trợ giúp pháp lý cho người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số tại các xã nghèo giai đoạn 2013 - 2020 là người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số và

người được trợ giúp pháp lý khác theo quy định của pháp luật sinh sống tại địa bàn các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo, xã biên giới và xã an toàn khu hoặc thôn, bản đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc và miền núi không thuộc các xã nghèo nêu trên.

Câu hỏi 89: Người được hưởng chính sách trợ giúp pháp lý cho người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số tại các xã nghèo giai đoạn 2013 - 2020 có những quyền lợi gì?

Trả lời:

Theo Điều 3 Quyết định số 59/2012/QĐ-TTg ngày 24-12-2012 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách trợ giúp pháp lý cho người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số tại các xã nghèo giai đoạn 2013 - 2020, thì người được hưởng chính sách trợ giúp pháp lý cho người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số tại các xã nghèo giai đoạn 2013 - 2020 có những quyền lợi sau đây:

a) Được cung cấp dịch vụ pháp lý miễn phí theo các hình thức tư vấn pháp luật, tham gia tố tụng, đại diện ngoài tố tụng, các hình thức khác theo quy định của pháp luật về trợ giúp pháp lý.

b) Được trợ giúp pháp lý thông qua các đợt trợ giúp pháp lý lưu động về các xã nghèo, thôn, bản đặc biệt khó khăn;

c) Tham gia sinh hoạt Câu lạc bộ trợ giúp pháp lý;

d) Được thông tin, truyền thông, phổ biến các chế độ, chính sách, quy định pháp luật và các chương trình, chính sách giảm nghèo bền vững, bao gồm:

- Được phát miễn phí tờ gấp pháp luật, cẩm nang pháp luật và các tài liệu pháp luật khác; thu và sao băng cát-xét, đĩa CD bằng tiếng Việt, tiếng dân tộc thiểu số;

- Được xem và sử dụng Bảng thông tin, Hộp tin về trợ giúp pháp lý tại trụ sở Ủy ban nhân dân, Trung tâm bưu điện, nhà sinh hoạt cộng đồng, nhà văn hoá, đồn Biên phòng đóng trên địa bàn các xã nghèo, thôn, bản đặc biệt khó khăn.

V. QUY TRÌNH, THỦ TỤC CỦA HOẠT ĐỘNG TRỢ GIÚP PHÁP LÝ

Câu hỏi 90: Địa điểm tiếp người được trợ giúp pháp lý được bố trí ở đâu?

Trả lời:

Điều 32 Luật trợ giúp pháp lý năm 2006 quy định tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý bố trí nơi tiếp người được trợ giúp pháp lý, bảo đảm các điều kiện để họ trình bày yêu cầu được dễ dàng, thuận lợi. Đồng thời, tại nơi tiếp phải niêm yết lịch tiếp, nội quy tiếp người được trợ giúp pháp lý.

Cũng liên quan đến địa điểm trợ giúp pháp lý, khoản 1 mục V Phần A Thông tư số 05/2008/TT-BTP ngày 23-9-2008 của Bộ Tư pháp hướng dẫn về nghiệp vụ trợ giúp pháp lý và quản lý nhà nước về trợ giúp pháp lý được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 02/2011/TT-BTP ngày 13-01-2011 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số nội dung thống kê trợ giúp pháp lý¹

1. Thông tư số 02/2011/TT-BTP ngày 13-01-2011 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số nội dung thống kê trợ giúp pháp lý được thay thế bởi Thông tư số 20/2013/TT-BTP ngày 03-12-2013 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số nội dung về hoạt động thống kê của ngành Tư pháp.

và Thông tư số 19/2011/TT-BTP ngày 31-10-2011 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số quy định về thủ tục hành chính của Thông tư số 05/2008/TT-BTP ngày 23 tháng 9 năm 2008, Thông tư số 03/2008/TT-BTP ngày 25 tháng 8 năm 2008 và Thông tư số 01/2010/TT-BTP ngày 09 tháng 02 năm 2010 của Bộ Tư pháp (sau đây gọi là Thông tư số 05/2008/TT-BTP sửa đổi, bổ sung) hướng dẫn:

a) Tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý phải bố trí địa điểm thích hợp, dễ nhận biết (gần khu dân cư, đường giao thông...) để tiếp và làm việc với người có yêu cầu bảo đảm cho người dân tiếp cận thuận lợi và trình bày yêu cầu được dễ dàng.

Trong trường hợp người có yêu cầu đề nghị được tiếp riêng hoặc nội dung vụ việc trợ giúp pháp lý có liên quan đến các vấn đề nhạy cảm hoặc cần được giữ bí mật thì tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý bố trí nơi tiếp riêng.

b) Địa điểm tiếp người có yêu cầu phải sạch sẽ, thoáng mát, lịch sự, có bàn ghế ngồi đợi, có nước uống và khu vệ sinh, có các điều kiện phù hợp với địa điểm tiếp công dân theo quy định của pháp luật.

c) Tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý phải bố trí người tiếp nhận yêu cầu thường trực trong giờ làm việc tại địa điểm để tiếp dân. Người tiếp nhận yêu cầu phải đeo thẻ có ảnh và họ, tên trong suốt quá trình làm việc và có biển ghi rõ họ, tên, chức danh đang đảm nhận tại bàn làm việc.

d) Tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý được trang bị tại trụ sở làm việc tủ sách pháp luật để phục vụ cho việc nghiên cứu, tra cứu khi cần thiết và các phương tiện làm việc thiết yếu khác (điện thoại, máy vi tính, máy photocopy...), xe ô tô để di chuyển theo quy định của pháp luật và thực hiện việc ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ tra cứu hệ thống cơ sở dữ liệu pháp luật và lưu trữ hồ sơ vụ việc trợ giúp pháp lý đã được thực hiện.

Câu hỏi 91: Trụ sở làm việc của tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý phải niêm yết công khai những nội dung gì để thuận lợi cho việc cung cấp thông tin cho người có yêu cầu được trợ giúp pháp lý?

Trả lời:

Theo quy định tại khoản 2 mục V Phần A Thông tư số 05/2008/TT-BTP sửa đổi, bổ sung, các nội dung cần niêm yết công khai tại trụ sở làm việc gồm:

- a) Lịch tiếp dân;
- b) Nội quy tiếp và làm việc;
- c) Những đối tượng thuộc diện người được trợ giúp pháp lý;
- d) Các quyền và nghĩa vụ của người được trợ giúp pháp lý;
- đ) Các quyền và nghĩa vụ của người thực hiện trợ giúp pháp lý;

e) Thủ tục để yêu cầu trợ giúp pháp lý; các hình thức trợ giúp pháp lý (tư vấn pháp luật, tham gia tố tụng, đại diện ngoài tố tụng, các hình thức trợ giúp pháp lý khác);

f) Các trường hợp từ chối hoặc không tiếp tục thực hiện trợ giúp pháp lý;

g) Các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động trợ giúp pháp lý;

h) Danh sách trợ giúp viên pháp lý, cộng tác viên thuộc phạm vi quản lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý, Chi nhánh Trung tâm trợ giúp pháp lý; danh sách luật sư, tư vấn viên pháp luật của tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý.

Câu hỏi 92: Muốn được trợ giúp pháp lý, người thuộc đối tượng được trợ giúp phải làm như thế nào?

Trả lời:

Theo Điều 33 Luật trợ giúp pháp lý năm 2006 và khoản 2 mục I Phần A Thông tư số 05/2008/TT-BTP sửa đổi, bổ sung thì tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý phát đơn miễn phí cho người có yêu cầu hoặc người có yêu cầu tự viết đơn có chữ ký hoặc điểm chỉ. Trong trường hợp người có yêu cầu không đến được mà có người đại diện; người giám hộ đến thay thì người đại diện, người giám hộ ký tên hoặc điểm chỉ vào đơn, trừ trường hợp giữa người có yêu cầu với người đại diện, người giám hộ có mâu thuẫn về quyền, lợi ích hợp pháp.

Trong trường hợp người có yêu cầu chưa viết đơn thì người tiếp nhận phải hướng dẫn họ điền và ký vào đơn. Nếu họ không thể tự mình viết đơn được thì người tiếp nhận có trách nhiệm điền đầy đủ các thông tin cần thiết vào mẫu đơn để họ tự đọc hoặc đọc lại cho họ nghe và đề nghị họ ký tên hoặc điểm chỉ vào đơn.

Trong trường hợp người có yêu cầu nhờ người thân thích (ông, bà, cha, mẹ, vợ, chồng, con đã thành niên, anh chị em ruột đã thành niên) hoặc ủy quyền cho người khác đến nộp đơn thì ngoài giấy tờ chứng minh là người thuộc diện được trợ giúp pháp lý, người đến thay phải xuất trình Giấy chứng minh nhân dân của mình hoặc giấy ủy quyền có ký xác nhận của người có yêu cầu. Người nộp đơn thay ghi rõ họ, tên, số Giấy chứng minh nhân dân, địa chỉ cư trú và ký tên vào Sổ theo dõi, tổng hợp vụ việc trợ giúp pháp lý.

Đơn được nộp trực tiếp tại trụ sở hoặc địa điểm làm việc của tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý hoặc nộp trực tiếp cho người thực hiện trợ giúp pháp lý (trong trường hợp thực hiện trợ giúp pháp lý bên ngoài trụ sở) hoặc được gửi đến tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý qua thư tín hoặc bằng các hình thức khác.

MẪU ĐƠN YÊU CẦU TRỢ GIÚP PHÁP LÝ
(Mẫu số 02-TP-TGPL)
(Ban hành kèm theo Thông tư số 19/2011/TT-BTP
ngày 31-10-2011 của Bộ Tư pháp)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 20.....

ĐƠN YÊU CẦU TRỢ GIÚP PHÁP LÝ

Kính gửi:.....(1).....

Họ và tên:..... (2 hoặc 2a).....

Ngày, tháng, năm sinh:..... Giới tính:.....

Địa chỉ liên hệ:.....

Điện thoại:.....

CMND số:..... cấp ngày..... tại.....

Nghề nghiệp:..... Dân tộc:

Diện người được trợ giúp pháp lý:.....

Nội dung vụ việc yêu cầu trợ giúp pháp lý:

.....
.....
.....
.....

Tài liệu gửi kèm theo đơn:

.....
.....
.....

.....
.....
.....

Ghi chú:

.....

Tôi xin cam đoan lời trình bày trên là đúng sự thật.
Đề nghị(1).... xem xét trợ giúp pháp lý.

NGƯỜI YÊU CẦU TRỢ GIÚP PHÁP LÝ

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1): Tên tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý

(2): Tên người được trợ giúp pháp lý

(2a): Tên người đại diện, người giám hộ cho người
được trợ giúp pháp lý.

Câu hỏi 93: Ông C thuộc diện hộ nghèo sống ở xã H, huyện D, tỉnh HB. Ông C có vụ việc khiếu nại hành chính cần được trợ giúp pháp lý. Khi đến các tổ chức trợ giúp pháp lý, ông C phải mang theo những giấy tờ gì?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 33 Luật trợ giúp pháp lý năm 2006, tiết c khoản 2 mục I và tiết a khoản 4 mục I Phần A Thông tư số 05/2008/TT-BTP sửa đổi, bổ sung thì ông C cần làm Đơn yêu cầu trợ giúp pháp lý kèm theo bản chính hoặc bản sao Sổ hộ nghèo, Thẻ hộ nghèo, Giấy xác nhận thuộc

diện nghèo của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi tắt là cấp xã) hoặc cơ quan lao động, thương binh và xã hội, cơ quan, tổ chức khác có thẩm quyền theo quy định của pháp luật nơi người có yêu cầu làm việc hoặc cư trú; hoặc các giấy tờ hợp pháp khác mà dựa vào đó có thể biết được người có tên trong giấy tờ đó là người thuộc diện hộ nghèo (như Thẻ khám, chữa bệnh miễn phí cho người nghèo, Sổ vay vốn ngân hàng chính sách xã hội của người nghèo...).

Ông C nộp trực tiếp tại trụ sở hoặc địa điểm làm việc của tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý hoặc nộp trực tiếp cho người thực hiện trợ giúp pháp lý (trong trường hợp thực hiện trợ giúp pháp lý bên ngoài trụ sở) hoặc gửi đến tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý qua thư tín hoặc bằng các hình thức khác.

Trong trường hợp ông C không thể tự mình viết đơn yêu cầu thì người thực hiện trợ giúp pháp lý có trách nhiệm ghi các nội dung vào mẫu đơn để họ tự đọc hoặc đề nghị người thực hiện trợ giúp pháp lý đọc lại cho họ nghe và sau đó ký tên hoặc điểm chỉ vào đơn.

Đồng thời, ông C phải cung cấp các giấy tờ, tài liệu có liên quan đến vụ việc trợ giúp pháp lý (nếu có). Tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý chỉ nhận đơn và bản sao (không cần chứng thực) các giấy tờ, tài liệu có liên quan đến vụ việc trợ giúp pháp lý để lưu trữ trong hồ sơ vụ việc và không hoàn

trả lại. Trong trường hợp cần thiết, tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý đề nghị ông C cung cấp bản chính để đối chiếu. Ông C phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực của các giấy tờ, tài liệu có liên quan đến vụ việc trợ giúp pháp lý.

Câu hỏi 94: Ông N là người có công với cách mạng. Ông N có vụ việc tranh chấp về lao động và cần trợ giúp pháp lý bởi Chi nhánh Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước nơi ông sinh sống. Ông N phải mang giấy tờ gì đến Chi nhánh Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước để chứng minh ông là người có công với cách mạng, thuộc diện được trợ giúp pháp lý?

Trả lời:

Theo tiết b khoản 4 mục I Phần A Thông tư số 05/2008/TT-BTP sửa đổi, bổ sung ông N phải xuất trình một trong các giấy tờ sau đây để được trợ giúp pháp lý:

- Quyết định công nhận thuộc một trong các đối tượng là người có công với cách mạng theo quy định tại Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng;
- Giấy xác nhận thuộc diện người có công với cách mạng của cơ quan lao động, thương binh và xã hội hoặc của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người có yêu cầu cư trú cấp;
- Giấy chứng nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;

- Giấy chứng nhận bệnh binh;
- Giấy chứng nhận gia đình liệt sĩ, Bảng Tổ quốc ghi công kèm theo giấy tờ xác nhận về mối quan hệ thân nhân cha, mẹ đẻ, vợ, chồng, con dưới 18 tuổi hoặc không có năng lực hành vi dân sự...) với liệt sĩ (như Sổ hộ khẩu gia đình, Giấy đăng ký kết hôn, Giấy khai sinh...) hoặc giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã;
- Huân chương, Huy chương hoặc giấy tờ xác nhận khác có ghi nhận họ thuộc diện người có công với cách mạng;
- Bảng có công với nước, Kỷ niệm chương hoặc giấy chứng nhận bị địch bắt, tù đầy;
- Các loại giấy tờ hợp pháp khác mà dựa vào đó có thể biết được người có tên trong giấy tờ đó là người có công với cách mạng;
- Trong trường hợp ông N bị thất lạc giấy tờ nêu trên thì cơ quan lao động, thương binh và xã hội hoặc cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú xác nhận.

Câu hỏi 95: Bà M là người già cô đơn không nơi nương tựa. Bà M đang có vụ việc tranh chấp về đất đai với hàng xóm là gia đình ông HD. Do không có kiến thức về pháp lý, bà M cần trợ giúp pháp lý bởi Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước nơi bà sinh sống. Bà M phải mang giấy tờ gì đến Trung tâm

trợ giúp pháp lý nhà nước này để chứng minh mình là người già cô đơn?

Trả lời:

Theo tiết c khoản 4 mục I Phần A Thông tư số 05/2008/TT-BTP sửa đổi, bổ sung thì bà M cần xuất trình một trong các giấy tờ sau đây để chứng minh mình là người già cô đơn không nơi nương tựa:

- Giấy xác nhận là người từ đủ 60 tuổi trở lên sống độc thân hoặc không nơi nương tựa của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú hoặc xác nhận của cơ sở bảo trợ xã hội, nhà dưỡng lão, tổ chức chính trị - xã hội nơi người đó sinh hoạt;

- Các giấy tờ hợp pháp khác mà dựa vào đó có thể biết rằng người có tên trong đó là người già cô đơn không nơi nương tựa.

Câu hỏi 96: Cách đây 10 năm, anh Th bị tai nạn giao thông nên cụt hai chân. Anh là con một, bố mẹ đã chết và anh đã lập gia đình. Hiện anh đang có tranh chấp về vụ việc dân sự liên quan đến hợp đồng thuê ngôi nhà anh thuê để ở. Anh muốn được Trung tâm tư vấn pháp luật của Đoàn Thanh niên tỉnh nơi anh thường trú trợ giúp pháp lý trong việc ly hôn. Anh Th phải mang giấy tờ gì đến Trung tâm tư vấn pháp luật này để chứng minh mình là người tàn tật không nơi nương tựa?

Trả lời:

Theo tiết d khoản 4 mục I Phần A Thông tư số

05/2008/TT-BTP sửa đổi, bổ sung thì anh Th cần xuất trình một trong các giấy tờ sau đây để chứng minh mình là người tàn tật không nơi nương tựa:

- Giấy xác nhận là người tàn tật không nơi nương tựa của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú; giấy xác nhận của cơ sở bảo trợ xã hội, hội người tàn tật hoặc của cơ sở trợ giúp người tàn tật khác hoặc của cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc, sinh hoạt;

- Các giấy tờ hợp pháp khác mà dựa vào đó có thể biết rằng người có tên trong đó là người tàn tật không nơi nương tựa.

Câu hỏi 97: Em S là trẻ em không nơi nương tựa. Em cần trợ giúp pháp lý liên quan đến việc nhận khoản tiền từ thiện từ một Việt kiều hảo tâm. Em hoặc người bảo trợ của em cần xuất trình giấy tờ gì để được Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước trợ giúp pháp lý đối với việc này?

Trả lời:

Theo tiết đ khoản 4 mục I Phần A Thông tư số 05/2008/TT-BTP sửa đổi, bổ sung thì em S hoặc người bảo trợ của em S cần xuất trình với Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước một trong các giấy tờ sau đây để chứng minh em S là trẻ mồ côi không nơi nương tựa:

- Giấy xác nhận là trẻ em không nơi nương tựa của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi trẻ em đó cư trú;

giấy xác nhận của cơ sở bảo trợ xã hội, nhà tình thương, cơ sở trợ giúp trẻ em khác hoặc của cơ quan lao động, thương binh và xã hội;

- Bản chính hoặc bản sao Giấy khai sinh hoặc bản sao chụp từ bản chính có chứng thực của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc các giấy tờ hợp pháp khác mà dựa vào đó có thể biết rằng người có tên trong đó là trẻ em không nơi nương tựa.

Câu hỏi 98: Anh Thào P là người dân tộc thiểu số thường trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Anh cần Chi nhánh Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước trợ giúp pháp lý đối với việc vay vốn ngân hàng để phát triển kinh tế gia đình. Anh Thào P phải xuất trình với Chi nhánh Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước giấy tờ gì để chứng minh anh là người dân tộc thiểu số thường trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn?

Trả lời:

Theo tiết e khoản 4 mục I Phần A Thông tư số 05/2008/TT-BTP sửa đổi, bổ sung thì để chứng minh mình là người dân tộc thiểu số thường trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, anh Thào P cần xuất trình một trong các giấy tờ sau đây:

- Giấy xác nhận là người dân tộc thiểu số của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi anh Thào P cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi anh làm việc, sinh hoạt;

- Sổ hộ khẩu gia đình của anh Thào P thể hiện anh Thào P là người dân tộc thiểu số thường trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;

- Giấy chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ có thể chứng minh anh Thào P là người dân tộc thiểu số thường trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Câu hỏi 99: Những người nào khi yêu cầu trợ giúp pháp lý có thể được xem xét đơn giản thủ tục yêu cầu trợ giúp pháp lý?

Trả lời:

Theo Điều 5 Thông tư liên tịch số 01/2012/TTLT-BTP-UBDT ngày 17-02-2012 của Bộ Tư pháp, Ủy ban Dân tộc hướng dẫn trợ giúp pháp lý đối với người dân tộc thiểu số, thì người dân tộc thiểu số khi yêu cầu trợ giúp pháp lý nếu có khó khăn trong việc xuất trình các giấy tờ theo quy định của pháp luật thì tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý phải tiếp nhận yêu cầu, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc các tổ chức chính trị - xã hội nơi người đó cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc để xác minh và thực hiện trợ giúp pháp lý theo quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, người dân tộc thiểu số cũng có trách nhiệm cung cấp thông tin, tài liệu và phối hợp chặt chẽ với người thực hiện trợ giúp pháp lý trong quá trình trợ giúp pháp lý.

Câu hỏi 100: Ông V là cựu chiến binh, thương binh. Việc di chuyển của ông V rất khó khăn. Do đó, ông muốn nhờ em trai ông là ông T thay mặt ông đến Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước nộp đơn yêu cầu trợ giúp pháp lý việc thi hành án dân sự có liên quan đến ông. Việc ông V nhờ em trai nộp đơn yêu cầu trợ giúp pháp lý cho ông có được pháp luật chấp nhận hay không?

Trả lời:

Tiết b khoản 2 mục I Phần A Thông tư số 05/2008/TT-BTP sửa đổi, bổ sung quy định trong trường hợp người có yêu cầu nhờ người thân thích (ông, bà, cha, mẹ, vợ, chồng, con đã thành niên, anh chị em ruột đã thành niên) hoặc ủy quyền cho người khác đến nộp đơn thì ngoài giấy tờ chứng minh là người thuộc diện được trợ giúp pháp lý, người đến thay phải xuất trình Giấy chứng minh nhân dân của mình hoặc giấy ủy quyền có ký xác nhận của người có yêu cầu. Người nộp đơn thay ghi rõ họ, tên, số Giấy chứng minh nhân dân, địa chỉ cư trú và ký tên vào Sổ theo dõi, tổng hợp vụ việc trợ giúp pháp lý.

Do đó, việc ông V nhờ em trai là ông T nộp đơn yêu cầu trợ giúp pháp lý cho ông có được pháp luật chấp nhận. Tuy nhiên, ông T phải mang giấy tờ chứng minh ông V là cựu chiến binh, thương binh và Giấy chứng minh nhân dân của mình hoặc giấy ủy quyền có ký xác nhận của ông V.

Câu hỏi 101: Việc cung cấp các giấy tờ, tài liệu có liên quan đến vụ việc của người có yêu cầu trợ giúp pháp lý được quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo khoản 3 mục I Phần A Thông tư số 05/2008/TT-BTP sửa đổi, bổ sung thì người có yêu cầu trợ giúp pháp lý phải cung cấp các giấy tờ, tài liệu có liên quan đến vụ việc trợ giúp pháp lý (nếu có). Tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý chỉ nhận đơn và bản sao (không cần chứng thực) các giấy tờ, tài liệu có liên quan đến vụ việc trợ giúp pháp lý để lưu trữ trong hồ sơ vụ việc và không hoàn trả lại. Trong trường hợp cần thiết, tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý đề nghị người có yêu cầu cung cấp bản chính để đối chiếu. Người có yêu cầu phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực của các giấy tờ, tài liệu có liên quan đến vụ việc trợ giúp pháp lý.

Câu hỏi 102: Trong vụ, việc dân sự hoặc vụ án hành chính thì người yêu cầu trợ giúp pháp lý phải nộp cho tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý những giấy tờ, tài liệu gì để được trợ giúp pháp lý?

Trả lời:

Tiết b khoản 3 mục I Phần A Thông tư số 05/2008/TT-BTP sửa đổi, bổ sung quy định tùy từng giai đoạn tố tụng, ngoài các tài liệu, giấy tờ

có thể làm căn cứ (nếu có) người có yêu cầu phải xuất trình một trong các giấy tờ sau: biên lai thu tiền tạm ứng án phí; giấy triệu tập đương sự; bản án, quyết định của Tòa án hoặc giấy tờ khác chứng minh người có yêu cầu là nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự hoặc người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ, việc dân sự, người khởi kiện hoặc người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án hành chính, lao động.

Câu hỏi 103: Trong vụ án hình sự thì người yêu cầu trợ giúp pháp lý phải nộp cho tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý những giấy tờ, tài liệu gì để được trợ giúp pháp lý?

Trả lời:

Tiết a khoản 3 mục I Phần A Thông tư số 05/2008/TT-BTP sửa đổi, bổ sung quy định trong vụ án hình sự, ngoài các tài liệu, giấy tờ có thể làm chứng cứ của vụ án (nếu có) thì tùy theo từng giai đoạn tố tụng và tư cách tham gia tố tụng, người có yêu cầu phải xuất trình một trong các giấy tờ liên quan đến giai đoạn tố tụng như: Quyết định tạm giữ; quyết định khởi tố bị can; giấy triệu tập lấy lời khai; kết luận điều tra; cáo trạng; quyết định đưa vụ án ra xét xử; bản án, quyết định chưa có hiệu lực pháp luật của Tòa án hoặc các giấy tờ khác chứng minh vụ việc đang được các cơ quan tiến hành tố tụng thụ lý mà qua đó cho thấy người có yêu cầu là người bị tạm giữ, bị can, bị cáo, người bị hại, nguyên đơn dân sự,

bị đơn dân sự hoặc người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án hình sự đó.

Câu hỏi 104: Trong các vụ việc đại diện ngoài tố tụng thì người yêu cầu trợ giúp pháp lý phải nộp cho tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý những giấy tờ, tài liệu gì để làm căn cứ cho việc trợ giúp pháp lý?

Trả lời:

Tiết c khoản 3 mục I Phần A Thông tư số 05/2008/TT-BTP sửa đổi, bổ sung quy định căn cứ để thực hiện trợ giúp trong các vụ việc đại diện ngoài tố tụng là người có yêu cầu trợ giúp pháp lý có căn cứ, giấy tờ hoặc khi người tiếp nhận việc trợ giúp có cơ sở cho rằng yêu cầu trợ giúp pháp lý không thể tự bảo vệ được quyền, lợi ích hợp pháp của mình (bị ốm đau, già yếu, có nhược điểm về thể chất, tâm thần hoặc vì lý do khách quan khác...).

Câu hỏi 105: Việc thụ lý yêu cầu trợ giúp pháp lý được thực hiện như thế nào?

Trả lời:

Theo Điều 34 Luật trợ giúp pháp lý năm 2006, người tiếp nhận đơn yêu cầu trợ giúp pháp lý phải kiểm tra các nội dung có liên quan đến yêu cầu trợ giúp pháp lý; nếu yêu cầu trợ giúp pháp lý thuộc vụ việc, đối tượng, phạm vi trợ giúp pháp lý quy định của pháp luật thì phải thụ lý.

Trong trường hợp người được trợ giúp pháp lý còn thiếu những giấy tờ chứng minh là người được

trợ giúp pháp lý hoặc giấy tờ, tài liệu có liên quan đến vụ việc trợ giúp pháp lý thì người tiếp nhận yêu cầu phải hướng dẫn họ cung cấp các giấy tờ, tài liệu đó.

Câu hỏi 106: Hồ sơ và kiểm tra các nội dung có liên quan đến yêu cầu trợ giúp pháp lý thực hiện như thế nào?

Trả lời:

Theo khoản 1 mục I Phần A Thông tư số 05/2008/TT-BTP sửa đổi, bổ sung thì khi có yêu cầu trợ giúp pháp lý, người được trợ giúp pháp lý phải nộp 01 bộ hồ sơ cho tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý.

Hồ sơ gồm có: Đơn yêu cầu trợ giúp pháp lý, giấy tờ chứng minh người có yêu cầu là người thuộc diện được trợ giúp pháp lý và các giấy tờ, tài liệu có liên quan đến vụ việc (nếu có).

Khi tiếp nhận hồ sơ vụ việc yêu cầu trợ giúp pháp lý, người tiếp nhận phải xem xét, trả lời ngay cho người có yêu cầu trợ giúp pháp lý về việc hồ sơ đủ điều kiện để thụ lý hoặc phải bổ sung thêm giấy tờ, tài liệu có liên quan.

Vụ việc yêu cầu trợ giúp pháp lý chỉ được thụ lý khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Người có yêu cầu trợ giúp pháp lý thuộc diện người được trợ giúp pháp lý quy định tại Điều 10 của Luật trợ giúp pháp lý năm 2006 và được quy định chi tiết tại Điều 2 của Nghị định số 07/2007/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung hoặc nạn nhân

bị mua bán theo quy định của pháp luật về phòng, chống mua bán người.

b) Nội dung vụ việc trợ giúp pháp lý phù hợp với quy định tại Điều 5 của Luật trợ giúp pháp lý;

c) Vụ việc trợ giúp pháp lý thuộc phạm vi thực hiện trợ giúp pháp lý quy định tại Điều 26 của Luật trợ giúp pháp lý năm 2006;

d) Vụ việc trợ giúp pháp lý không thuộc trường hợp bị từ chối theo quy định tại khoản 1 Điều 45 của Luật trợ giúp pháp lý năm 2006.

Người trực tiếp thụ lý vụ việc phải ghi vào Sổ theo dõi, tổng hợp vụ việc trợ giúp pháp lý và tiến hành trợ giúp pháp lý hoặc báo cáo lãnh đạo tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý phân công người thực hiện trợ giúp pháp lý (Trợ giúp viên pháp lý, cộng tác viên trợ giúp pháp lý hoặc luật sư, tư vấn viên pháp luật). Sổ theo dõi, tổng hợp vụ việc trợ giúp pháp lý được lập theo Mẫu số 01-TP-TGPL ban hành kèm theo Thông tư số 05/2008/TT-BTP sửa đổi, bổ sung.

Trong trường hợp người có yêu cầu trợ giúp pháp lý còn thiếu những giấy tờ chứng minh là người thuộc diện được trợ giúp pháp lý hoặc giấy tờ, tài liệu có liên quan đến vụ việc trợ giúp pháp lý, người tiếp nhận phải hướng dẫn họ cung cấp bổ sung các giấy tờ, tài liệu có liên quan để vụ việc được thụ lý. Sau khi đã nhận đủ các giấy tờ, tài liệu bổ sung hoặc có cơ sở xác minh thì làm thủ tục thụ lý. Trong các trường hợp khẩn cấp, bất khả kháng mà chưa thể cung cấp đủ giấy tờ

hoặc do vụ việc trợ giúp pháp lý đã sắp hết thời hiệu hoặc có các lý do khác đòi hỏi phải làm ngay để tránh gây thiệt hại đến các quyền và lợi ích hợp pháp của người được trợ giúp pháp lý thì người tiếp nhận thụ lý và hướng dẫn người được trợ giúp bổ sung các giấy tờ cần thiết.

Người tiếp nhận yêu cầu trợ giúp pháp lý có trách nhiệm sao chụp 01 bản từ bản chính hoặc tiếp nhận bản sao giấy tờ chứng minh thuộc diện người được trợ giúp pháp lý để lưu giữ trong hồ sơ vụ việc trợ giúp pháp lý để kiểm tra, đối chiếu khi cần thiết. Trong trường hợp vì lý do khách quan mà không thể sao chụp từ bản chính thì phải ghi lại ký hiệu, số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp giấy tờ đó vào phần dưới đơn và yêu cầu người có yêu cầu sao chụp gửi sau.

Trong trường hợp từ chối thụ lý, người tiếp nhận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do từ chối cho người có yêu cầu trợ giúp pháp lý biết. Nếu vụ việc thuộc một trong các trường hợp bị từ chối hoặc phải từ chối và không được tiếp tục thực hiện trợ giúp pháp lý theo quy định tại Điều 45 của Luật trợ giúp pháp lý năm 2006, người tiếp nhận đơn phải thông báo rõ lý do bằng văn bản cho người có yêu cầu biết. Thông báo về việc từ chối hoặc không tiếp tục thực hiện trợ giúp pháp lý được lập theo Mẫu số 20-TP-TGPL ban hành kèm theo Thông tư số 05/2008/TT-BTP sửa đổi, bổ sung.

Mẫu số 01-TP-TGPL

Trang bìa

(Tên tổ chức thực hiện TGPL)

**SỐ THEO DÕI, TỔNG HỢP
VỤ VIỆC TRỢ GIÚP PHÁP LÝ**

NĂM 20.....

STT	Mã hồ sơ	Ngày tháng thụ lý	Ngày tháng hoàn thành	Họ, tên, tuổi địa chỉ	Người được TGPL						
					Giới		Thuộc diện				
					Nam	Nữ	N (1)	NCC (2)	G, TT, TE (3)	DT (4)	N. Khác (5)

tiếp theo

STT	Mã hồ sơ	Ngày tháng thụ lý	Ngày tháng hoàn thành	Lĩnh vực TGPL							
				HS (6)	DS (7)	HNGĐ (8)	HC (9)	ĐĐ (10)	LĐ (11)	UĐ-CS (12)	L. Khác (13)

tiếp theo

STT	Mã hồ sơ	Ngày tháng thụ lý	Ngày tháng hoàn thành	Hình thức TGPL					Người thực hiện TGPL				Ghi chú
				TV (14)	TGTT (15)	ĐĐNTT (16)	HG (17)	H. Khác (18)	TGV (19)	CTV (20)	LS (21)	TVV (22)	

Ghi chú:

- Nội dung các cột: Nam, Nữ, N, NCC, G-TT-TE, DT, N.Khác, HS, DS, HNGĐ, HC, ĐĐ, LĐ, CĐCS, L.Khác, TV, TGTT, ĐĐNTT, H.Khác, TGV, CTV được đánh dấu x theo Giới, Diện, Lĩnh vực trợ giúp pháp lý, Hình thức trợ giúp pháp lý và Người thực hiện trợ giúp pháp lý.

- Riêng cột G, TT, TE, ngoài việc đánh dấu x cần ghi rõ diện người yêu cầu trợ giúp pháp lý.

- Các chữ viết tắt:

1. N: Người nghèo;
2. NCC: Người có công;
3. G-TT-TE: Người già, Người tàn tật, Trẻ em;
4. DT: Đồng bào dân tộc thiểu số;
5. N.Khác; Người thuộc diện khác;
6. HS: Pháp luật hình sự, tố tụng hình sự và thi hành án hình sự;
7. DS: Pháp luật dân sự, tố tụng dân sự và thi hành án dân sự;
8. HNGĐ: Hôn nhân gia đình và pháp luật về trẻ em;

- 9. HC: Pháp luật hành chính, khiếu nại, tố cáo và tố tụng hành chính;
- 10. ĐĐ: Pháp luật đất đai, nhà ở, môi trường và bảo vệ người tiêu dùng;
- 11. LĐ: Pháp luật lao động, việc làm, bảo hiểm;
- 12. ƯĐ-CS: Pháp luật ưu đãi người có công với cách mạng và pháp luật về chính sách xã hội khác;
- 13. L.Khác: Các lĩnh vực pháp luật khác liên quan đến chương trình mục tiêu quốc gia xoá đói giảm nghèo hoặc liên quan trực tiếp đến quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân;
- 14. TV: Tư vấn pháp luật;
- 15. TGT: Tham gia tố tụng;
- 16. ĐDNTT: Đại diện ngoài tố tụng;
- 17. HG: Hoà giải;
- 18. H.Khác: Hình thức trợ giúp pháp lý khác;
- 19. TGV: Trợ giúp viên pháp lý;
- 20. CTV: Cộng tác viên trợ giúp pháp lý;
- 21. LS: Luật sư;
- 22. TVV: Tư vấn viên pháp luật.

Mẫu số 20-TP-TGPL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 20....

THÔNG BÁO

**Về việc từ chối hoặc không tiếp tục thực hiện
trợ giúp pháp lý**

Kính gửi: Ông/bà..... (2 hoặc 2a).....

Địa chỉ liên hệ:.....

Tôi là..... (4).....,..... (5)..... của..... (1).....
nhận được đơn yêu cầu trợ giúp pháp lý của ông/bà
.....(2 hoặc 2a)....., địa chỉ liên hệ:.....

Sau khi nghiên cứu đơn yêu cầu trợ giúp pháp lý và
các tài liệu gửi kèm theo (nếu có) cho thấy vụ việc của
ông/bà thuộc trường hợp phải từ chối hoặc không tiếp
tục thực hiện trợ giúp pháp lý theo Điều 45 Luật trợ
giúp pháp lý.

Vậy..... (1)..... thông báo để ông/bà được biết.
Nếu ông/bà có vướng mắc hoặc vấn đề gì chưa rõ, đề
nghị ông/bà liên hệ với..... để được giải quyết.

Người thực hiện TGPL

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh)

Ghi chú:

(1): Tên tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý;

- (2): Tên người được trợ giúp pháp lý;
- (2a): Tên người đại diện, người giám hộ cho người được trợ giúp pháp lý;
- (4): Tên người thực hiện trợ giúp pháp lý;
- (5): Trợ giúp viên pháp lý hoặc luật sư, tư vấn viên pháp luật, cộng tác viên.

Câu hỏi 107: Việc lập hồ sơ trợ giúp pháp lý được thực hiện như thế nào?

Trả lời:

Theo mục III Phần A Thông tư số 05/2008/TT-BTP sửa đổi, bổ sung thì việc lập hồ sơ trợ giúp pháp lý được thực hiện như sau:

a) Hồ sơ vụ việc:

Tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý có trách nhiệm chỉ đạo người thực hiện trợ giúp pháp lý trong việc lập và lưu trữ hồ sơ vụ việc theo quy định để phục vụ việc sử dụng hoặc thẩm định, đánh giá chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý và bảo đảm giữ bí mật theo quy định.

Hồ sơ vụ việc được lập và phân loại tương ứng theo từng hình thức trợ giúp pháp lý, thể hiện đầy đủ các dữ kiện theo các mục yêu cầu ghi ở Bìa hồ sơ. Bìa hồ sơ được thể hiện theo Mẫu số 15-TP-TGPL ban hành kèm theo Thông tư số 05/2008/TT-BTP sửa đổi, bổ sung.

b) Hồ sơ trợ giúp pháp lý lưu động:

Mỗi đợt lưu động phải được lập thành tập và có riêng hồ sơ từng vụ việc tư vấn pháp luật để quản lý,

theo dõi kết quả. Hồ sơ trợ giúp pháp lý lưu động bao gồm:

- Văn bản thông báo của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, Chi nhánh Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước về việc tổ chức trợ giúp pháp lý lưu động hoặc thư mời, công văn của cơ quan, tổ chức, đơn vị gửi về Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, Chi nhánh Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước đề nghị trợ giúp pháp lý lưu động;

- Biên bản trợ giúp pháp lý lưu động;

- Danh sách người tham dự trợ giúp pháp lý lưu động hoặc nghe nói về chuyên đề pháp luật tại buổi lưu động;

- Danh sách người thực hiện trợ giúp pháp lý tại đợt lưu động;

- Hồ sơ của các vụ việc trợ giúp pháp lý đã được thực hiện;

- Báo cáo kết quả đợt trợ giúp pháp lý lưu động;

- Các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

Các vụ việc tư vấn pháp luật thực hiện tại các đợt lưu động được cập nhật vào Sổ theo dõi, tổng hợp vụ việc trợ giúp pháp lý và được lập thành hồ sơ theo quy định. Trong trường hợp hướng dẫn, giải đáp pháp luật đơn giản cho nhiều người cùng một lúc không phân biệt đối tượng thì không phải lập hồ sơ vụ việc nhưng được ghi trong biên bản lưu động.

c) Hồ sơ sinh hoạt Câu lạc bộ trợ giúp pháp lý:

Hàng quý, hồ sơ sinh hoạt Câu lạc bộ phải được

gửi về Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước hoặc Chi nhánh Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước để lưu trữ theo quy định. Hồ sơ sinh hoạt Câu lạc bộ bao gồm:

- Dự kiến kế hoạch sinh hoạt hàng tháng của Câu lạc bộ;
- Danh sách đối tượng tham dự sinh hoạt Câu lạc bộ;
- Biên bản sinh hoạt của Câu lạc bộ có dấu xác nhận số lượt sinh hoạt và được lập theo quy định của Điều lệ mẫu về tổ chức và hoạt động của Câu lạc bộ.

Các vụ việc tư vấn pháp luật trong sinh hoạt Câu lạc bộ được lập thành hồ sơ vụ việc riêng theo quy định và được cập nhật vào Sổ theo dõi, tổng hợp vụ việc trợ giúp pháp lý.

d) Hình thức của hồ sơ:

Để phục vụ tra cứu, sử dụng, thẩm định, đánh giá chất lượng vụ việc, mỗi hồ sơ vụ việc cần có trang danh mục tài liệu; có đánh số thứ tự để theo dõi, bàn giao, quản lý, lưu trữ.

Mỗi hồ sơ vụ việc cần có một mã số riêng gồm tập hợp các ký hiệu bằng chữ và bằng số tương ứng với lĩnh vực trợ giúp pháp lý, tên tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý, số thứ tự của vụ việc trong Sổ theo dõi, tổng hợp vụ việc, năm tiếp nhận. Ví dụ: hồ sơ có mã số là DS.TT.001/2008 được hiểu là vụ việc đó thuộc lĩnh vực dân sự, do Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước thực hiện, có số thứ tự là 001 tương ứng với số thứ tự ghi trong Sổ theo

dõi, tổng hợp vụ việc tại Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, được tiếp nhận năm 2008. Nếu vụ việc do Chi nhánh Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước thực hiện thì mã hồ sơ có thêm chữ viết tắt của tên Chi nhánh. Ví dụ: hồ sơ có mã số là DS.CN1.001/2008 được hiểu là vụ việc đó thuộc lĩnh vực dân sự, do Chi nhánh Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước số 01 của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước thực hiện, có số thứ tự là 001 tương ứng với số thứ tự ghi trong Sổ theo dõi, tổng hợp vụ việc tại Chi nhánh, được tiếp nhận năm 2008. Ngoài ra, có thể dùng màu bìa hồ sơ để phân loại các lĩnh vực trợ giúp pháp lý. Ví dụ: màu xanh cho vụ việc đất đai, màu trắng cho vụ việc dân sự, màu vàng cho vụ việc lao động, màu hồng cho vụ việc hôn nhân gia đình...

Khi lưu trữ, cần sắp xếp tài liệu trong hồ sơ phù hợp để dễ tiếp cận hồ sơ theo từng hình thức trợ giúp pháp lý: tư vấn pháp luật, tham gia tố tụng, đại diện ngoài tố tụng... Mỗi Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước có 01 Sổ theo dõi, tổng hợp vụ việc trợ giúp pháp lý để ghi tổng số vụ việc trợ giúp pháp lý do Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước thực hiện trong năm (cộng theo tuần, tháng, quý, 6 tháng, năm). Mỗi Chi nhánh Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước có 01 Sổ theo dõi, tổng hợp vụ việc trợ giúp pháp lý để ghi tổng số vụ việc trợ giúp pháp lý do Chi nhánh Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước thực hiện trong năm (từ ngày 01/01 của năm đến ngày 31/12).

Mẫu số 15-TP-TGPL

Mặt trước

Biểu
tượng
TGPL

(Tên tổ chức thực hiện TGPL)

Ngày thụ lý:...../...../.....

Họ và tên người được TGPL:.....

Năm sinh:..... Giới tính:.....

Địa chỉ:.....

Diện người được trợ giúp pháp lý:.....

Lĩnh vực trợ giúp pháp lý:.....

**HỒ SƠ
TRỢ GIÚP PHÁP LÝ**

Mã số:.....

Người thực hiện:..... (4)

Ngày hoàn thành:.....

(4) Họ tên, chức danh người thực hiện trợ giúp pháp lý.

DANH MỤC TÀI LIỆU CÓ TRONG HỒ SƠ

- 1.
- 2.
- 3.
- 4.
- 5.
- 6.
- 7.
- 8.
- 9.
- 10.
- 11.
- 12.
- 13.
- 14.
- 15.
- 16.
- 17.
- 18.
- 19.
- 20.
- 21.
- 22.

Câu hỏi 108: Việc trợ giúp pháp lý thông qua tư vấn pháp luật được thực hiện như thế nào?

Trả lời:

Theo Điều 38 Luật trợ giúp pháp lý năm 2006, tư vấn pháp luật được thực hiện bằng miệng hoặc bằng văn bản; tư vấn trực tiếp, bằng thư tín, điện tín hoặc thông qua phương tiện thông tin khác; thông qua trợ giúp pháp lý lưu động, sinh hoạt chuyên đề pháp luật, Câu lạc bộ trợ giúp pháp lý và các phương thức khác.

Đối với vụ việc đơn giản, người thực hiện trợ giúp pháp lý phải tư vấn ngay và ghi chép những nội dung chính trong phiếu thực hiện trợ giúp pháp lý. Phiếu thực hiện trợ giúp pháp lý được lập thành hai bản, một bản giao cho người được trợ giúp pháp lý, một bản được lưu giữ trong hồ sơ vụ việc.

Đối với vụ việc phức tạp, cần có thời gian nghiên cứu, xác minh hoặc vụ việc thiếu những giấy tờ, tài liệu có liên quan thì người thực hiện trợ giúp pháp lý phải viết phiếu hẹn hoặc yêu cầu bổ sung các giấy tờ, tài liệu còn thiếu.

Trong thời hạn không quá mười lăm ngày, kể từ ngày thụ lý vụ việc hoặc nhận đủ các giấy tờ, tài liệu cần bổ sung, người thực hiện trợ giúp pháp lý có trách nhiệm nghiên cứu và trả lời bằng văn bản cho người được trợ giúp pháp lý; trong trường hợp vụ việc cần có thời gian để xác minh

thì thời hạn này có thể kéo dài nhưng không quá ba mươi ngày.

Đối với vụ việc yêu cầu tư vấn được chuyển đến bằng thư tín, người thực hiện trợ giúp pháp lý có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn không quá mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu trợ giúp pháp lý.

Bên cạnh đó, khoản 1 mục II Phần A Thông tư số 05/2008/TT-BTP sửa đổi, bổ sung làm rõ thêm:

a) Đối với tư vấn tại trụ sở, sau khi thụ lý vụ việc yêu cầu tư vấn pháp luật, người tiếp nhận phải tư vấn ngay, trừ các trường hợp chưa thể tư vấn được ngay vì vụ việc phức tạp cần xác minh thêm thì người tiếp nhận viết Phiếu hẹn về thời gian để tư vấn sau hoặc trả lời bằng văn bản. Phiếu hẹn được lập theo Mẫu số 03-TP-TGPL ban hành kèm theo Thông tư số 05/2008/TT-BTP sửa đổi, bổ sung.

Vụ việc có thể tư vấn pháp luật ngay là vụ việc đơn giản, chỉ hướng dẫn, giải đáp, cung cấp thông tin pháp luật liên quan đến một lĩnh vực pháp luật hoặc thuộc thẩm quyền giải quyết của một cơ quan, tổ chức, không phải mất nhiều thời gian nghiên cứu về các tình tiết của vụ việc, không có các vấn đề cần phải xác minh thêm.

Vụ việc phải tư vấn sau vì phức tạp là vụ việc có liên quan đến nhiều lĩnh vực pháp luật, có nhiều đối tượng, có liên quan đến nhiều cơ quan, ban ngành hoặc có nhiều tình tiết, đã được giải

quyết nhiều lần hoặc do nhiều cơ quan có thẩm quyền giải quyết, cần có thời gian nghiên cứu các quy định của pháp luật và hồ sơ vụ việc hoặc cần phải xác minh, đánh giá thêm các tình tiết của vụ việc.

Kết quả tư vấn được thể hiện dưới hình thức Phiếu thực hiện trợ giúp pháp lý hoặc văn bản tư vấn pháp luật. Phiếu hoặc văn bản tư vấn phải có các nội dung chính như: ngày, tháng, năm tiếp nhận đơn; nội dung yêu cầu trợ giúp pháp lý và nội dung đã tư vấn, thông tin, giải đáp, hướng dẫn đã cung cấp; người thực hiện trợ giúp pháp lý ký và ghi rõ họ tên. Phiếu thực hiện trợ giúp pháp lý, văn bản tư vấn pháp luật được lập thành 02 (hai) bản, một bản photocopy giao cho người được trợ giúp pháp lý có chữ ký của người thực hiện trợ giúp pháp lý, bản chính được lưu giữ trong hồ sơ vụ việc. Phiếu thực hiện trợ giúp pháp lý được lập theo Mẫu số 04-TP-TGPL tại Thông tư số 05/2008/TT-BTP sửa đổi, bổ sung.

Việc tư vấn pháp luật phải phù hợp với quy định của pháp luật về trợ giúp pháp lý, được lập thành hồ sơ vụ việc theo quy định tại mục III Phần A Thông tư số 05/2008/TT-BTP sửa đổi, bổ sung.

b) Đối với người có yêu cầu thông qua thư tín, fax được tư vấn theo yêu cầu qua điện thoại hoặc trả lời bằng văn bản hoặc mời đến trụ sở để tư vấn trực tiếp. Nếu người có yêu cầu không gửi kèm theo giấy tờ chứng minh thuộc diện được trợ

giúp pháp lý hoặc các giấy tờ, tài liệu có liên quan đến vụ việc trợ giúp pháp lý thì tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý hướng dẫn họ cung cấp đầy đủ các giấy tờ, tài liệu đó để làm cơ sở thụ lý giải quyết vụ việc. Thời hạn thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý được tính từ thời điểm người có yêu cầu cung cấp đủ các giấy tờ, tài liệu nêu trên.

c) Tư vấn pháp luật qua điện thoại áp dụng trong trường hợp vụ việc trợ giúp pháp lý đã được thụ lý hoặc vụ việc mới mà người có yêu cầu đề nghị tư vấn thông qua điện thoại. Đối với vụ việc tư vấn đơn giản, chưa thụ lý mà người tiếp nhận yêu cầu có thể thực hiện được ngay thì tư vấn ngay cho họ nhưng trước khi thực hiện tư vấn phải đề nghị họ cung cấp rõ các thông tin về họ, tên, nhân thân địa chỉ và ghi vào Sổ trực điện thoại. Nếu vụ việc tư vấn phức tạp thì hướng dẫn người có yêu cầu trực tiếp đến tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý để có điều kiện cung cấp đầy đủ thông tin theo quy định. Nội dung tư vấn pháp luật qua điện thoại phải được thể hiện trong Sổ theo dõi, tổng hợp vụ việc trợ giúp pháp lý dưới dạng hỏi, đáp.

d) Tư vấn pháp luật thông qua trợ giúp pháp lý lưu động. Tại buổi trợ giúp pháp lý lưu động, để tư vấn pháp luật theo vụ việc, cần bố trí tiếp các đối tượng theo các bàn ghi rõ lĩnh vực pháp luật (ví dụ, Bàn 1: Pháp luật về hình sự và tố tụng hình sự; Bàn 2: Pháp luật về nhà đất; Bàn 3:

Pháp luật về lao động, việc làm...). Việc tiếp nhận, thụ lý và thực hiện tư vấn pháp luật được thực hiện theo quy định tại mục I và khoản 1 mục II Phần A Thông tư số 05/2008/TT-BTP sửa đổi, bổ sung. Khi tư vấn, người thực hiện trợ giúp pháp lý đối với vụ việc cụ thể có trách nhiệm lập hồ sơ vụ việc mỗi vụ việc phải có Phiếu thực hiện trợ giúp pháp lý. Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, Chi nhánh Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước cử người ghi biên bản. Biên bản trợ giúp pháp lý lưu động được lập theo Mẫu số 05-TP-TGPL ban hành kèm theo Thông tư số 05/2008/TT-BTP sửa đổi, bổ sung. Việc báo cáo về kết quả trợ giúp pháp lý lưu động được thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 35 Nghị định số 07/2007/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung.

Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước hoặc Chi nhánh Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tổ chức lưu động tại cấp xã khi có kết quả khảo sát nhu cầu trợ giúp pháp lý (để bố trí cán bộ chuyên môn theo nhu cầu) hoặc có yêu cầu về nhiệm vụ chính trị - xã hội ở địa phương theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, của Sở Tư pháp, theo yêu cầu của chính quyền cơ sở hoặc theo kế hoạch tổ chức trợ giúp pháp lý lưu động đã xác định trước.

Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, Chi nhánh Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước phải thông báo bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân cấp

huyện và cấp xã nơi dự kiến tổ chức trợ giúp pháp lý lưu động trước 05 ngày làm việc về thời gian, địa điểm, thành phần tham dự, nội dung và đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp bố trí địa điểm, thông báo cho đối tượng thuộc diện người được trợ giúp pháp lý đến dự. Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, Chi nhánh Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước cũng có thể yêu cầu Ban chủ nhiệm Câu lạc bộ trợ giúp pháp lý ở địa bàn hoặc tổ chức chính trị - xã hội, cộng tác viên thông báo cho các đối tượng về vấn đề này.

Khi tổ chức trợ giúp pháp lý lưu động, nếu xét thấy cần thiết, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, Chi nhánh Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước được huy động cán bộ, công chức, viên chức có nghiệp vụ về pháp luật hoặc chuyên ngành của cơ quan, tổ chức có liên quan ở cơ sở hoặc cộng tác viên trợ giúp pháp lý (sau đây gọi là cộng tác viên) ở cơ quan, tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý lưu động sau khi đã có sự trao đổi trước với người đó và được sự đồng ý của lãnh đạo cơ quan, tổ chức chủ quản.

đ) Tư vấn pháp luật thông qua sinh hoạt Câu lạc bộ trợ giúp pháp lý (sau đây gọi là Câu lạc bộ). Trợ giúp viên pháp lý, cộng tác viên, luật sư, tư vấn viên pháp luật thuộc các tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật đã đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý (sau đây gọi là tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý) tham gia sinh hoạt Câu lạc

bộ thực hiện tại chỗ cho người có yêu cầu. Việc thụ lý và thực hiện tư vấn pháp luật được thực hiện theo mục I và khoản 1 mục II Phần A Thông tư số 05/2008/TT-BTP sửa đổi, bổ sung. Đối với các vụ việc phức tạp chưa thể thực hiện được ngay thì cần hẹn ngày tư vấn sau. Trong trường hợp người có yêu cầu đồng ý thì nội dung vụ việc tư vấn pháp luật có thể được công khai để mọi người tham gia sinh hoạt Câu lạc bộ cùng tham gia trao đổi, thảo luận.

Nội dung buổi sinh hoạt Câu lạc bộ phải được thể hiện trong biên bản. Biên bản sinh hoạt Câu lạc bộ được lập theo Mẫu số 06-TP-TGPL ban hành kèm theo Thông tư số 05/2008/TT-BTP sửa đổi, bổ sung.

Các vụ việc đã được tư vấn pháp luật trong buổi sinh hoạt Câu lạc bộ phải lập thành hồ sơ vụ việc và lưu trữ tại tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý.

Việc tư vấn pháp luật tại trụ sở, qua điện thoại, thư tín của các tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý phải tuân thủ các quy định chung về trình tự, thủ tục và lập hồ sơ vụ việc như trên.

Mẫu số 03-TP-TGPL

..... (1a)..... **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
..... (1) **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng..... năm 20.....

PHIẾU HẸN

Sau khi tiếp nhận đơn yêu cầu trợ giúp pháp lý
ngày..... tháng..... năm 20..... của ông/bà
(2 hoặc 2a)....., trú tại:.....
.....(1) thấy chưa thể giải quyết được ngay, hẹn
ông/bà..... (2 hoặc 2a)..... đến..... (1)..... gặp
(4)..... vào hồi h, ngày..... tháng..... năm 20.....
tại..... để được trợ giúp pháp lý. Khi đến ông/bà cần
đem theo các giấy tờ sau:

1.
2.
3.
4.
5.

NGƯỜI TIẾP NHẬN

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh)

Ghi chú:

(1a) Tên cơ quan chủ quản của tổ chức thực hiện trợ
giúp pháp lý;

(1) Tên tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý;

(2) Tên người được trợ giúp pháp lý;

(2a) Tên người đại diện, người giám hộ cho người
được trợ giúp pháp lý;

(4) Tên người thực hiện trợ giúp pháp lý.

Mẫu số 04-TP-TGPL

..... (1a)..... **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

..... (1) **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng..... năm 20....

PHIẾU THỰC HIỆN TRỢ GIÚP PHÁP LÝ

Họ và tên người thực hiện trợ giúp pháp lý:.....

(4).....

Họ và tên người được trợ giúp pháp lý:

(2 hoặc 2a).....

Địa chỉ liên hệ:.....

Lĩnh vực trợ giúp pháp lý:.....

I. NỘI DUNG YÊU CẦU TƯ VẤN PHÁP LUẬT

(ghi tóm tắt nội dung chính)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

II. NỘI DUNG TƯ VẤN PHÁP LUẬT

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Thời gian thực hiện:

Người được TGPL <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>	Người thực hiện TGPL <i>(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh, đóng dấu của tổ chức thực hiện TGPL)</i>
--	---

Ghi chú:

- (1a) Tên cơ quan chủ quản của tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý;
- (1) Tên tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý;
- (2) Tên người được trợ giúp pháp lý;
- (2a) Tên người đại diện, người giám hộ cho người được trợ giúp pháp lý;
- (4) Tên người thực hiện trợ giúp pháp lý.

Mẫu số 05-TP-TGPL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng..... năm 20.....

BIÊN BẢN TRỢ GIÚP PHÁP LÝ LƯU ĐỘNG

Hôm nay, vào hồi..... h, ngày..... tháng..... năm 20.....,..... (1)..... tổ chức trợ giúp pháp lý lưu động tại, xã/phường/thị trấn, huyện/quận....., tỉnh/thành phố.....

A. THÀNH PHẦN THAM GIA:

I. (2).....

1.

2.

II. Đại diện các cơ quan, tổ chức phối hợp (3):

1.

2.

3.

4.

B. NỘI DUNG (4)

.....
.....
.....
.....

C. KẾT QUẢ:

1. Số người tham dự:..... người (có danh sách kèm theo)

2. Số người được TGPL:..... người

3. Số vụ việc yêu cầu trợ giúp pháp lý:..... vụ

a) Đã tư vấn pháp luật tại chỗ:..... vụ, trong đó:

- Pháp luật hình sự, tố tụng hình sự và thi hành án hình sự:..... vụ.

- Pháp luật dân sự, tố tụng dân sự và thi hành án dân sự:..... vụ.

- Pháp luật hôn nhân gia đình và pháp luật về trẻ em:..... vụ.

- Pháp luật hành chính, khiếu nại, tố cáo và tố tụng hành chính:..... vụ.

- Pháp luật đất đai, nhà ở, môi trường và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng:..... vụ.

- Pháp luật lao động, việc làm, bảo hiểm:..... vụ.

- Pháp luật ưu đãi người có công với cách mạng và pháp luật về chính sách ưu đãi xã hội khác:..... vụ.

- Các lĩnh vực pháp luật khác:..... vụ.

b) Số vụ việc mang về trụ sở (1) để thực hiện:..... vụ.

c) Số vụ việc giao cho các cơ quan, tổ chức liên quan giải quyết:..... vụ.

d) Đã tổ chức nói chuyện chuyên đề pháp luật về vấn đề (lĩnh vực):..... cho..... người.

D. KIẾN NGHỊ CỦA TỔ CHỨC THỰC HIỆN TRỢ GIÚP PHÁP LÝ (5a)

.....
.....

**E. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT CỦA CHÍNH QUYỀN,
ĐOÀN THỂ CƠ SỞ (5b)**

.....

.....

Buổi trợ giúp pháp lý lưu động kết thúc vào hồi
..... h cùng ngày. Biên bản được lập thành 02 bản (01
bản gửi UBND xã, 01 bản lưu hồ sơ trợ giúp pháp lý
lưu động tại(1).....)

Xác nhận của UBND xã Đại diện của (1)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Tên Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước,
Chi nhánh;

(2) Tên người thực hiện trợ giúp pháp lý tham gia
lưu động;

(3) Ghi rõ họ, tên, chức vụ, đại diện cho cơ quan, tổ
chức nào tham gia;

(4) Ghi rõ những hoạt động mà tổ chức thực hiện trợ
giúp pháp lý đã thực hiện;

(5a, 5b) Ghi rõ các kiến nghị, đề xuất cụ thể.

Mẫu số 06-TP-TGPL

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng..... năm 20.....

BIÊN BẢN

Sinh hoạt Câu lạc bộ trợ giúp pháp lý

Hôm nay, vào hồi..... h, ngày..... tháng..... năm 20....., Câu lạc bộ trợ giúp pháp lý..... tổ chức buổi sinh hoạt tại..... xã/phường/thị trấn....., huyện/quận....., tỉnh/thành phố.....

I. Thành phần tham dự (1):

1.
2.
3.
4.
5.

II. Nội dung sinh hoạt (2):

.....
.....
.....
.....

III. Kết luận, kiến nghị, đề xuất

Buổi sinh hoạt kết thúc vào hồi..... h cùng ngày.
Biên bản được lập thành..... bản.

Xác nhận của
UBND xã

Thư ký

Người chủ trì

(1) Nêu rõ họ, tên, chức danh người tham gia sinh hoạt là người thực hiện trợ giúp pháp lý; là đại diện các cơ quan, tổ chức có liên quan; thành viên Ban chủ nhiệm; tổng số người thuộc diện được trợ giúp pháp lý và các đối tượng khác tham gia sinh hoạt (có danh sách kèm theo).

(2) Ghi rõ chủ đề sinh hoạt Câu lạc bộ; các vướng mắc pháp luật hoặc vụ việc trợ giúp pháp lý được nêu ra trong quá trình sinh hoạt (dưới dạng hỏi đáp); những vấn đề đã giải quyết trong buổi sinh hoạt, những vấn đề còn vướng mắc cần đề xuất tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý hướng dẫn, giúp đỡ.

Câu hỏi 109: Việc trợ giúp pháp lý bằng hình thức tham gia tố tụng của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước hoặc Chi nhánh Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước được thực hiện như thế nào?

Trả lời:

Theo Điều 39 Luật trợ giúp pháp lý năm 2006, khi người được trợ giúp pháp lý yêu cầu cử người tham gia tố tụng để: (i) Bào chữa cho người được trợ giúp pháp lý là người bị tạm giữ, bị can, bị cáo hoặc để bảo vệ quyền lợi của người được trợ giúp pháp lý là người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án hình sự; (ii) Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người được trợ giúp pháp lý trong vụ việc dân sự, vụ án hành chính, thì trong thời hạn không

quá ba ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước hoặc tổ chức hành nghề luật sư có trách nhiệm cử người thực hiện trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng.

Việc cử người tham gia tố tụng phải được lập thành văn bản và gửi cho người được trợ giúp pháp lý, cơ quan tiến hành tố tụng có liên quan.

Cơ quan tiến hành tố tụng cấp giấy chứng nhận người bào chữa, giấy chứng nhận người bảo vệ quyền lợi của đương sự trong vụ án hình sự hoặc giấy chứng nhận người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự trong vụ việc dân sự, vụ án hành chính (sau đây gọi chung là giấy chứng nhận tham gia tố tụng) cho trợ giúp viên pháp lý, Luật sư trong thời hạn không quá ba ngày, kể từ ngày nhận được văn bản của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước cử người tham gia tố tụng, trừ trường hợp pháp luật tố tụng có quy định khác.

Việc cấp giấy chứng nhận tham gia tố tụng cho luật sư tham gia trợ giúp pháp lý do tổ chức hành nghề luật sư cử hoặc luật sư hành nghề với tư cách cá nhân tham gia trợ giúp pháp lý theo quy định của pháp luật tố tụng và pháp luật về luật sư.

Giấy chứng nhận tham gia tố tụng của Trợ giúp viên pháp lý, luật sư có giá trị trong các giai đoạn tố tụng, trừ trường hợp bị thu hồi hoặc Trợ giúp viên pháp lý, luật sư bị thay đổi, không được tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

Khi tham gia tố tụng, Trợ giúp viên pháp lý, luật sư xuất trình giấy chứng nhận tham gia tố tụng, thẻ Trợ giúp viên pháp lý hoặc thẻ luật sư; có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng; được sử dụng các biện pháp mà pháp luật tố tụng quy định để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người được trợ giúp pháp lý.

Ngoài ra, điểm 2 mục II Phần A Thông tư số 05/2008/TT-BTP sửa đổi, bổ sung cũng làm rõ thêm là:

a) Giám đốc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước hoặc Trưởng Chi nhánh Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước ra quyết định cử Trợ giúp viên pháp lý hoặc luật sư cộng tác viên tham gia tố tụng cho người có yêu cầu để bào chữa, đại diện hoặc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho họ.

Quyết định cử Trợ giúp viên pháp lý hoặc luật sư cộng tác viên tham gia tố tụng tuân theo Mẫu TP-TGPL-4A tại Quyết định số 03/2007/QĐ-BTP ngày 01 tháng 6 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành một số biểu mẫu dùng trong hoạt động trợ giúp pháp lý. Quyết định cử người tham gia tố tụng được gửi cho người được cử, người có yêu cầu, cơ quan tiến hành tố tụng, lưu văn thư và lưu trong hồ sơ vụ việc.

b) Khi tham gia tố tụng, Trợ giúp viên pháp lý, luật sư cộng tác viên có trách nhiệm thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý phù hợp với nội dung, phạm vi yêu cầu và tuân thủ pháp luật về trợ giúp pháp

lý và pháp luật tố tụng. Việc tham gia tố tụng phải được lập thành hồ sơ vụ việc theo quy định tại mục III Phần A Thông tư số 05/2008/TT-BTP sửa đổi, bổ sung.

Mẫu TP-TGPL-4A

..... (1)..... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

..... (2) Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-...(3)...(4)....., ngày tháng..... năm 20.....

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc cử Trợ giúp viên pháp lý/luật sư
cộng tác viên tham gia tố tụng**

.....(5).....

Căn cứ Luật trợ giúp pháp lý ngày 29-6-2006;

Căn cứ vào đơn yêu cầu trợ giúp pháp lý của ông/bà
.....(6)..... là(7)/(8).....
trong vụ(9).....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quyết định cử ông/bà.....(10).....
là.....(11)..... của.....(2).....
tham gia tố tụng để.....(12).....
cho.....(13).....

Điều 2. Ông/bà.....(10).....
tham gia tố tụng từ giai đoạn.....(14).....
của.....(9).....

Điều 3. Ông/bà.....(10)..... có
quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng
và pháp luật về trợ giúp pháp lý.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Các ông/bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

GIÁM ĐỐC/TRƯỞNG

Nơi nhận:

CHI NHÁNH

-(6 hoặc 7),..... (Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)
- (15).....;
-(10).....;
- Lưu: TT/CN.

Chú thích:

- (1) Tên cơ quan chủ quản của cơ quan ban hành văn bản;
- (2) “Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước” hoặc “Chi nhánh Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước...”;
- (3) Viết tắt của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước hoặc Chi nhánh Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước;
- (4) Địa danh ban hành quyết định;
- (5) “Giám đốc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước” hoặc “Trưởng Chi nhánh Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước...”;
- (6) Họ và tên của người làm đơn yêu cầu trợ giúp pháp lý;
- (7) Ghi rõ: “người được trợ giúp pháp lý”;
- (8) Ghi rõ: “người thân thích của (13)” hoặc “người đại diện của (13)”;
- (9) Ghi rõ tên vụ án hình sự, vụ việc dân sự, hành chính;
- (10) Họ và tên của Trợ giúp viên pháp lý/luat sư cộng tác viên;
- (11) Ghi rõ chức danh: “Trợ giúp viên pháp lý” hoặc “luat sư cộng tác viên”;
- (12) Ghi rõ: “bào chữa”, “bảo vệ quyền lợi hợp pháp”...;
- (13) Họ và tên của người được trợ giúp pháp lý;
- (14) Ghi rõ: “điều tra”, “truy tố” hoặc “xét xử”;
- (15) Tên cơ quan tiến hành tố tụng mà Trợ giúp viên pháp lý, luật sư cộng tác viên bắt đầu tham gia tố tụng.

Câu hỏi 110: Trách nhiệm của người được cử tham gia thực hiện trợ giúp pháp lý khi tham gia tố tụng như thế nào?

Trả lời:

Theo Điều 5 Thông tư liên tịch số 11/2013/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-VKSNDTC-TANDTC ngày 04-7-2013 của Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Viện kiểm sát nhân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn thực hiện một số quy định của pháp luật về trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng, thì người được cử tham gia thực hiện trợ giúp pháp lý khi tham gia tố tụng có trách nhiệm sau:

1. Khi tham gia tố tụng với tư cách là người bào chữa, người bảo vệ quyền lợi của đương sự trong vụ án hình sự; người đại diện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho đương sự trong vụ việc dân sự hoặc người đại diện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án hành chính, người thực hiện trợ giúp pháp lý phải thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng và pháp luật về trợ giúp pháp lý.

2. Trong lĩnh vực tố tụng hình sự, người thực hiện trợ giúp pháp lý phải từ chối tham gia tố tụng trong các trường hợp:

a) Đã là người tiến hành tố tụng trong vụ án đó;

b) Là người thân thích của người đã hoặc đang tiến hành tố tụng trong vụ án đó;

c) Đồng thời là người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án; là người đại diện hợp pháp, người thân thích của người đó hoặc của bị can, bị cáo;

d) Đã tham gia vụ án đó với tư cách là người làm chứng, người giám định, người phiên dịch;

đ) Thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 45 Luật trợ giúp pháp lý năm 2006 (đã hoặc đang thực hiện trợ giúp pháp lý cho người được trợ giúp pháp lý là một bên có quyền lợi đối lập nhau trong cùng một vụ việc, trừ trường hợp hoà giải, giải đáp pháp luật; có quyền, lợi ích hợp pháp hoặc có người thân thích liên quan đến vụ việc trợ giúp pháp lý; người thực hiện trợ giúp pháp lý đã từng là người giải quyết vụ việc đó; có căn cứ khác cho rằng người thực hiện trợ giúp pháp lý có thể không khách quan trong thực hiện trợ giúp pháp lý).

3. Trong lĩnh vực tố tụng dân sự, người thực hiện trợ giúp pháp lý phải từ chối tham gia tố tụng trong các trường hợp:

a) Đồng thời là đương sự, người đại diện, người thân thích của đương sự;

b) Thuộc trường hợp quy định tại điểm d và điểm đ mục 2 nêu trên.

4. Trong lĩnh vực tố tụng hành chính, người thực hiện trợ giúp pháp lý phải từ chối tham gia tố tụng trong các trường hợp:

a) Thuộc các trường hợp quy định tại điểm d và đ mục 2 và điểm a mục 3 nêu trên;

b) Đã tham gia vào việc ra quyết định hành chính hoặc có liên quan đến hành vi hành chính bị khởi kiện;

c) Đã tham gia vào việc ra quyết định giải quyết khiếu nại đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính bị khởi kiện;

d) Đã tham gia vào việc ra quyết định kỷ luật buộc thôi việc công chức hoặc đã tham gia vào việc ra quyết định giải quyết khiếu nại đối với quyết định kỷ luật buộc thôi việc công chức bị khởi kiện;

đ) Đã tham gia vào việc ra quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh, quyết định giải quyết khiếu nại về quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh bị khởi kiện;

e) Đã tham gia vào việc lập danh sách cử tri bầu cử đại biểu Quốc hội, danh sách cử tri bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân bị khởi kiện.

5. Trong quá trình tham gia tố tụng, nếu phát hiện người tiến hành tố tụng có hành vi vi phạm pháp luật hoặc gây phiền hà, cản trở việc thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo pháp luật thì người thực hiện trợ giúp pháp lý có quyền khiếu nại theo quy định của pháp luật tố tụng, đồng thời báo cáo tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý.

Câu hỏi 111: Việc trợ giúp pháp lý bằng hình thức đại diện ngoài tố tụng của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước hoặc Chi nhánh Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước được thực hiện như thế nào?

Trả lời:

Theo Điều 40 Luật trợ giúp pháp lý năm 2006, trong thời hạn không quá ba ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu trợ giúp pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, tổ chức hành nghề luật sư có trách nhiệm cử người thực hiện trợ giúp pháp lý làm đại diện ngoài tố tụng cho người được trợ giúp pháp lý.

Việc cử người làm đại diện ngoài tố tụng phải được lập thành văn bản và gửi cho người được trợ giúp pháp lý.

Khi thực hiện đại diện ngoài tố tụng, người đại diện có trách nhiệm sử dụng các biện pháp phù hợp với quy định của pháp luật để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người được trợ giúp pháp lý.

Bên cạnh đó, khoản 3 mục II Phần A Thông tư số 05/2008/TT-BTP sửa đổi, bổ sung cũng làm rõ thêm là:

a) Giám đốc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước hoặc Trưởng Chi nhánh Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước ra quyết định cử trợ giúp viên pháp lý hoặc luật sư cộng tác viên thực hiện đại diện ngoài tố tụng cho người có yêu cầu. Quyết định ghi rõ căn cứ cử người thực hiện đại diện

ngoài tố tụng và phạm vi đại diện cho người có yêu cầu. Quyết định cử người đại diện ngoài tố tụng được cử, người có yêu cầu, cơ quan, tổ chức có liên quan, lưu văn thư và lưu trong hồ sơ vụ việc. Quyết định cử người đại diện ngoài tố tụng được lập theo Mẫu số 07-TP-TGPL ban hành kèm theo Thông tư số 05/2008/TT-BTP sửa đổi, bổ sung.

b) Trong trường hợp cần phải thay đổi người đã được cử đại diện ngoài tố tụng, Giám đốc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước hoặc Trưởng Chi nhánh Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước ra quyết định cử người thay thế và gửi để thông báo cho cơ quan, tổ chức đang thụ lý vụ việc biết và lưu theo quy định Quyết định thay đổi người đại diện ngoài tố tụng tuân theo Mẫu số 08-TP-TGPL ban hành kèm theo Thông tư số 05/2008/TT-BTP sửa đổi, bổ sung.

c) Khi thực hiện đại diện ngoài tố tụng, người được cử có trách nhiệm thực hiện vụ việc phù hợp với phạm vi yêu cầu và tuân thủ các quy định của pháp luật. Việc thực hiện đại diện ngoài tố tụng phải được lập thành hồ sơ vụ việc theo quy định tại mục III Phần A Thông tư số 05/2008/TT-BTP sửa đổi, bổ sung.

Mẫu số 07-TP-TGPL

SỞ TƯ PHÁP TỈNH/

THÀNH PHỐ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TRUNG TÂM TRỢ GIÚP

PHÁP LÝ NHÀ NƯỚC

Số:/QĐ-TGPL

....., ngày tháng năm 20.....

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cử (5)

thực hiện đại diện ngoài tổ tụng

.....(3).....

Căn cứ các Điều 30, 40 Luật trợ giúp pháp lý ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Điều 39 Nghị định số 07/2007/NĐ-CP ngày 12 tháng 01 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật trợ giúp pháp lý;

Căn cứ vào đơn yêu cầu trợ giúp pháp lý của ông/bà(2 hoặc 2a)..... ngày/...../20.....,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Cử ông/bà.....(4)..... là.....(5)..... của(1)..... thực hiện đại diện ngoài tổ tụng cho ông/bà(2 hoặc 2a)....., trú tại:..... trong việc.....

Điều 2. Ông/bà đại diện trong phạm vi yêu cầu thể hiện trong đơn yêu cầu trợ giúp pháp lý của (2 hoặc 2a).....

Điều 3. Ông/bà.....(4)..... có các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Luật trợ giúp pháp lý và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Các ông/bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

..... (3)

- (4)

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

- (2 hoặc 2a)

- Lưu: VT, HS.

Ghi chú:

(1) Tên Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, Chi nhánh;

(2) Tên người được trợ giúp pháp lý;

(2a) Tên người đại diện, người giám hộ cho người được trợ giúp pháp lý;

(3) Giám đốc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, Trưởng Chi nhánh;

(4) Tên người thực hiện trợ giúp pháp lý;

(5) Trợ giúp viên pháp lý hoặc luật sư là cộng tác viên.

Mẫu số 08-TP-TGPL

SỞ TƯ PHÁP TỈNH/

THÀNH PHỐ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TRUNG TÂM TRỢ GIÚP

PHÁP LÝ NHÀ NƯỚC

Số:/QĐ-TGPL

....., ngày tháng..... năm 20.....

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thay đổi (5)

thực hiện đại diện ngoài tổ tụng

.....(3).....

Căn cứ Điều 30, 40 Luật trợ giúp pháp lý ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Điều 39 Nghị định số 07/2007/NĐ-CP ngày 12 tháng 01 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật trợ giúp pháp lý;

Căn cứ đơn yêu cầu trợ giúp pháp lý của ông/bà.....
(2 hoặc 2a) ngày/.../20.....,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Cử ông/bà..... (4a)..... là..... (5)..... của
.....(1)..... thay thế cho ông/bà..... (4)..... thực hiện
đại diện ngoài tổ tụng cho ông/bà..... (2 hoặc 2a).....,
trú tại:..... trong việc.....

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, thay thế cho Quyết định số...../QĐ-TGPL ngày..... tháng..... năm 20..... của.....(3)..... về việc cử ông/bà.....(4)..... thực hiện đại diện ngoài tổ tụng.

Các ông/bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

..... (3)

- (4)

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

- (4a)

- Lưu: VT, HS.

Ghi chú:

(1) Tên Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước,
Chi nhánh;

(2) Tên người được trợ giúp pháp lý;

(2a) Tên người đại diện, người giám hộ cho người
được trợ giúp pháp lý;

(3) Giám đốc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước,
Trưởng Chi nhánh Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước;

(4) Tên người thực hiện trợ giúp pháp lý;

(4a) Tên người thực hiện trợ giúp pháp lý được cử để
thay thế;

(5) Trợ giúp viên pháp lý hoặc luật sư là cộng tác viên.

Câu hỏi 112: Việc trợ giúp pháp lý bằng hình thức trợ giúp pháp lý khác của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước hoặc Chi nhánh Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước được thực hiện như thế nào?

Trả lời:

Điều 41 Luật trợ giúp pháp lý năm 2006 quy định: theo yêu cầu của người được trợ giúp pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, tổ chức hành nghề luật sư cử người thực hiện các hoạt động trợ giúp pháp lý khác cho họ (bằng việc giúp đỡ họ hoà giải, thực hiện những công việc liên quan đến thủ tục hành chính, khiếu nại và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật) và việc thực hiện hoạt động trợ giúp pháp lý khác phải được ghi thành biên bản.

Khoản 4 mục II Phần A Thông tư số 05/2008/TT-BTP sửa đổi, bổ sung làm rõ thêm:

a) Giám đốc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, Trưởng Chi nhánh Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, người đứng đầu tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý ra quyết định cử người thực hiện trợ giúp pháp lý giúp đỡ người được trợ giúp pháp lý hoà giải. Người được cử phải phân tích rõ về các tình tiết của vụ việc, giải thích các quy định của pháp luật, hướng dẫn các bên tranh chấp hoà giải với nhau hoặc tự thương lượng, thống nhất hướng giải quyết vụ việc Quyết định cử người thực hiện trợ giúp pháp lý tham gia hoà giải tuân theo

Mẫu số 09-TP-TGPL ban hành kèm theo Thông tư số 05/2008/TT-BTP sửa đổi, bổ sung.

Khi tham gia hòa giải, để thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý, người được cử phải tuân thủ các quy định của pháp luật về trợ giúp pháp lý và pháp luật có liên quan đến vụ việc hòa giải. Vụ việc hoà giải phải được lập thành biên bản. Biên bản hoà giải được lập theo Mẫu số 10-TP-TGPL ban hành kèm theo Thông tư số 05/2008/TT-BTP sửa đổi, bổ sung.

Trường hợp hoà giải thành, người được cử hướng dẫn các bên tự thỏa thuận và thực hiện các thủ tục có liên quan khác. Nếu hoà giải không thành thì hướng dẫn các bên thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật. Việc hoà giải phải lập thành hồ sơ vụ việc theo quy định tại mục III Phần A Thông tư số 05/2008/TT-BTP sửa đổi, bổ sung.

b) Khi người có yêu cầu đề nghị hướng dẫn thủ tục hành chính, khiếu nại và các hoạt động khác, Giám đốc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước hoặc Trưởng Chi nhánh Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước cử Trợ giúp viên pháp lý hoặc cộng tác viên thực hiện trợ giúp pháp lý cho người có yêu cầu. Căn cứ vào đơn yêu cầu cụ thể, người được cử có trách nhiệm:

- Hướng dẫn người có yêu cầu hoàn thiện đơn, giấy tờ và các thủ tục hành chính, giúp họ có được thông tin về địa chỉ cơ quan, tổ chức có thẩm

quyền giải quyết. Trong trường hợp họ không tự làm được thì giúp liên hệ với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến vụ việc của họ để giải quyết hoặc thu thập thông tin, tài liệu, chứng cứ; hướng dẫn bảo quản tài liệu làm bằng chứng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khiếu nại theo quy định của pháp luật;

- Trong trường hợp họ không thể tự làm được do nhược điểm về thể chất hoặc tâm thần hoặc trình độ thì trực tiếp tham gia cùng với người có yêu cầu trong quá trình gặp gỡ, làm việc, tiếp xúc với những người khác có liên quan và người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại;

- Thực hiện các biện pháp nghiệp vụ giúp người có yêu cầu thực hiện các quyền và nghĩa vụ mà pháp luật quy định để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ.

Việc thực hiện trợ giúp pháp lý của Trợ giúp viên pháp lý, cộng tác viên phải phù hợp với pháp luật trợ giúp pháp lý và các quy định của pháp luật có liên quan: Việc giúp đỡ phải được ghi thành biên bản thể hiện quá trình làm việc có báo cáo kết quả làm việc và lưu giữ trong hồ sơ vụ việc theo quy định.

Mẫu số 09-TP-TGPL

..... (1a)..... CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

..... (1) Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-TGPL(4)....., ngày tháng..... năm 20.....

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cử người thực hiện TGPL tham gia hòa giải

.....(3).....

Căn cứ các Điều 31, 41 Luật trợ giúp pháp lý ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Điều 40 Nghị định số 07/2007/NĐ-CP ngày 12 tháng 01 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật trợ giúp pháp lý,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Cử ông/bà.....(4)..... là.....(5)..... của (1)..... tham gia hoà giải cho ông/bà.....(2 hoặc 2a)....., trú tại:..... trong việc.....

Điều 2. Phạm vi hoà giải:

Điều 3. Ông/bà..... (4)..... có các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Luật trợ giúp pháp lý và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Các ông/bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

..... (3)

- (4)

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

- (2 hoặc 2a)

- Lưu: VT, HS.

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan chủ quản của tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý;

(1a) Tên tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý;

(2) Tên người được trợ giúp pháp lý;

(2a) Tên người đại diện, người giám hộ cho người được trợ giúp pháp lý;

(3) Chức danh Lãnh đạo ban hành hoặc ký văn bản;

(4) Tên người thực hiện trợ giúp pháp lý;

(5) Trợ giúp viên pháp lý hoặc luật sư là cộng tác viên.

Mẫu số 10-TP-TGPL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng..... năm 20.....

BIÊN BẢN HÒA GIẢI

Hôm nay, vào hồi..... h, ngày..... tháng..... năm 20....., theo phân công của.....(1),.....(2)..... tổ chức buổi hoà giải tại....., xã/phường/thị trấn, huyện/quận....., tỉnh/thành phố.....

A. THÀNH PHẦN THAM GIA:

I. Người tiến hành hòa giải (họ và tên, chức danh, nơi công tác)

1.

2.

II. Các bên tham gia hòa giải (họ và tên, địa chỉ)

1.

2.

III. Người tham dự buổi hòa giải (họ và tên, chức danh, địa chỉ nếu có):

1.

2.

B. NỘI DUNG HÒA GIẢI:

1. Lý do, mục đích hòa giải

.....

.....

2. Tóm tắt nội dung vụ việc hoà giải

.....

3. Ý kiến của các bên tham gia hoà giải

.....

4. Ý kiến của những người tham dự buổi hoà giải
(nếu có)

.....

5. Ý kiến hướng dẫn của người thực hiện trợ giúp
pháp lý

.....

C. KẾT QUẢ HÒA GIẢI: (hoà giải thành hay
không thành).

.....

Trường hợp hoà giải thành thì ghi rõ nội dung thỏa
thuận của các bên:

.....

Buổi hoà giải kết thúc vào hồi h cùng ngày. Biên
bản được lập thành..... bản, mỗi đương sự 01
bản, 01 bản lưu hồ sơ vụ việc tại..... (1).....

Các bên đương sự

(Ký, ghi rõ họ tên)

Người thực hiện TGPL

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Ghi rõ tên tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý;

(2) Ghi rõ họ và tên người thực hiện trợ giúp pháp lý.

Câu hỏi 113: Người được trợ giúp pháp lý được yêu cầu thay đổi người trợ giúp pháp lý trong các trường hợp nào?

Trả lời:

Theo khoản 6 mục II Phần 4 Thông tư số 05/2008/TT-BTP sửa đổi, bổ sung thì trong trường hợp người được trợ giúp pháp lý yêu cầu thay đổi người thực hiện trợ giúp pháp lý do có đủ căn cứ chứng minh người thực hiện trợ giúp pháp lý vi phạm pháp luật về trợ giúp pháp lý hoặc thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 45 của Luật trợ giúp pháp lý năm 2006 (người thực hiện trợ giúp pháp lý đã hoặc đang thực hiện trợ giúp pháp lý cho người được trợ giúp pháp lý là một bên có quyền lợi đối lập nhau trong cùng một vụ việc, trừ trường hợp hoà giải, giải đáp pháp luật; người thực hiện trợ giúp pháp lý có quyền, lợi ích hợp pháp hoặc có người thân thích liên quan đến vụ việc trợ giúp pháp lý; người thực hiện trợ giúp pháp lý đã từng là người giải quyết vụ việc đó; có căn cứ khác cho rằng người thực hiện trợ giúp pháp lý có thể không khách quan trong thực hiện trợ giúp pháp lý) hoặc phải thay đổi theo pháp luật tố tụng thì người được trợ giúp pháp lý phải gửi đơn (nêu rõ lý do, căn cứ đề nghị thay đổi người thực hiện trợ giúp pháp lý) và các giấy tờ, tài liệu khác liên quan đến yêu cầu thay đổi (nếu có) hoặc trực tiếp đến tổ chức trợ giúp pháp lý nơi thụ lý vụ việc trợ giúp pháp lý để

trình bày yêu cầu của mình. Tổ chức trợ giúp pháp lý này phải ghi rõ lại yêu cầu thay đổi của người được trợ giúp pháp lý để họ ký tên hoặc điểm chỉ.

Trong trường hợp phải thay đổi người thực hiện trợ giúp pháp lý thì trong thời hạn không quá 03 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu thay đổi người thực hiện trợ giúp pháp lý hợp lệ, Giám đốc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, Trưởng Chi nhánh Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước ra quyết định thay đổi người thực hiện trợ giúp pháp lý và cử người đủ tiêu chuẩn để tiếp tục thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý có chất lượng. Quyết định thay đổi người thực hiện trợ giúp pháp lý phải được gửi cho người được trợ giúp pháp lý, các cơ quan, tổ chức có liên quan biết và lưu hồ sơ vụ việc.

Câu hỏi 114: Tổ chức, cá nhân trợ giúp pháp lý vi phạm các quy định về trợ giúp pháp lý thì bị xử lý như thế nào?

Trả lời:

Theo Điều 48 Luật trợ giúp pháp lý năm 2006, người thực hiện trợ giúp pháp lý, người được trợ giúp pháp lý hoặc người khác có hành vi vi phạm quy định của pháp luật về trợ giúp pháp lý thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý có hành vi vi phạm quy định của pháp luật về trợ giúp pháp lý thì bị xử phạt hành chính, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật; trong trường hợp gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính mà còn vi phạm thì không được tiếp tục tham gia trợ giúp pháp lý.

Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn cản trở, gây khó khăn cho hoạt động trợ giúp pháp lý hoặc vi phạm pháp luật về trợ giúp pháp lý thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Câu hỏi 115: Việc xử lý vi phạm hành chính về trợ giúp pháp lý theo quy định nào?

Trả lời:

Theo khoản 4 Điều 48 Luật trợ giúp pháp lý năm 2006, việc xử lý vi phạm hành chính về trợ giúp pháp lý được thực hiện theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

Như vậy, các vi phạm hành chính về trợ giúp pháp lý được xử lý theo Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 và được hướng dẫn tại Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19-7-2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính, Nghị định số 110/2013/NĐ-CP ngày 24-9-2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong

lĩnh vực bổ trợ tư pháp, hành chính tư pháp, hôn nhân và gia đình, thi hành án dân sự, phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã.

Tuy nhiên, riêng đối với trợ giúp viên pháp lý vì là viên chức nhà nước nên việc xử lý vi phạm khi thực hiện trợ giúp pháp lý theo quy định của Luật viên chức năm 2010 và Nghị định số 27/2012/NĐ-CP ngày 06-4-2012 của Chính phủ quy định về xử lý kỷ luật viên chức và trách nhiệm bồi thường, hoàn trả của viên chức.

Câu hỏi 116: Người được trợ giúp pháp lý có quyền khiếu nại hành vi của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, người trợ giúp pháp lý hay không?

Trả lời:

Theo Điều 49 Luật trợ giúp pháp lý năm 2006, người được trợ giúp pháp lý có quyền khiếu nại đối với các hành vi sau đây của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, Trợ giúp viên pháp lý, cộng tác viên khi có căn cứ cho rằng hành vi đó là trái pháp luật, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình:

- a) Từ chối thụ lý vụ việc trợ giúp pháp lý;
- b) Không thực hiện trợ giúp pháp lý;
- c) Thay đổi người thực hiện trợ giúp pháp lý.

Giám đốc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước có trách nhiệm giải quyết khiếu nại đối với các hành vi nêu trên trong thời hạn ba ngày làm việc, kể từ ngày nhận được khiếu nại; trường hợp

không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Giám đốc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, người khiếu nại có quyền khiếu nại lên Giám đốc Sở Tư pháp. Trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được khiếu nại, Giám đốc Sở Tư pháp có trách nhiệm giải quyết khiếu nại.

Câu hỏi 117: Người được trợ giúp pháp lý có quyền khởi kiện hành vi, quyết định của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, Trợ giúp viên pháp lý ra Tòa án nhân dân giải quyết theo vụ việc hành chính hay không?

Trả lời:

Theo Điều 14 Luật trợ giúp pháp lý năm 2006, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Tư pháp, trợ giúp viên pháp lý là viên chức nhà nước nên quyết định, hành vi của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, của trợ giúp viên pháp lý không phải là quyết định hành chính, hành vi hành chính. Do đó, theo Luật tổ tụng hành chính năm 2010, quyết định, hành vi của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, Trợ giúp viên pháp lý không được khởi kiện theo vụ việc hành chính tại Tòa án nhân dân.

Câu hỏi 118: Người được trợ giúp pháp lý có quyền tố cáo, tố giác hành vi vi phạm pháp luật trong trợ giúp pháp lý hay không?

Trả lời:

Theo khoản 3 Điều 49 Luật trợ giúp pháp lý

năm 2006, cá nhân (người được trợ giúp pháp lý) có quyền tố cáo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hành vi vi phạm các quy định của Luật trợ giúp pháp lý. Việc tố cáo và giải quyết tố cáo thực hiện theo quy định của Luật tố cáo năm 2011.

Bên cạnh đó, theo quy định chung tại khoản 1 Điều 48 Luật trợ giúp pháp lý năm 2006, người được trợ giúp pháp lý và những người khác có nghĩa vụ tố giác hành vi vi phạm pháp luật hình sự của người trợ giúp pháp lý.

Câu hỏi 119: Việc giải quyết tranh chấp giữa cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện trợ giúp pháp lý với người được trợ giúp pháp lý được giải quyết như thế nào?

Trả lời:

Theo Điều 50 Luật trợ giúp pháp lý năm 2006, thì việc giải quyết tranh chấp giữa cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện trợ giúp pháp lý với người được trợ giúp pháp lý như sau:

a) Trong trường hợp có tranh chấp giữa người được trợ giúp pháp lý với trợ giúp viên pháp lý, cộng tác viên, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, tư vấn viên pháp luật, tổ chức tư vấn pháp luật liên quan đến việc thực hiện trợ giúp pháp lý thì việc giải quyết tranh chấp được thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự;

b) Trong trường hợp có tranh chấp giữa người được trợ giúp pháp lý và luật sư, tổ chức hành

nghề luật sư liên quan đến việc thực hiện trợ giúp pháp lý thì việc giải quyết tranh chấp được thực hiện theo quy định của pháp luật về luật sư và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<i>Chú dẫn của Nhà xuất bản</i>	5
I. CÁC VẤN ĐỀ CHUNG VỀ TRỢ GIÚP PHÁP LÝ	7
Câu hỏi 1: Trợ giúp pháp lý là gì?	7
Câu hỏi 2: Tại sao phải có quy định về trợ giúp pháp lý?	7
Câu hỏi 3: Hoạt động trợ giúp pháp lý phải tuân theo những nguyên tắc nào?	8
Câu hỏi 4: Như thế nào là một vụ việc về trợ giúp pháp lý?	9
Câu hỏi 5: Trợ giúp pháp lý thuộc trách nhiệm của cơ quan, tổ chức nào?	10
Câu hỏi 6: Phạm vi thực hiện trợ giúp của các cơ quan, tổ chức trợ giúp pháp lý được quy định như thế nào?	12
Câu hỏi 7: Trợ giúp pháp lý được thực hiện ở các lĩnh vực nào?	13
Câu hỏi 8: Ông Trần Văn X thuộc hộ gia đình chuẩn nghèo ở nông thôn. Ông X đã xô sát	

với anh P là hàng xóm và bị khởi tố về tội cố ý gây thương tích. Trường hợp trên, khi ông X muốn được trợ giúp pháp lý thì có thuộc lĩnh vực trợ giúp pháp lý hay không? 14

Câu hỏi 9: Theo bản án đã có hiệu lực pháp luật tuyên vào ngày 01-10 năm trước của Tòa án nhân dân huyện V, bà Nguyễn Thanh H được trả lại căn nhà do gia đình hàng xóm thuê từ năm 1995. Tuy nhiên, gia đình hàng xóm vẫn cố tình không chịu trả nhà theo phán quyết của Tòa án nhân dân tại bản án. Bà H thuộc diện được trợ giúp pháp lý. Như vậy, vụ việc của bà H thuộc lĩnh vực nào của trợ giúp pháp lý? 15

Câu hỏi 10: Bà Nguyễn Thị T và hai con nhỏ là cháu A và cháu Q sinh sống ở xã miền núi, có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn. chồng của bà T là người nghiện rượu, thường xuyên có hành vi lăng mạ bà T và hai con. Vậy, trường hợp bà T và hai con bà có thuộc diện trợ giúp pháp lý hay không và thuộc lĩnh vực nào của trợ giúp pháp lý? 15

Câu hỏi 11: Chị Vũ Thị S là vợ liệt sĩ, công tác tại cơ quan nhà nước huyện M, tỉnh N. Chị khởi kiện ra Tòa án nhân dân huyện M về quyết định kỷ luật buộc chị thôi việc của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M. Chị S muốn được trợ giúp pháp lý trong vụ việc của chị. Vậy, vụ việc của chị S thuộc lĩnh vực trợ giúp pháp lý nào? 16

- Câu hỏi 12: Ông Trần H là cựu chiến binh thuộc diện được trợ giúp pháp lý. Ông yêu cầu Trung tâm trợ giúp pháp lý thuộc Sở Tư pháp tỉnh nơi ông sinh sống trợ giúp pháp lý để giải quyết trường hợp Công ty điện máy A bán cho ông chiếc máy điều hoà nhiệt độ mà không thực hiện nghĩa vụ bảo hành khi máy điều hoà đó hỏng hóc trong thời hạn bảo hành. Như vậy, trường hợp này thuộc lĩnh vực trợ giúp pháp lý nào? 17
- Câu hỏi 13: Anh Huỳnh Văn K là người khuyết tật, làm công nhân trong Công ty thủ công mỹ nghệ xuất khẩu. Tháng trước, anh K bất ngờ bị Giám đốc Công ty ra quyết định cho thôi việc. Anh K muốn được Chi nhánh Trung tâm trợ giúp pháp lý nơi anh làm việc trợ giúp pháp lý để bảo vệ quyền lợi của mình. Như vậy, trường hợp của anh có thuộc lĩnh vực trợ giúp pháp lý hay không? 18
- Câu hỏi 14: Bà Mai Thị Q là người có công giúp đỡ cách mạng trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ và được Nhà nước tặng Bằng “Có công với nước”. Bà Q muốn được yêu cầu trợ giúp pháp luật liên quan đến trợ cấp, phụ cấp ưu đãi đối với người có công với cách mạng mà bà được hưởng. Vậy, yêu cầu trợ giúp của bà Q có thuộc lĩnh vực trợ giúp pháp lý hay không? 18
- Câu hỏi 15: Bà Nguyễn Thị V là vợ liệt sĩ, muốn trợ giúp pháp lý liên quan đến việc thực hiện quyền ứng cử vào Hội đồng nhân dân xã. Yêu cầu của bà V có thuộc lĩnh vực trợ giúp pháp lý hay không? 19

Câu hỏi 16: Trợ giúp pháp lý có các hình thức nào?	20
Câu hỏi 17: Trợ giúp pháp lý bằng hình thức tư vấn pháp luật được quy định như thế nào?	20
Câu hỏi 18: Trợ giúp pháp lý bằng hình thức tham gia tố tụng được quy định như thế nào?	21
Câu hỏi 19: Trợ giúp pháp lý bằng hình thức đại diện ngoài tố tụng là như thế nào?	21
Câu hỏi 20: Trợ giúp pháp lý bằng các hình thức trợ giúp pháp lý khác là như thế nào?	22
Câu hỏi 21: Hoà giải trong trợ giúp pháp lý được quy định như thế nào?	22
Câu hỏi 22: Trợ giúp pháp lý được thực hiện lưu động trong trường hợp nào?	23
Câu hỏi 23: Trong trợ giúp pháp lý, nếu phát hiện pháp luật chưa phù hợp với thực tiễn thì tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý có được kiến nghị thi hành pháp luật hay không?	25
Câu hỏi 24: Tổ chức, cá nhân trợ giúp pháp lý được làm gì khi phát hiện vụ việc của người được trợ giúp pháp lý đã quá thời hạn giải quyết quy định mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền không giải quyết vụ việc hoặc không tiếp nhận giải quyết vụ việc?	26
Câu hỏi 25: Tổ chức, cá nhân trợ giúp pháp lý phải tuân thủ tiêu chuẩn nghề nghiệp nào?	27
Câu hỏi 26: Tại sao phải bảo đảm nguyên tắc bình đẳng giới trong trợ giúp pháp lý?	29

Câu hỏi 27: Bình đẳng giới trong hoạt động trợ giúp pháp lý được thực hiện như thế nào?	30
II. CÁC TỔ CHỨC THỰC HIỆN, THAM GIA TRỢ GIÚP PHÁP LÝ	38
Câu hỏi 28: Những tổ chức nào được thực hiện hoặc tham gia trợ giúp pháp lý?	38
Câu hỏi 29: Bình đẳng giới trong các tổ chức trợ giúp pháp lý được thực hiện như thế nào?	38
Câu hỏi 30: Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước do cơ quan nhà nước có thẩm quyền nào thành lập?	41
Câu hỏi 31: Trong hoạt động trợ giúp pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước có các quyền và nghĩa vụ gì?	42
Câu hỏi 32: Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước có nghĩa vụ gì trong việc báo cáo thống kê trợ giúp pháp lý?	43
Câu hỏi 33: Chi nhánh Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước được thành lập khi nào?	58
Câu hỏi 34: Chi nhánh Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước được thành lập ở cấp địa giới hành chính nào?	58
Câu hỏi 35: Chi nhánh Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước có những quyền hạn và nhiệm vụ gì trong việc trợ giúp pháp lý?	59
Câu hỏi 36: Trong trợ giúp pháp lý bằng hình thức tham gia tố tụng, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, Chi nhánh Trung tâm	

trợ giúp pháp lý nhà nước có các quyền và nghĩa vụ gì?	59
Câu hỏi 37: Trong trợ giúp pháp lý bằng hình thức đại diện ngoài tố tụng, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, Chi nhánh Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước có các quyền và nghĩa vụ gì?	61
Câu hỏi 38: Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, Chi nhánh Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước cần lưu ý gì khi trợ giúp pháp lý cho người dân tộc thiểu số?	63
Câu hỏi 39: Văn phòng luật sư và công ty luật khi tham gia trợ giúp pháp lý có phải đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền hay không?	64
Câu hỏi 40: Hồ sơ đăng ký trợ giúp pháp lý của văn phòng luật sư và công ty luật gồm những giấy tờ gì?	65
Câu hỏi 41: Giấy đăng ký, thay đổi hoạt động trợ giúp pháp lý của tổ chức hành nghề luật sư là văn phòng luật sư và công ty luật có mẫu hay không, nếu có thì được quy định tại văn bản pháp luật nào?	65
Câu hỏi 42: Trong hoạt động trợ giúp pháp lý, văn phòng luật sư và công ty luật có các quyền và nghĩa vụ gì?	72
Câu hỏi 43: Văn phòng luật sư và công ty luật có nghĩa vụ gì trong việc báo cáo thống kê trợ giúp pháp lý?	73

Câu hỏi 44: Văn phòng luật sư và công ty luật từ chối hoặc không tiếp tục trợ giúp pháp lý trong trường hợp nào?	89
Câu hỏi 45: Văn phòng luật sư CBA (đăng ký hoạt động trợ giúp pháp lý tại Sở Tư pháp tỉnh BD) đang trợ giúp pháp lý cho anh Huỳnh Hoàng QA về vụ việc ly hôn với vợ là chị Nguyễn Thị VA. Trong quá trình trợ giúp, khi được Văn phòng luật sư CBA yêu cầu cung cấp giấy tờ sở hữu căn nhà cấp bốn mà anh chị đang ở, anh QA đã cung cấp giấy chứng nhận sở hữu giả mang tên một mình anh là chủ sở hữu. Qua xem xét, luật sư trợ giúp pháp lý của Văn phòng luật sư CBA phát hiện ra sự việc đó. Vậy, trường hợp này, Văn phòng luật sư CBA có quyền từ chối tiếp tục trợ giúp pháp lý cho anh QA hay không?	91
Câu hỏi 46: Văn phòng luật sư và công ty luật bị chấm dứt tham gia trợ giúp pháp lý trong trường hợp nào?	92
Câu hỏi 47: Mẫu đơn chấm dứt tham gia trợ giúp pháp lý của văn phòng luật sư và công ty luật được quy định như thế nào?	93
Câu hỏi 48: Sau khi chấm dứt hoạt động trợ giúp pháp lý, văn phòng luật sư, công ty luật có bị thu hồi giấy đăng ký trợ giúp pháp lý hay không?	95
Câu hỏi 49: Các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp nào được trợ giúp pháp lý?	96

- Câu hỏi 50: Các Trung tâm tư vấn pháp luật của tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp có nghĩa vụ gì trong việc báo cáo thống kê trợ giúp pháp lý? 97
- Câu hỏi 51: Mẫu giấy đăng ký, thay đổi, chấm dứt hoạt động trợ giúp pháp lý của tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp được quy định tại văn bản pháp luật nào? 97
- Câu hỏi 52: Các Trung tâm tư vấn pháp luật của tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp bị chấm dứt trợ giúp pháp lý khi nào? 98
- Câu hỏi 53: Sau khi chấm dứt hoạt động trợ giúp pháp lý, Trung tâm tư vấn pháp luật của các tổ chức tư vấn pháp luật là tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp có bị thu hồi Giấy đăng ký trợ giúp pháp lý hay không? 99
- Câu hỏi 54: Cấp xã, phường, thị trấn được tổ chức hình thức cộng đồng nào để hỗ trợ những vướng mắc liên quan đến pháp luật? 100
- Câu hỏi 55: Các khoản chi cụ thể nào của Câu lạc bộ trợ giúp pháp lý được Nhà nước hỗ trợ? 101
- Câu hỏi 56: Sinh hoạt chuyên đề pháp luật của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước và Chi nhánh Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước là như thế nào? 102

Câu hỏi 57: Cơ quan công tác dân tộc ở địa phương có trách nhiệm gì trong việc trợ giúp pháp lý đối với những người thuộc dân tộc thiểu số?	103
Câu hỏi 58: Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam có trách nhiệm gì trong việc giúp cựu chiến binh thực hiện quyền được trợ giúp pháp lý?	104
Câu hỏi 59: Hội Cựu chiến binh địa phương có trách nhiệm gì trong việc giúp cựu chiến binh thực hiện quyền được trợ giúp pháp lý?	106
III. NHỮNG NGƯỜI THỰC HIỆN TRỢ GIÚP PHÁP LÝ	108
Câu hỏi 60: Những người nào là người thực hiện trợ giúp pháp lý?	108
Câu hỏi 61: Những người nào không được tham gia trợ giúp pháp lý?	109
Câu hỏi 62: Những người nào là trợ giúp viên pháp lý?	109
Câu hỏi 63: Trợ giúp viên pháp lý cần có tiêu chuẩn gì?	110
Câu hỏi 64: Trợ giúp viên pháp lý có quyền và nghĩa vụ gì liên quan đến hoạt động trợ giúp pháp lý?	110
Câu hỏi 65: Những ai được làm cộng tác viên trợ giúp pháp lý?	112

- Câu hỏi 66: Ông C không có bằng cấp chuyên môn về pháp luật, nhưng đã làm công chức Tư pháp xã V, huyện H, tỉnh miền núi SL được 3 năm. Ông C muốn đăng ký làm cộng tác viên trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước thuộc Sở Tư pháp tỉnh SL. Vậy, ông C có đủ tiêu chuẩn để làm cộng tác viên trợ giúp pháp lý hay không? 113
- Câu hỏi 67: Ông P là Trưởng bản M, xã KT, huyện BD, tỉnh miền núi K. Ông P muốn đăng ký làm cộng tác viên trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước thuộc Sở Tư pháp tỉnh K. Vậy, ông P có đủ tiêu chuẩn để làm cộng tác viên trợ giúp pháp lý hay không? 114
- Câu hỏi 68: Hồ sơ tự nguyện làm cộng tác viên trợ giúp pháp lý được gửi đến cơ quan, tổ chức nào? 115
- Câu hỏi 69: Hồ sơ tự nguyện làm cộng tác viên gồm những giấy tờ gì? 116
- Câu hỏi 70: Ông Nguyễn Văn T đang làm Thẩm phán Tòa án nhân dân huyện K. Ông T muốn đăng ký với Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước thuộc Sở Tư pháp tỉnh để làm cộng tác viên. Vậy, ông T có đủ tiêu chuẩn để chấp nhận là cộng tác viên hay không? 117
- Câu hỏi 71: Ông Nguyễn L trước đây là công chứng viên. Ba năm trước ông L vi phạm pháp luật trong hoạt động công chứng và bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước với mức án là 2

năm 9 tháng tù giam. Do cải tạo tốt ông L được giảm thời gian chấp hành án phạt tù và được ra tù tháng 01 năm ngoái. Nay, ông L muốn đăng ký với Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh để làm cộng tác viên. Vậy, ông L có đủ tiêu chuẩn để được chấp nhận là cộng tác viên trợ giúp pháp lý hay không?	118
Câu hỏi 72: Quan hệ cộng tác giữa Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước và cộng tác viên dựa trên cơ sở pháp lý nào?	119
Câu hỏi 73: Cộng tác viên có quyền và nghĩa vụ gì trong hoạt động trợ giúp pháp lý?	122
Câu hỏi 74: Ông Hoàng Xuân Q là cộng tác viên trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh HD. Vậy, ông Q được hưởng chế độ bồi dưỡng như thế nào trong việc thực hiện trợ giúp pháp lý?	126
Câu hỏi 75: Cộng tác viên được cấp lại và thu hồi thẻ cộng tác viên trong những trường hợp nào?	133
Câu hỏi 76: Hành vi dẫn đến việc bị thu hồi thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý theo Điều 9 Luật trợ giúp pháp lý năm 2006 là những hành vi nào?	135
Câu hỏi 77: Hành vi dẫn đến việc bị thu hồi thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý theo khoản 3 Điều 20 Luật trợ giúp pháp lý năm 2006 là những hành vi nào?	136
Câu hỏi 78: Luật sư phải có điều kiện gì mới được tham gia trợ giúp pháp lý?	137

Câu hỏi 79: Khi tham gia trợ giúp pháp lý,
luật sư có quyền, nghĩa vụ gì? 137

Câu hỏi 80: Ông Đ thuộc đối tượng được trợ
giúp pháp lý. Ông đang có vụ việc tranh
chấp dân sự về mảnh đất ở mà mẹ ông để
lại. Ông có ý định nhờ luật sư là cộng tác
viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà
nước nơi ông sinh sống trợ giúp miễn phí.
Tuy nhiên, ông băn khoăn không biết họ sẽ
giúp ông như thế nào và làm những công
việc gì để giúp ông về mặt pháp lý? 138

Câu hỏi 81: Luật sư bị chấm dứt hoạt động trợ
giúp pháp lý khi nào? 139

IV. NHỮNG NGƯỜI ĐƯỢC TRỢ GIÚP PHÁP LÝ 140

Câu hỏi 82: Những người nào thuộc đối tượng
được trợ giúp pháp lý? 140

Câu hỏi 83: Ông H đang cư trú tại tỉnh TB,
hàng tháng gia đình ông thu nhập bình
quân là 390.000 đồng/01 người/01 tháng.
Ông H đang có vụ việc tranh chấp dân
sự cần trợ giúp pháp lý. Vậy, trường hợp
ông H có thuộc đối tượng trợ giúp pháp
lý hay không? 141

Câu hỏi 84: Ông G đang cư trú tại thành phố
HN, hàng tháng gia đình ông thu nhập
bình quân là 495.000 đồng/01 người/01
tháng. Ông G đã nộp tiền mua nhà ở dành
cho người có thu nhập thấp theo thỏa
thuận tại hợp đồng với Công ty xây dựng

- nhà ở BQ và theo đó ngày 01-01-2014 ông G được giao nhà. Tuy nhiên, đến nay đã quá thời hạn giao nhà mà ông G vẫn chưa được Công ty BQ giao nhà. Ông G muốn được Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước thuộc Sở Tư pháp thành phố HN trợ giúp pháp lý để ông khởi kiện Công ty BQ. Vậy, trường hợp ông G có thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý hay không? 142
- Câu hỏi 85: Cựu chiến binh được hưởng trợ giúp pháp lý theo quy định của pháp luật về trợ giúp pháp lý gồm những ai? 143
- Câu hỏi 86: Ông Q 60 tuổi, là cựu chiến binh sống độc thân. Ông Q đang muốn khiếu nại quyết định giao quyền sử dụng đất ở của Ủy ban nhân dân huyện K đối với ông. Vậy, trường hợp ông Q có thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý hay không? 145
- Câu hỏi 87: Ông B dân tộc Tày, sinh sống thường xuyên tại Bản M là địa bàn thuộc xã đặc biệt khó khăn và có chứng nhận tạm trú tại bản M. Tháng 01-2012 ông đi chợ huyện, bị xe máy do anh A điều khiển đâm phải, gây thương tích tổn hại 10% sức khỏe. Ông B khởi kiện anh A tại Toà án huyện nơi ông B sinh sống và ông B muốn nhờ Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước thuộc Sở Tư pháp tỉnh trợ giúp pháp lý về việc tham gia tố tụng. Vậy, trong trường hợp nêu trên, ông B có được chấp nhận trợ giúp pháp lý hay không? 147

Câu hỏi 88: Những đối tượng nào được hưởng chính sách trợ giúp pháp lý cho người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số tại các xã nghèo giai đoạn 2013 - 2020?	148
Câu hỏi 89: Người được hưởng chính sách trợ giúp pháp lý cho người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số tại các xã nghèo giai đoạn 2013 - 2020 có những quyền lợi gì?	149
V. QUY TRÌNH, THỦ TỤC CỦA HOẠT ĐỘNG TRỢ GIÚP PHÁP LÝ	151
Câu hỏi 90: Địa điểm tiếp người được trợ giúp pháp lý được bố trí ở đâu?	151
Câu hỏi 91: Trụ sở làm việc của tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý phải niêm yết công khai những nội dung gì để thuận lợi cho việc cung cấp thông tin cho người có yêu cầu được trợ giúp pháp lý?	153
Câu hỏi 92: Muốn được trợ giúp pháp lý, người thuộc đối tượng được trợ giúp phải làm như thế nào?	154
Câu hỏi 93: Ông C thuộc diện hộ nghèo sống ở xã H, huyện D, tỉnh HB. Ông C có vụ việc khiếu nại hành chính cần được trợ giúp pháp lý. Khi đến các tổ chức trợ giúp pháp lý, ông C phải mang theo những giấy tờ gì?	157
Câu hỏi 94: Ông N là người có công với cách mạng. Ông N có vụ việc tranh chấp về lao	

động và cần trợ giúp pháp lý bởi Chi nhánh Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước nơi ông sinh sống. Ông N phải mang giấy tờ gì đến Chi nhánh Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước để chứng minh ông là người có công với cách mạng, thuộc diện được trợ giúp pháp lý?

159

Câu hỏi 95: Bà M là người già cô đơn không nơi nương tựa. Bà M đang có vụ việc tranh chấp về đất đai với hàng xóm là gia đình ông HD. Do không có kiến thức về pháp lý, bà M cần trợ giúp pháp lý bởi Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước nơi bà sinh sống. Bà M phải mang giấy tờ gì đến Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước này để chứng minh mình là người già cô đơn?

160

Câu hỏi 96: Cách đây 10 năm, anh Th bị tai nạn giao thông nên cụt hai chân. Anh là con một, bố mẹ đã chết và anh đã lập gia đình. Hiện anh đang có tranh chấp về vụ việc dân sự liên quan đến hợp đồng thuê ngôi nhà anh thuê để ở. Anh muốn được Trung tâm tư vấn pháp luật của Đoàn Thanh niên tỉnh nơi anh thường trú trợ giúp pháp lý trong việc ly hôn. Anh Th phải mang giấy tờ gì đến Trung tâm tư vấn pháp luật này để chứng minh mình là người tàn tật không nơi nương tựa?

161

Câu hỏi 97: Em S là trẻ em không nơi nương tựa. Em cần trợ giúp pháp lý liên quan đến việc nhận khoản tiền từ thiện từ một

Việt kiều hảo tâm. Em hoặc người bảo trợ của em cần xuất trình giấy tờ gì để được Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước trợ giúp pháp lý đối với việc này?

162

Câu hỏi 98: Anh Thào P là người dân tộc thiểu số thường trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Anh cần Chi nhánh Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước trợ giúp pháp lý đối với việc vay vốn ngân hàng để phát triển kinh tế gia đình. Anh Thào P phải xuất trình với Chi nhánh Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước giấy tờ gì để chứng minh anh là người dân tộc thiểu số thường trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn?

163

Câu hỏi 99: Những người nào khi yêu cầu trợ giúp pháp lý có thể được xem xét đơn giản thủ tục yêu cầu trợ giúp pháp lý?

164

Câu hỏi 100: Ông V là cựu chiến binh, thương binh. Việc di chuyển của ông V rất khó khăn. Do đó, ông muốn nhờ em trai ông là ông T thay mặt ông đến Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước nộp đơn yêu cầu trợ giúp pháp lý việc thi hành án dân sự có liên quan đến ông. Việc ông V nhờ em trai nộp đơn yêu cầu trợ giúp pháp lý cho ông có được pháp luật chấp nhận hay không?

165

Câu hỏi 101: Việc cung cấp các giấy tờ, tài liệu có liên quan đến vụ việc của người có yêu cầu trợ giúp pháp lý được quy định như thế nào?	166
Câu hỏi 102: Trong vụ, việc dân sự hoặc vụ án hành chính thì người yêu cầu trợ giúp pháp lý phải nộp cho tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý những giấy tờ, tài liệu gì để được trợ giúp pháp lý?	166
Câu hỏi 103: Trong vụ án hình sự thì người yêu cầu trợ giúp pháp lý phải nộp cho tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý những giấy tờ, tài liệu gì để được trợ giúp pháp lý?	167
Câu hỏi 104: Trong các vụ việc đại diện ngoài tố tụng thì người yêu cầu trợ giúp pháp lý phải nộp cho tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý những giấy tờ, tài liệu gì để làm căn cứ cho việc trợ giúp pháp lý?	168
Câu hỏi 105: Việc thụ lý yêu cầu trợ giúp pháp lý được thực hiện như thế nào?	168
Câu hỏi 106: Hồ sơ và kiểm tra các nội dung có liên quan đến yêu cầu trợ giúp pháp lý thực hiện như thế nào?	169
Câu hỏi 107: Việc lập hồ sơ trợ giúp pháp lý được thực hiện như thế nào?	179
Câu hỏi 108: Việc trợ giúp pháp lý thông qua tư vấn pháp luật được thực hiện như thế nào?	185

Câu hỏi 109: Việc trợ giúp pháp lý bằng hình thức tham gia tố tụng của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước hoặc Chi nhánh Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước được thực hiện như thế nào?	199
Câu hỏi 110: Trách nhiệm của người được cử tham gia thực hiện trợ giúp pháp lý khi tham gia tố tụng như thế nào?	205
Câu hỏi 111: Việc trợ giúp pháp lý bằng hình thức đại diện ngoài tố tụng của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước hoặc Chi nhánh Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước được thực hiện như thế nào?	208
Câu hỏi 112: Việc trợ giúp pháp lý bằng hình thức trợ giúp pháp lý khác của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước hoặc Chi nhánh Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước được thực hiện như thế nào?	214
Câu hỏi 113: Người được trợ giúp pháp lý được yêu cầu thay đổi người trợ giúp pháp lý trong các trường hợp nào?	221
Câu hỏi 114: Tổ chức, cá nhân trợ giúp pháp lý vi phạm các quy định về trợ giúp pháp lý thì bị xử lý như thế nào?	222
Câu hỏi 115: Việc xử lý vi phạm hành chính về trợ giúp pháp lý theo quy định nào?	223
Câu hỏi 116: Người được trợ giúp pháp lý có quyền khiếu nại hành vi của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, người trợ giúp pháp lý hay không?	224
	245

- Câu hỏi 117: Người được trợ giúp pháp lý có quyền khởi kiện hành vi, quyết định của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, Trợ giúp viên pháp lý ra Tòa án nhân dân giải quyết theo vụ việc hành chính hay không? 225
- Câu hỏi 118: Người được trợ giúp pháp lý có quyền tố cáo, tố giác hành vi vi phạm pháp luật trong trợ giúp pháp lý hay không? 225
- Câu hỏi 119: Việc giải quyết tranh chấp giữa cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện trợ giúp pháp lý với người được trợ giúp pháp lý được giải quyết như thế nào? 226

Chịu trách nhiệm xuất bản
Q. GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP
TS. HOÀNG PHONG HÀ

Chịu trách nhiệm nội dung
ỦY VIÊN HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP - XUẤT BẢN
PHẠM VIỆT

Biên tập nội dung: TRẦN HÀ TRANG
 NGUYỄN HÀ GIANG
Trình bày bìa: DƯƠNG THÁI SƠN
Chế bản vi tính: LÂM THỊ HƯƠNG
Sửa bản in: PHÒNG BIÊN TẬP KỸ THUẬT
Đọc sách mẫu: HÀ TRANG - HÀ GIANG

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT 12/86 Duy Tân - Cầu Giấy - Hà Nội
ĐT: 080.49221 Fax: 080.49222 Email: suthat@nxbctqg.vn Website: www.nxbctqg.vn

TÌM ĐỌC

- LUẬT TRỢ GIÚP PHÁP LÝ
VÀ VĂN BẢN HƯỚNG DẪN THI HÀNH
- LUẬT LUẬT SƯ
- LUẬT THANH TRA

